

Phụ lục
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH LAI CHÂU
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Lai Châu)

TT	Tên TTHC	Quy trình giải quyết nội bộ TTHC
A	Lĩnh vực: Đường bộ	
1	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ. (2.001921.000.00.00.H35) - Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<pre>graph TD; A[Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh * Thời gian thực hiện: ½ ngày] --> B[Lãnh đạo phòng Quản lý kết cấu hạ tầng xử lý * Thời gian thực hiện: - Phân công: ¼ ngày - Thẩm định: 01 ngày]; B --> C[Chuyên viên phòng Quản lý kết cấu hạ tầng xử lý hồ sơ * Thời gian thực hiện: 04 ngày]; C -.-> B; B --> D[Lãnh đạo Sở Xây dựng (ký, phê duyệt) * Thời gian thực hiện: 01 ngày]; D --> E[Văn thư Sở Xây dựng (đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: ¼ ngày]; E --> F[Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh * Bộ phận thu ngân và trả kết quả]; F --> G[Tổ chức, cá nhân]; G --> A;</pre> The flowchart illustrates the internal decision-making process for the road construction permit procedure. It begins with the 'Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh' (Provincial Administrative Service Center) with a 1/2 day implementation time. The process then moves to the 'Lãnh đạo phòng Quản lý kết cấu hạ tầng xử lý' (Director of the Department of Management of Infrastructure Construction), which has a 1/4 day implementation time for assignment and 1 day for review. This leads to the 'Chuyên viên phòng Quản lý kết cấu hạ tầng xử lý hồ sơ' (Staff of the Department of Management of Infrastructure Construction handling the dossier) with a 4-day implementation time. There is a feedback loop from the staff back to the director. The process then moves to the 'Lãnh đạo Sở Xây dựng (ký, phê duyệt)' (Director of the Department of Construction (signing, approving)) with a 1-day implementation time. This leads to the 'Văn thư Sở Xây dựng (đóng dấu, phát hành)' (Department of Construction Secretariat (stamping, issuing)) with a 1/4 day implementation time. The process then moves to the 'Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh' (Provincial Administrative Service Center) with a 1/4 day implementation time for the 'Bộ phận thu ngân và trả kết quả' (Payment and result return department). Finally, the process ends with the 'Tổ chức, cá nhân' (Organization, individual).

2

Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc

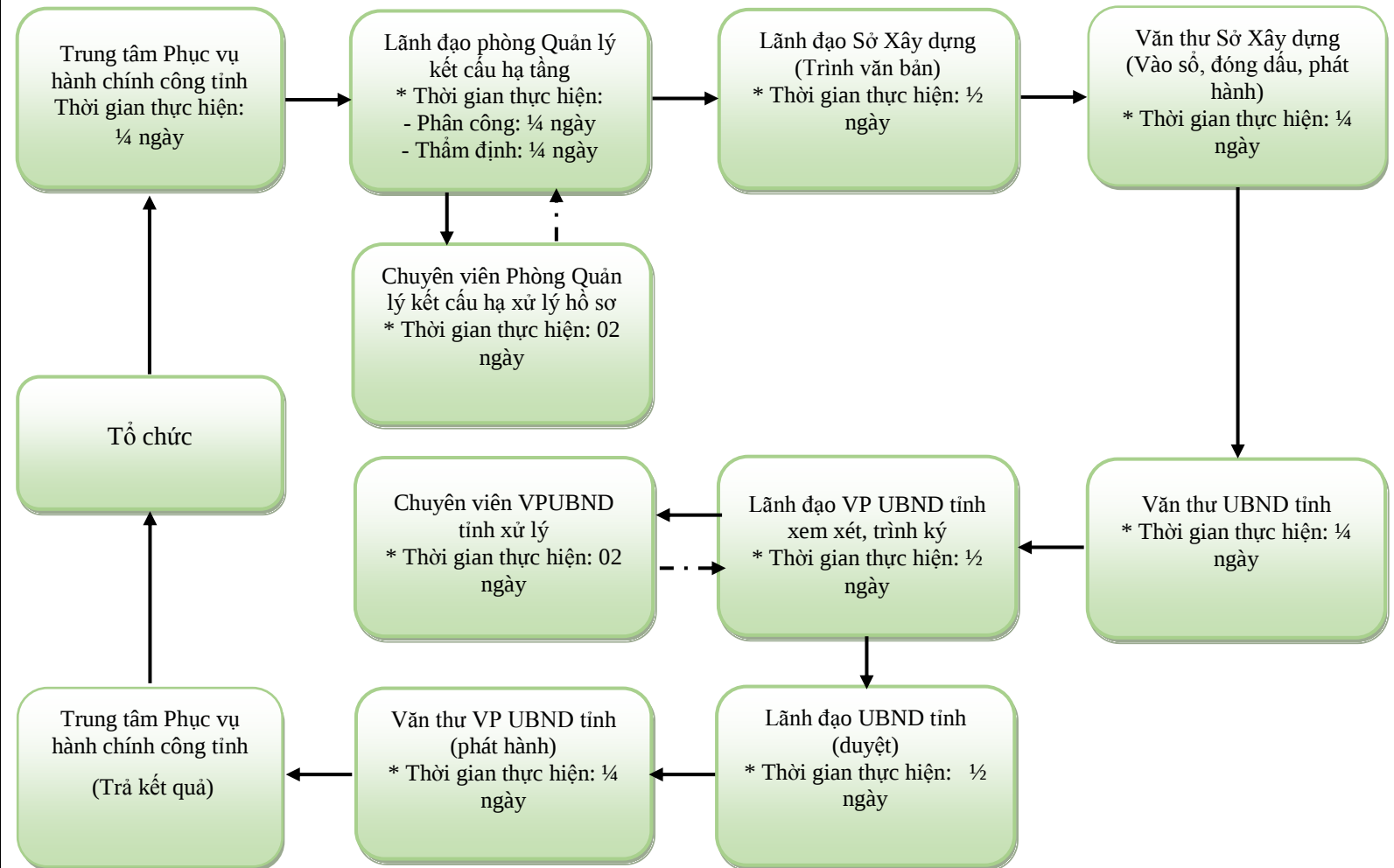
(1.013276.000.00.00.H35)

- **Thời gian thực hiện:**

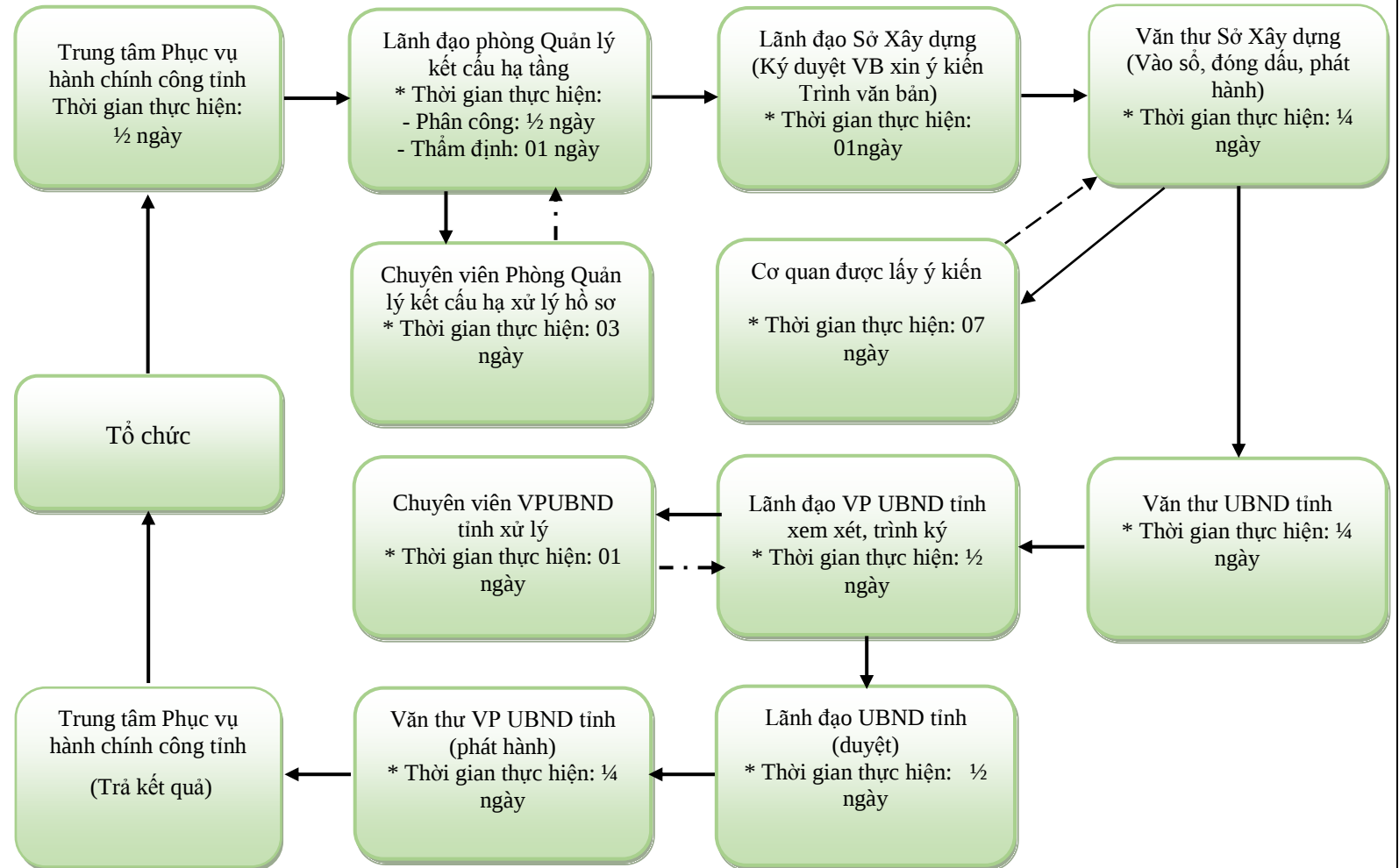
+ Trường hợp không phải lấy ý kiến: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp phải lấy ý kiến: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

* Trường hợp không phải lấy ý kiến:

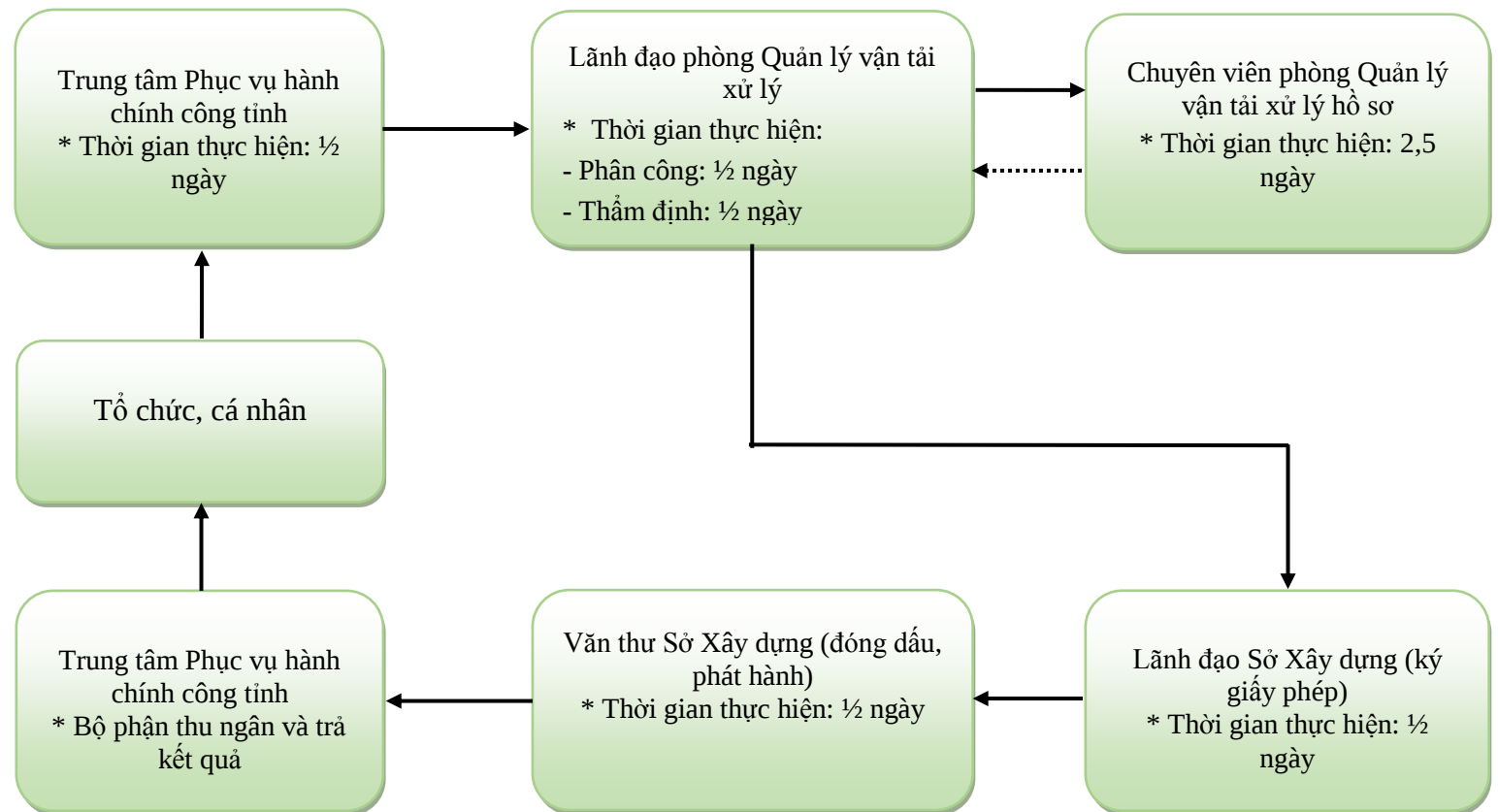


* Trường hợp phải lấy ý kiến



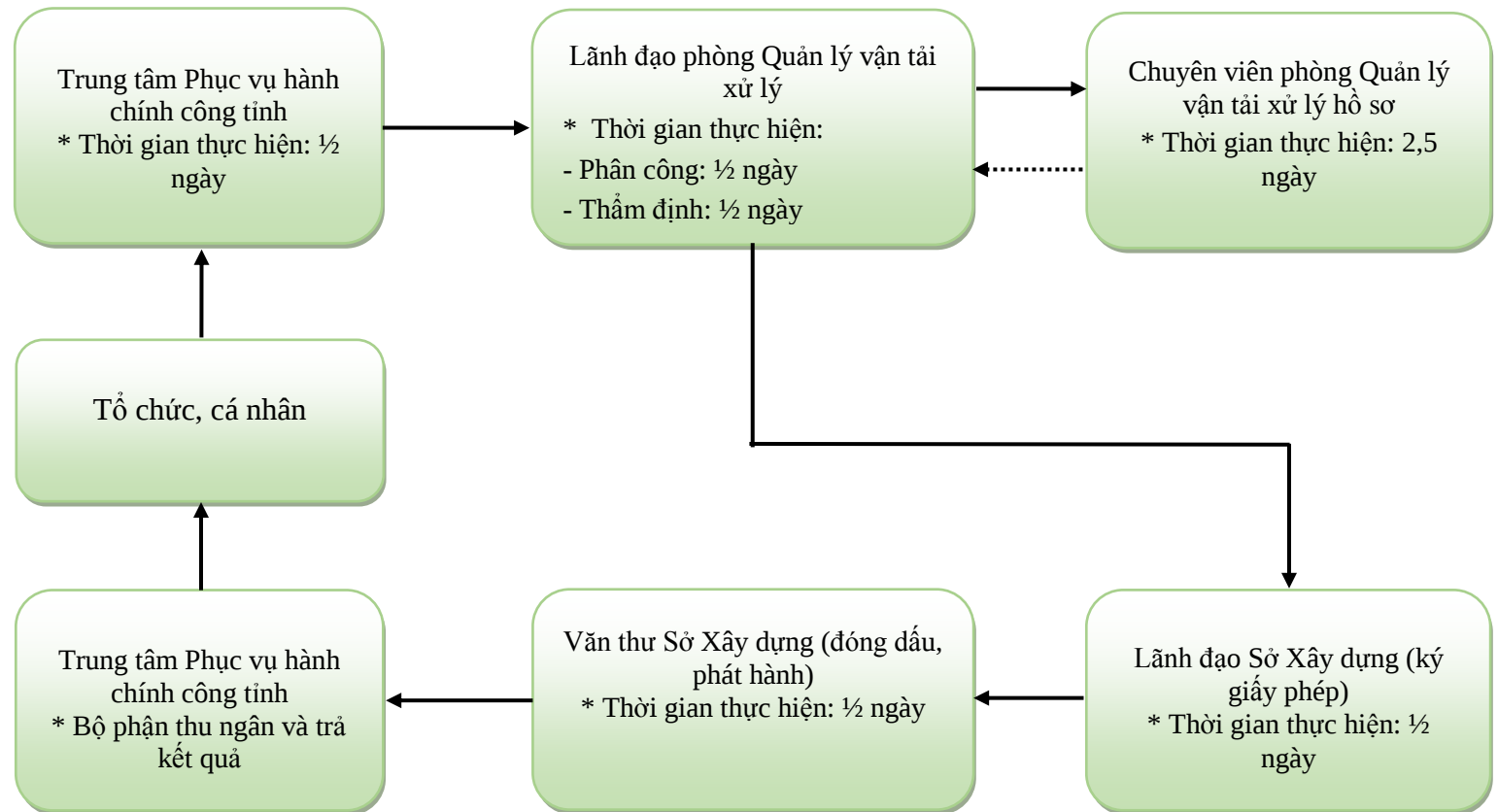
3

Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ (1.000703.000.00.00.H35)
- Thời gian thực hiện:
 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.



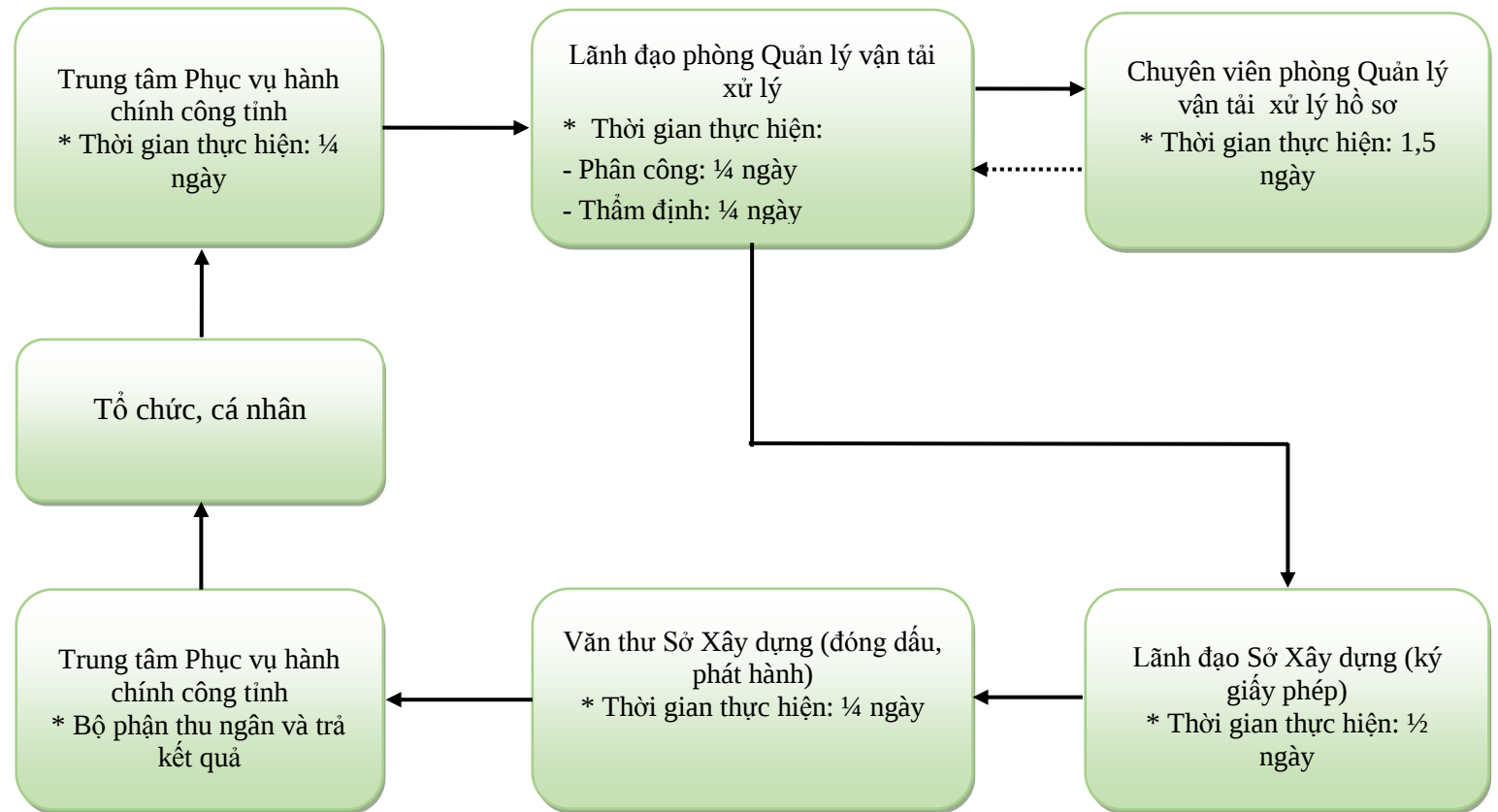
4

Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi
(2.002286.000.00.00.H35)
- **Thời gian thực hiện:**
05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.



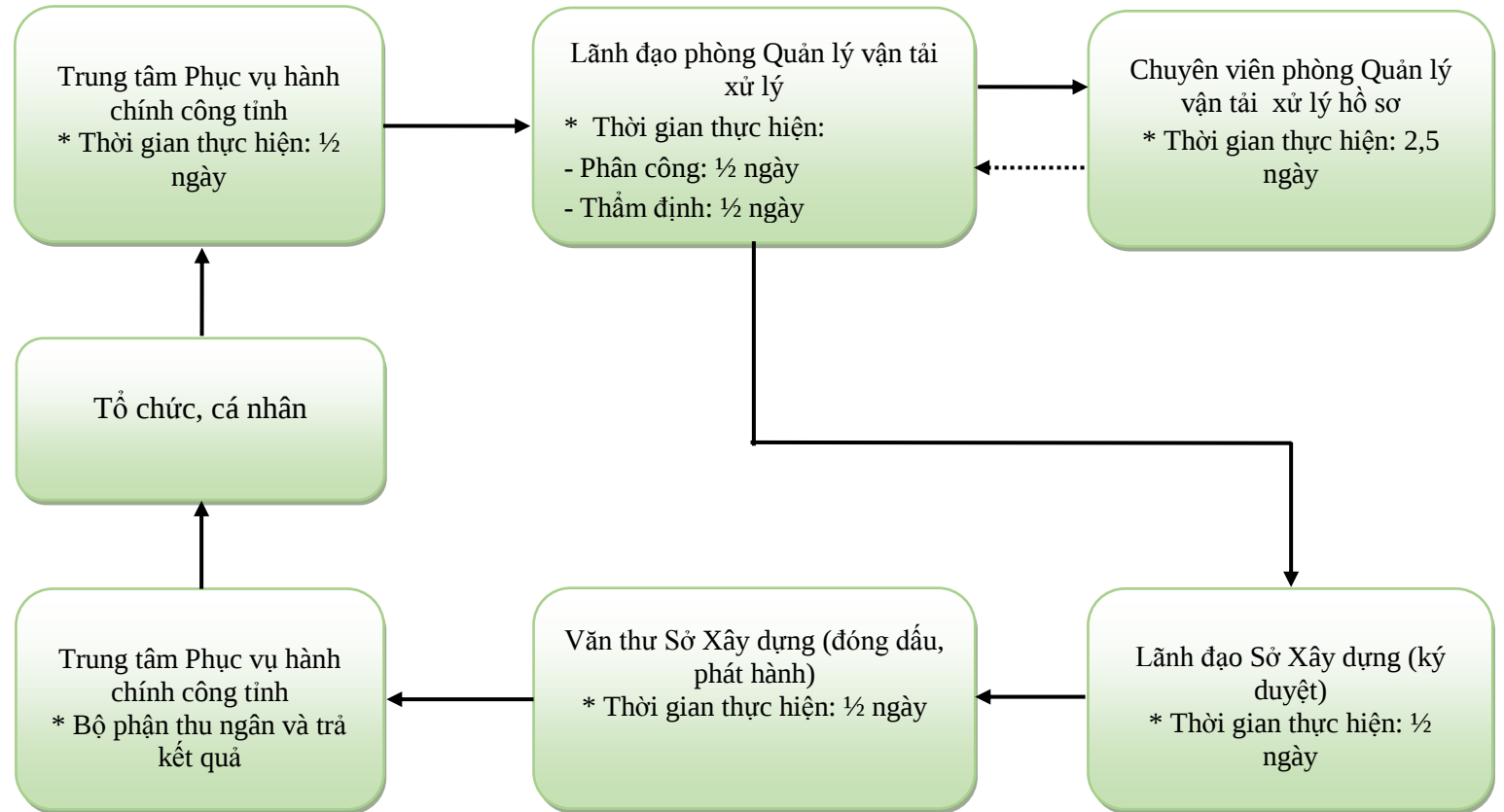
5

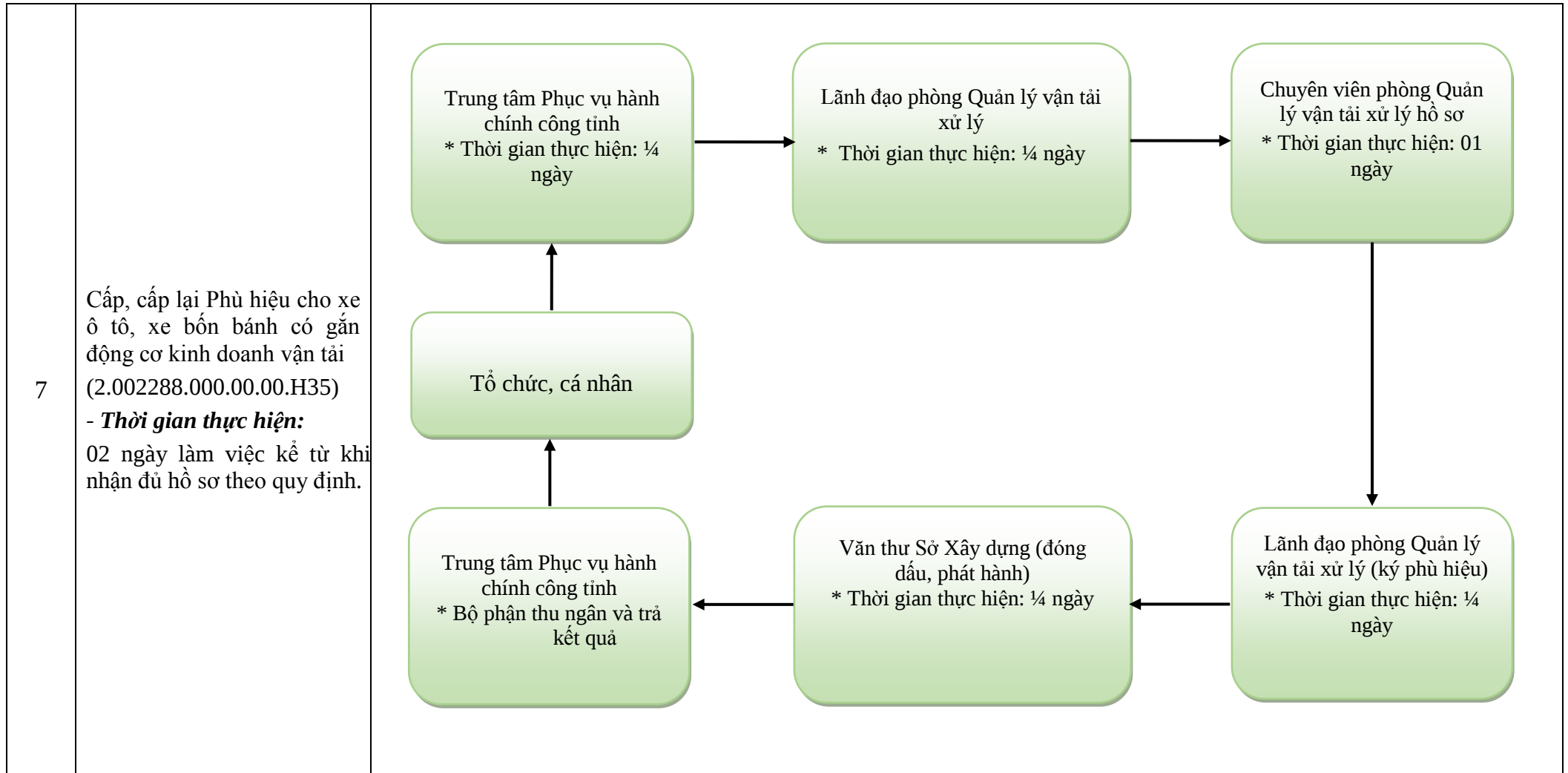
Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng
(2.002287.000.00.00.H35)
- **Thời gian thực hiện:**
03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.



6

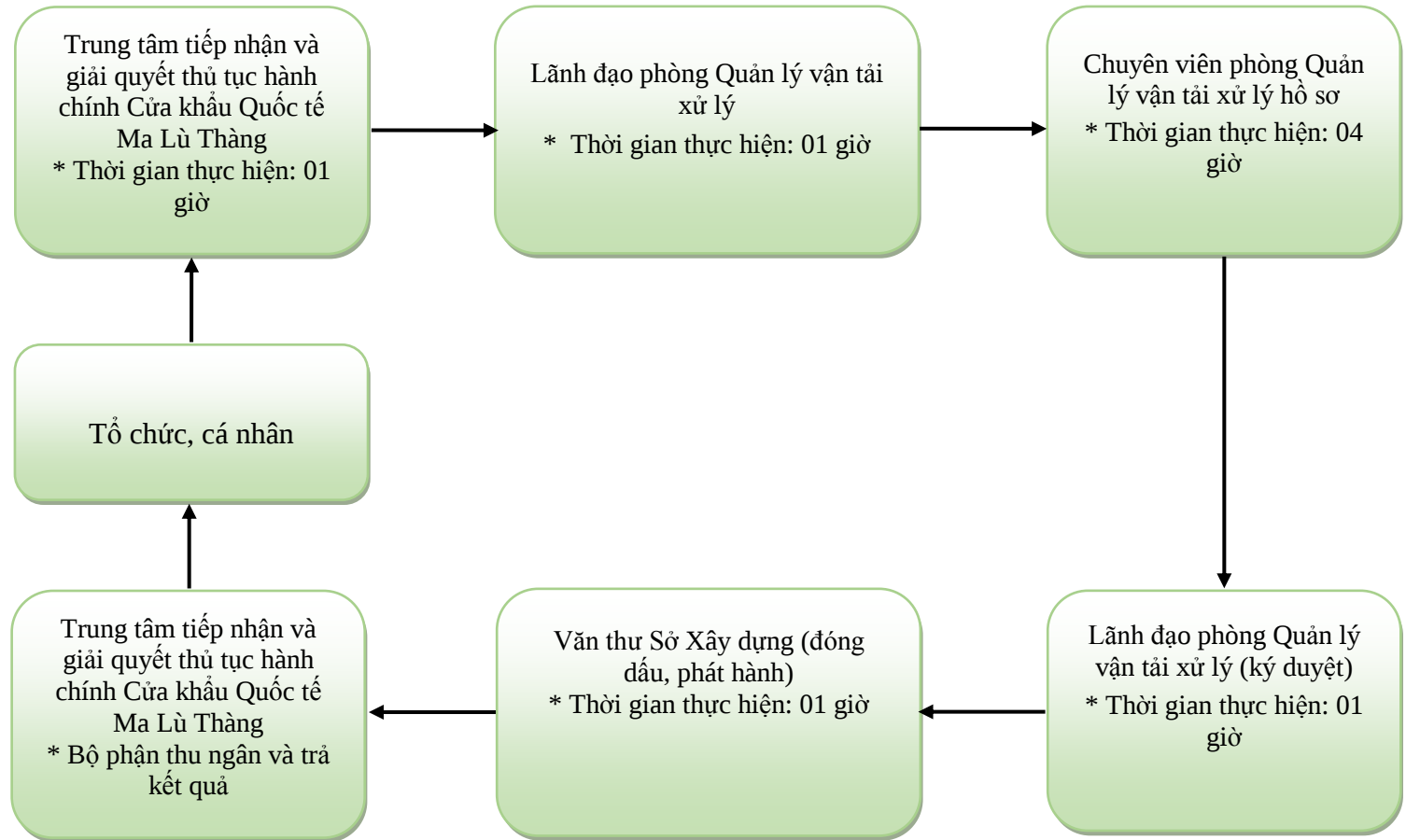
Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định (2.002285.000.00.00.H35)
 - **Thời gian thực hiện:**
 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.





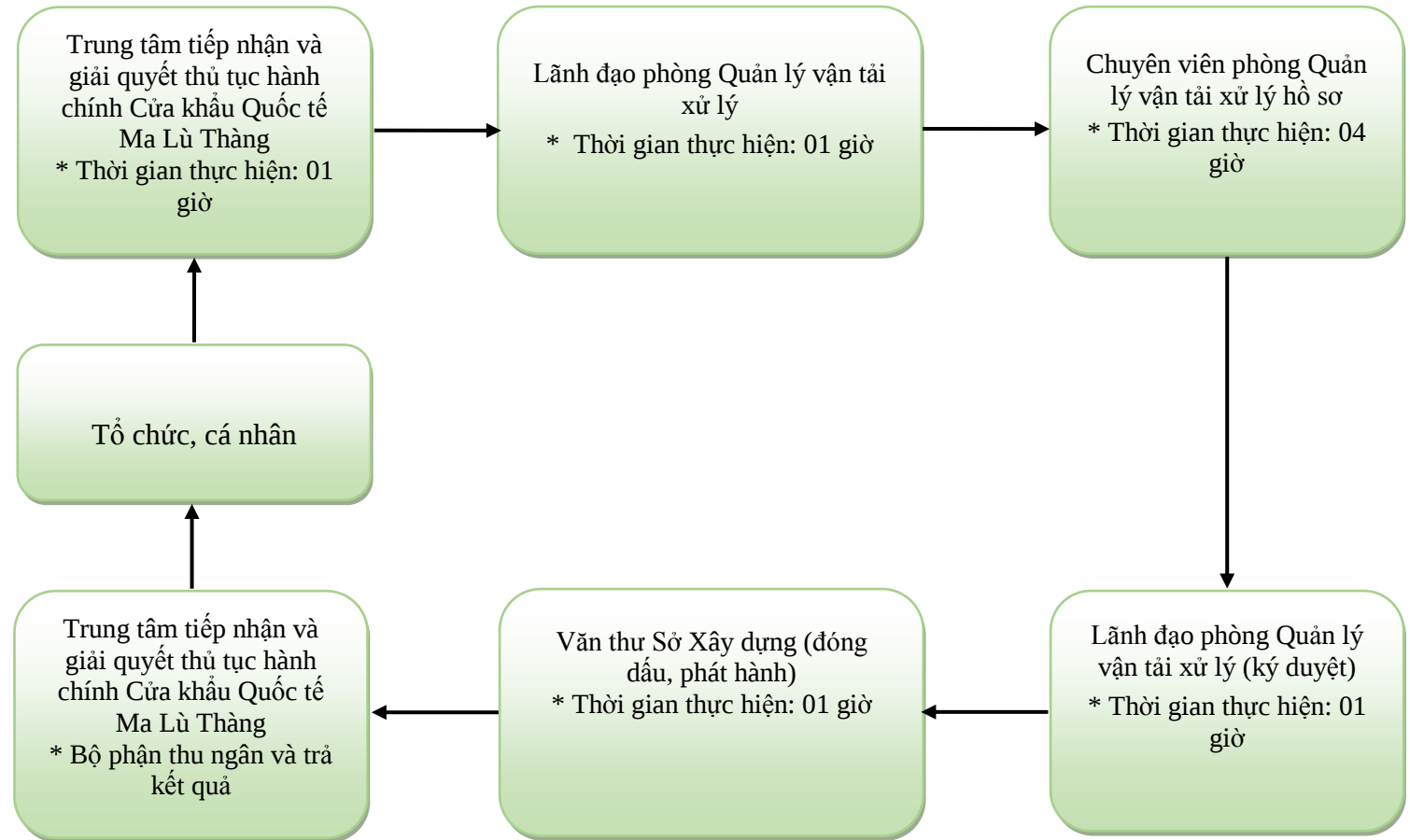
8

Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam (2.001034.000.00.00.H35)
- Thời gian thực hiện:
 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.



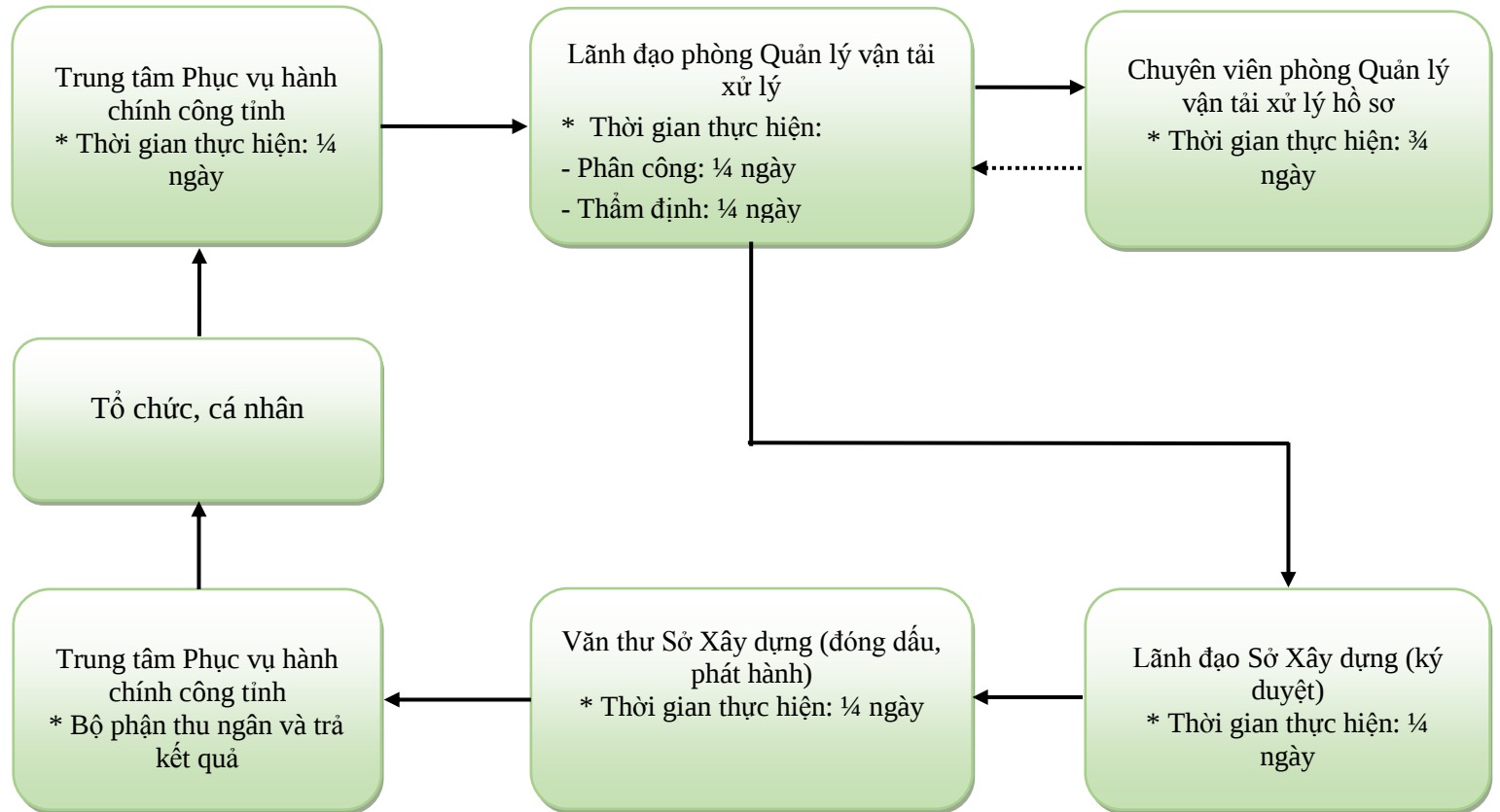
9

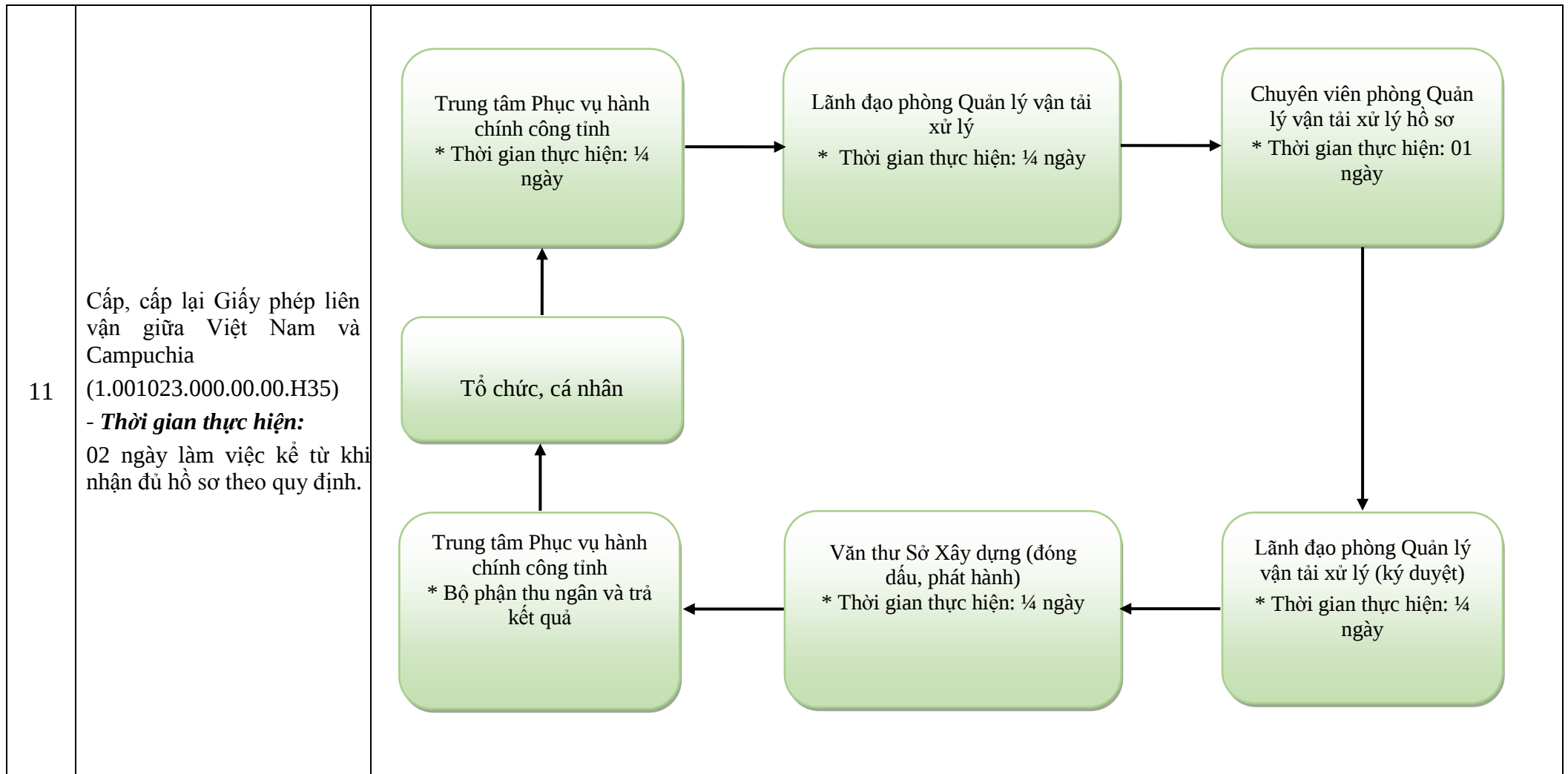
Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam (1.002357.000.00.00.H35)
- Thời gian thực hiện:
 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

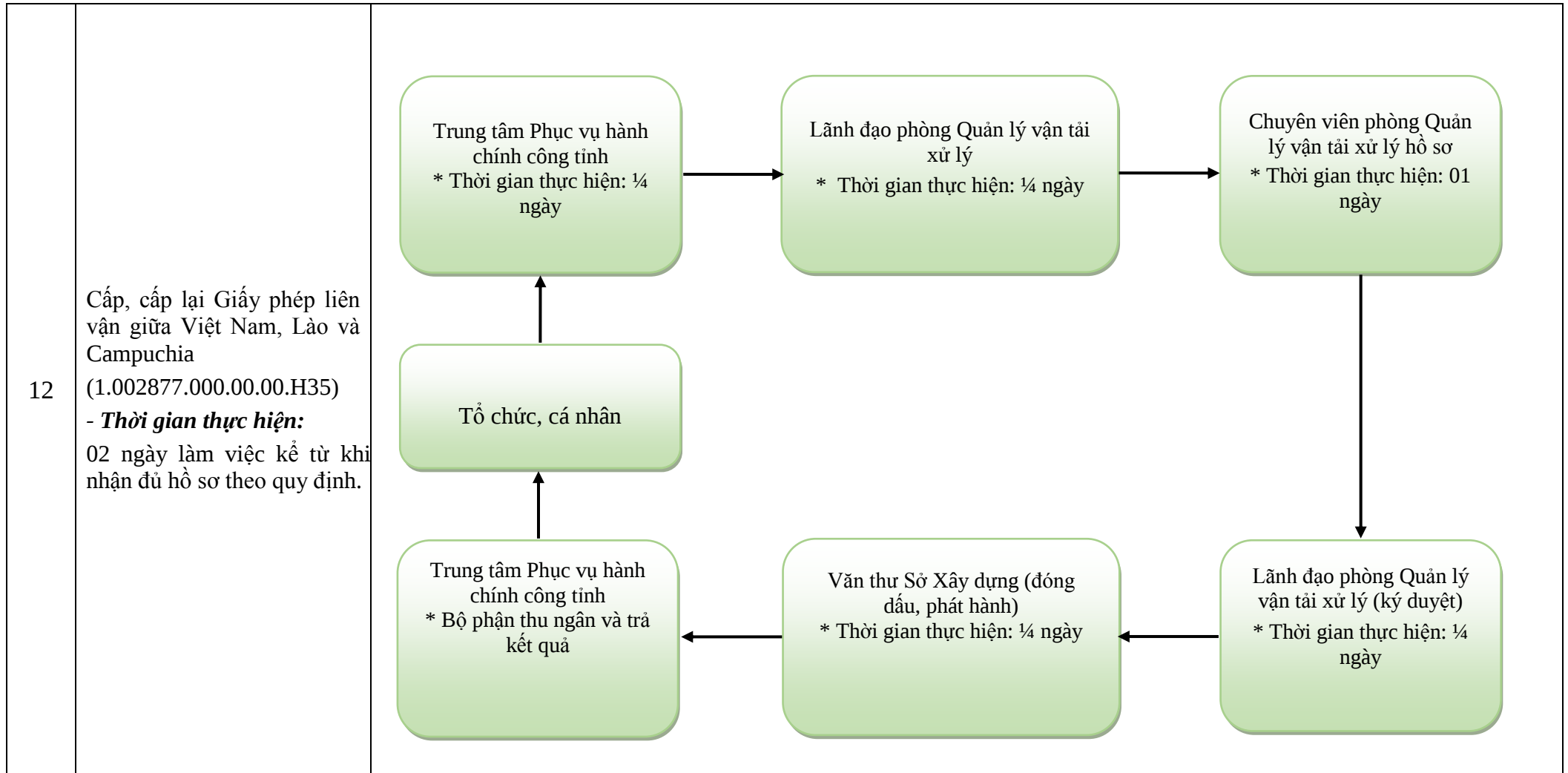


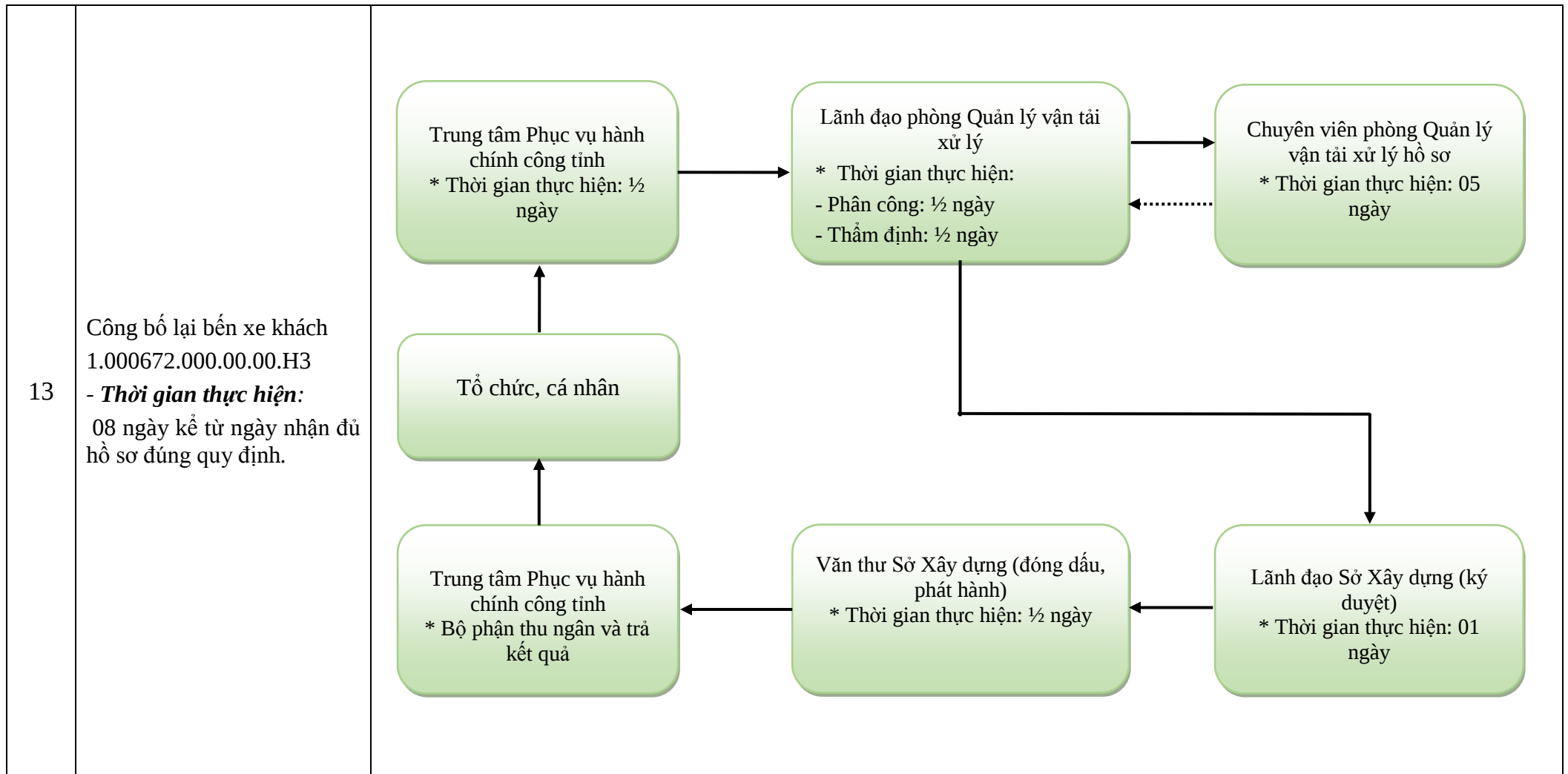
10

Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc (1.002334.000.00.00.H35)
- Thời gian thực hiện:
 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.



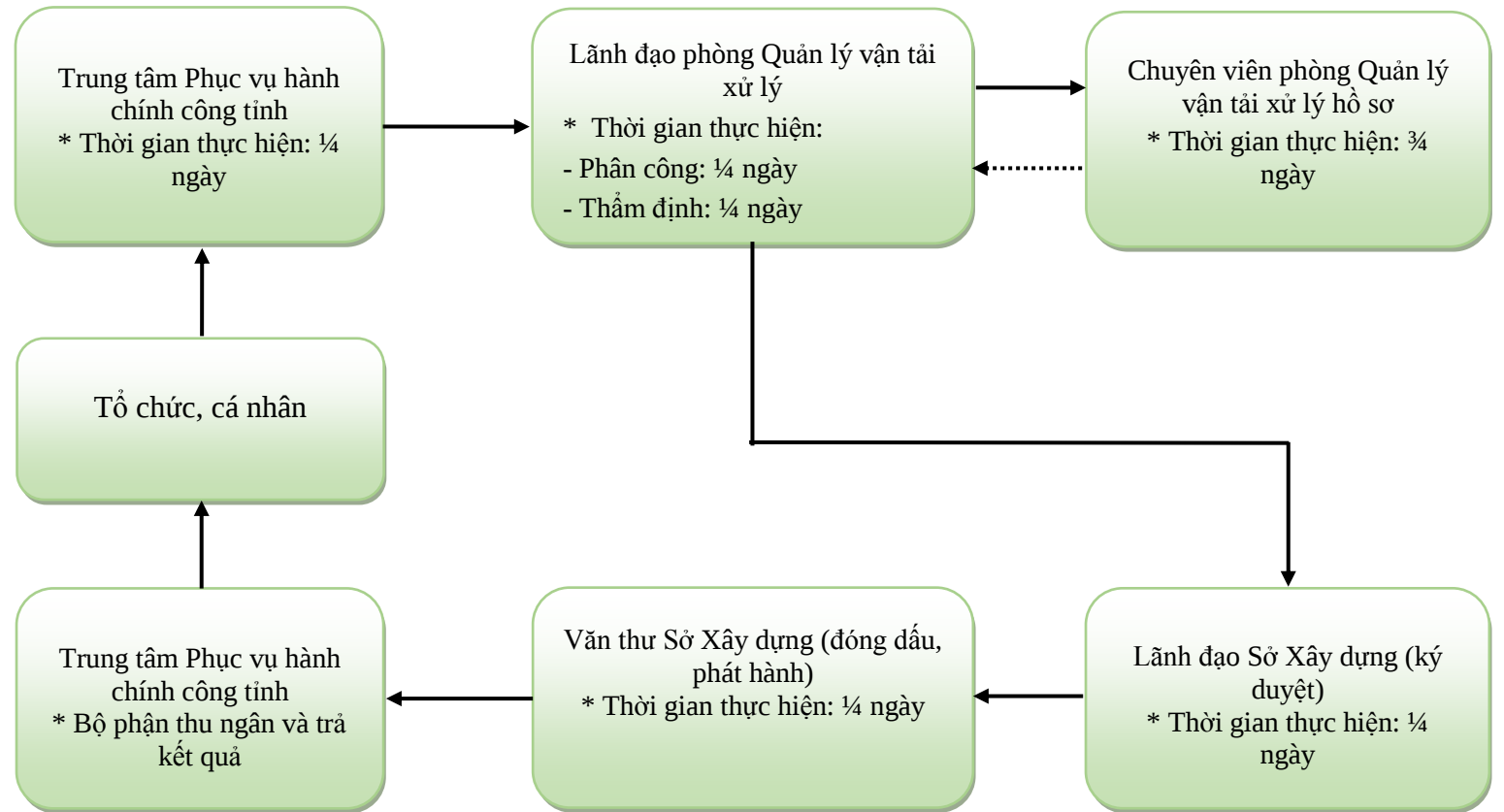






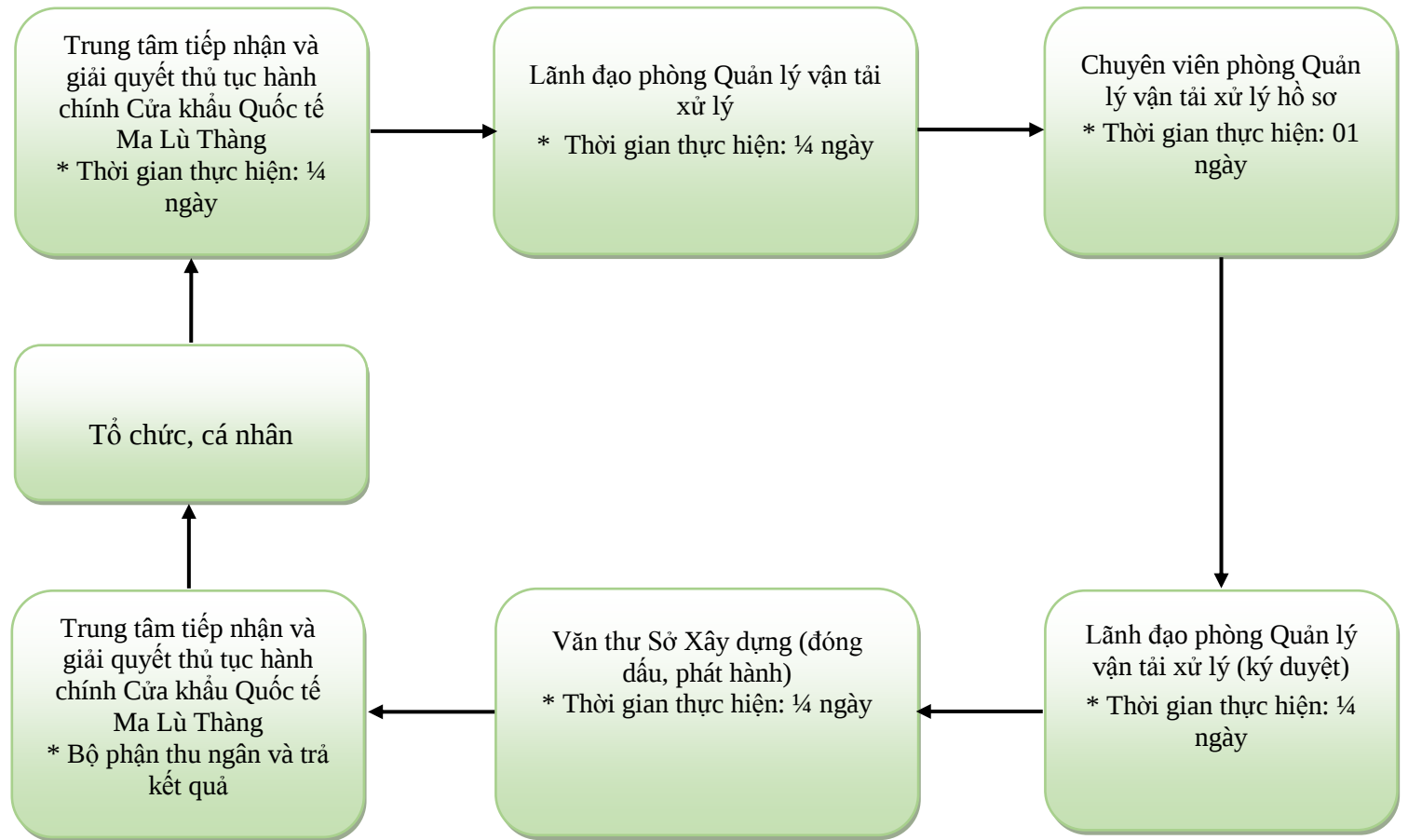
14

Giới thiệu đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc cho phương tiện của Việt Nam (1.002381.000.00.00.H35)
- Thời gian thực hiện:
 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.



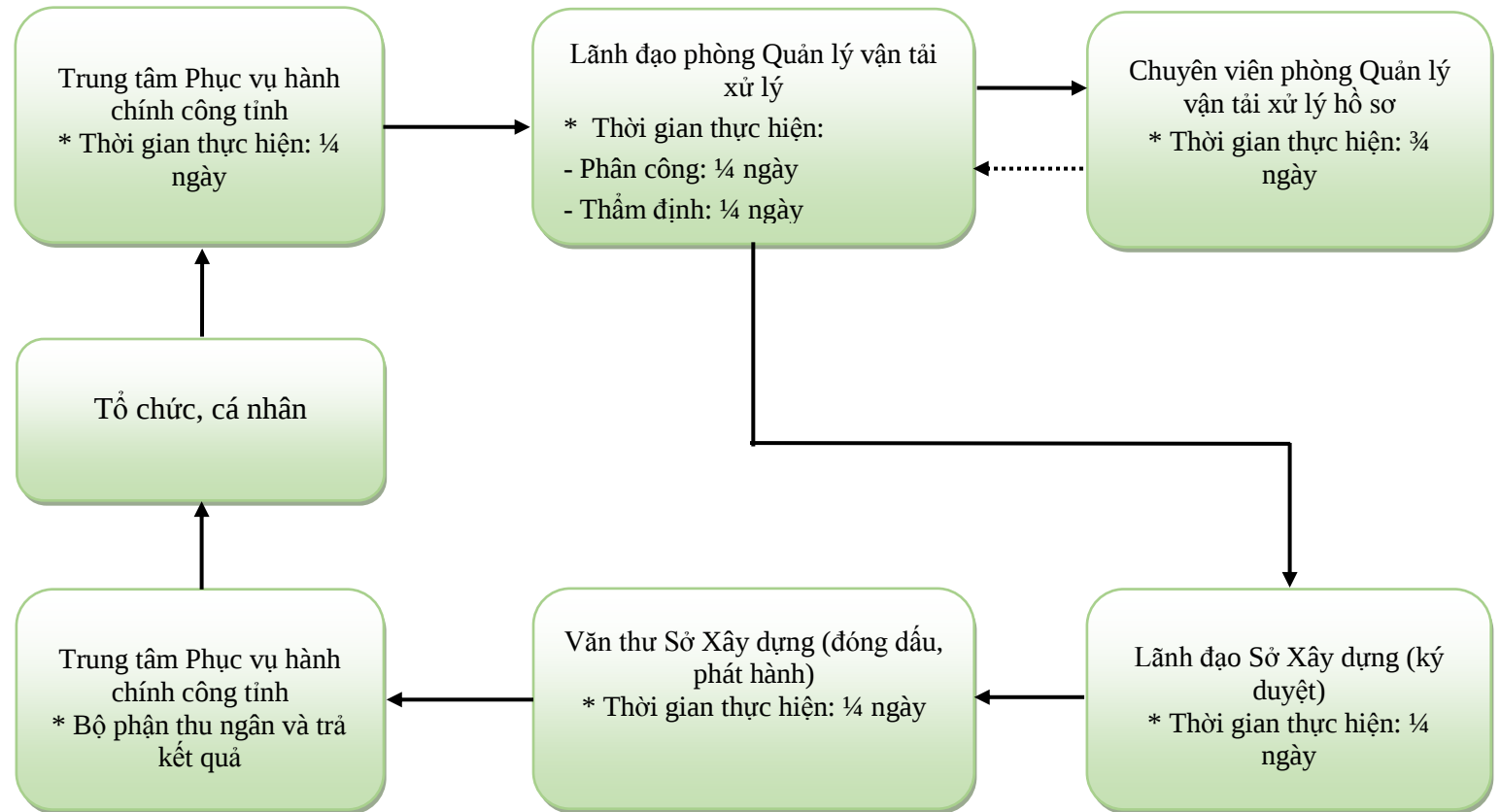
15

Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc
(1.002374.000.00.00.H35)
- **Thời gian thực hiện:**
02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.



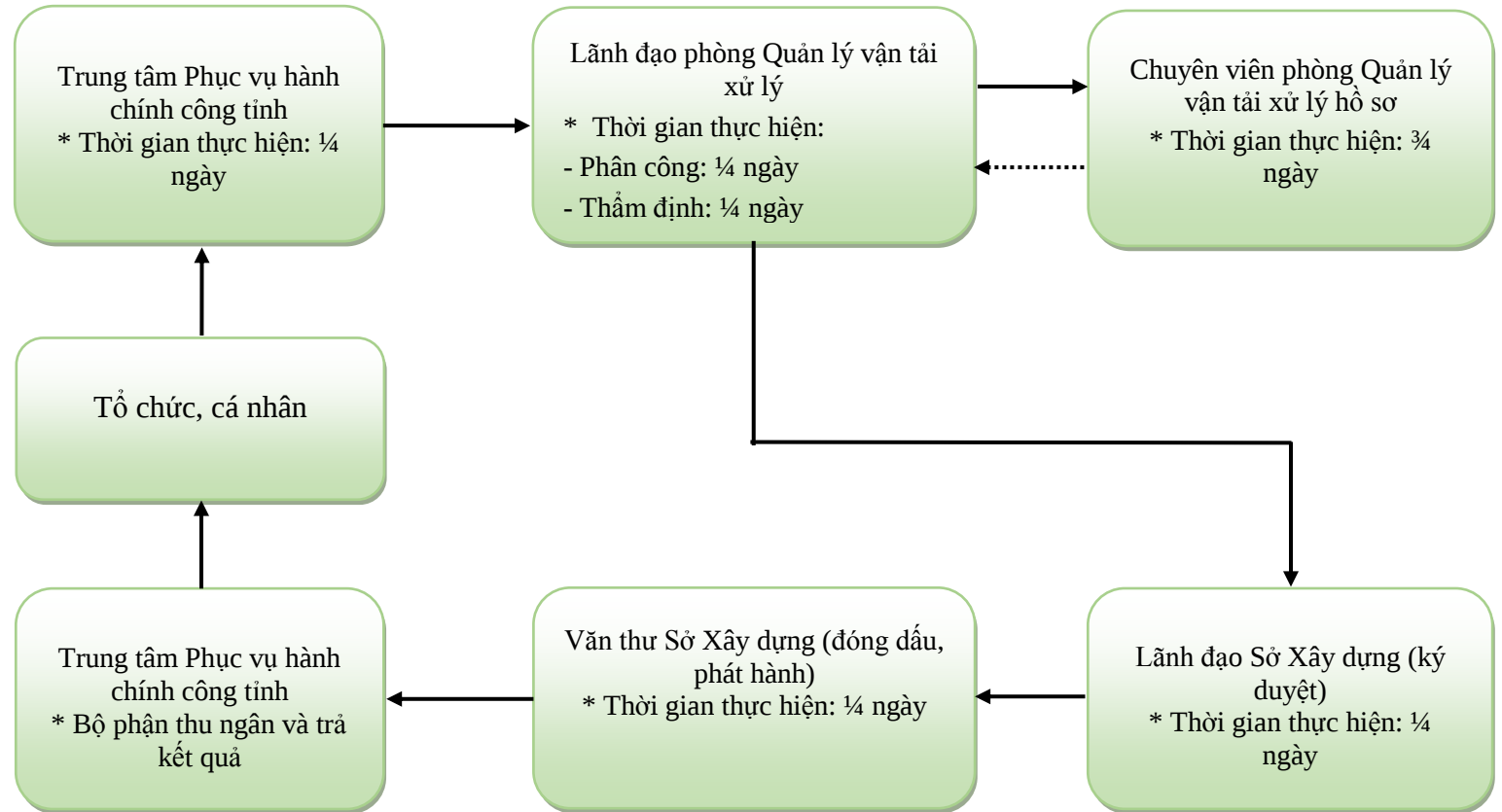
16

Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc (1.001737.000.00.00.H35)
 - **Thời gian thực hiện:**
 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.



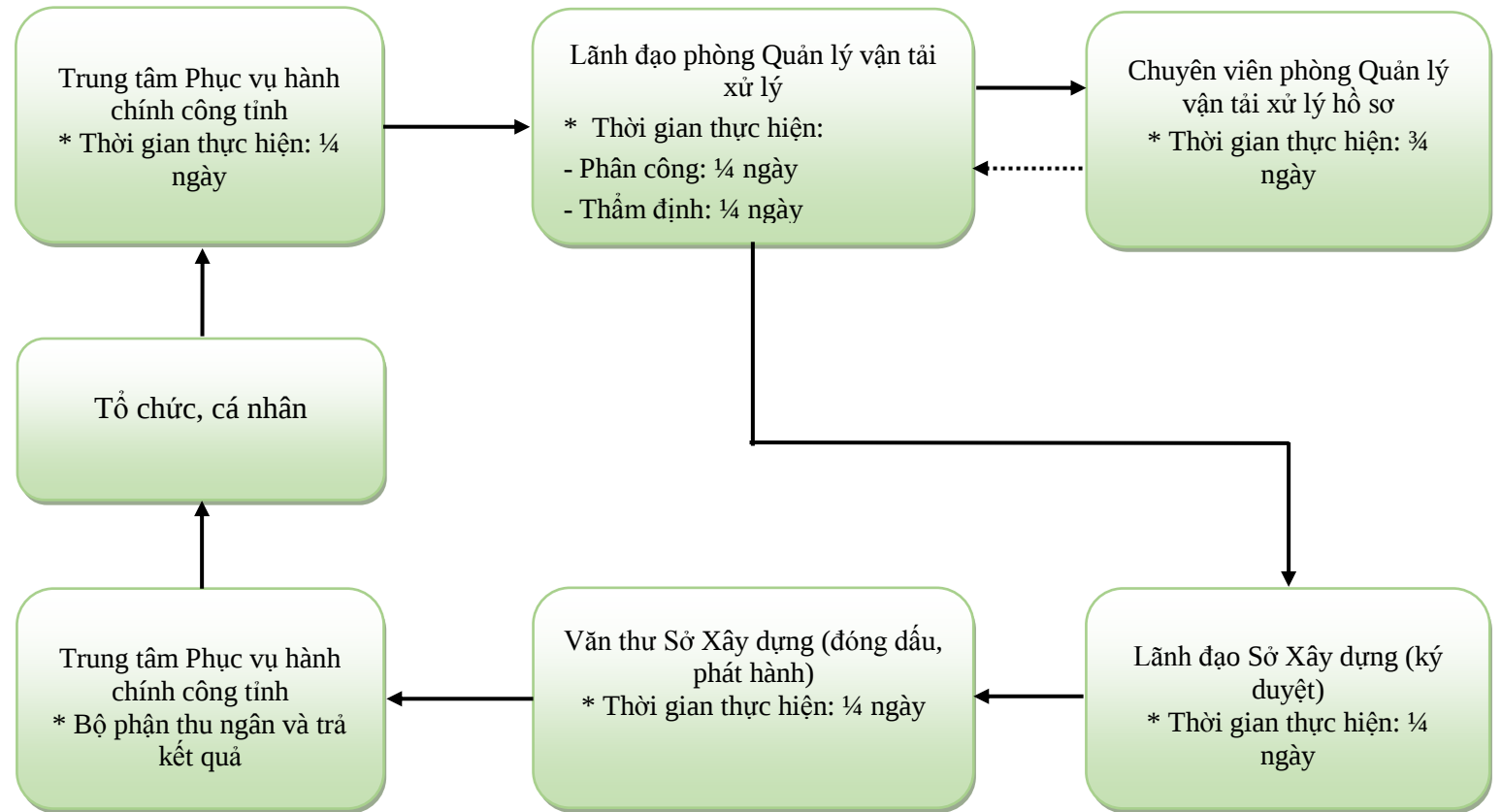
17

Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia (1.001577.000.00.00.H35)
 - **Thời gian thực hiện:**
 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.



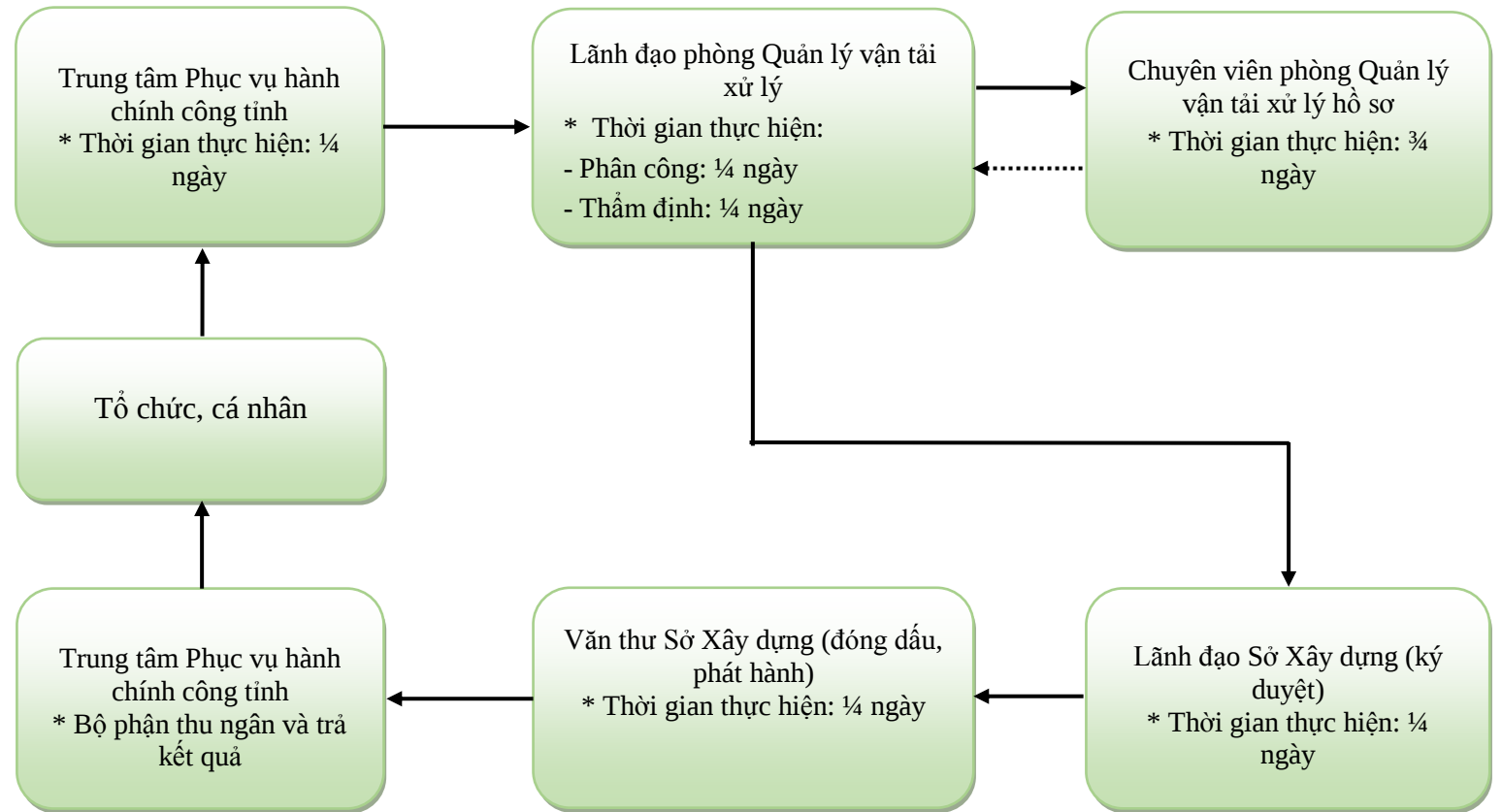
18

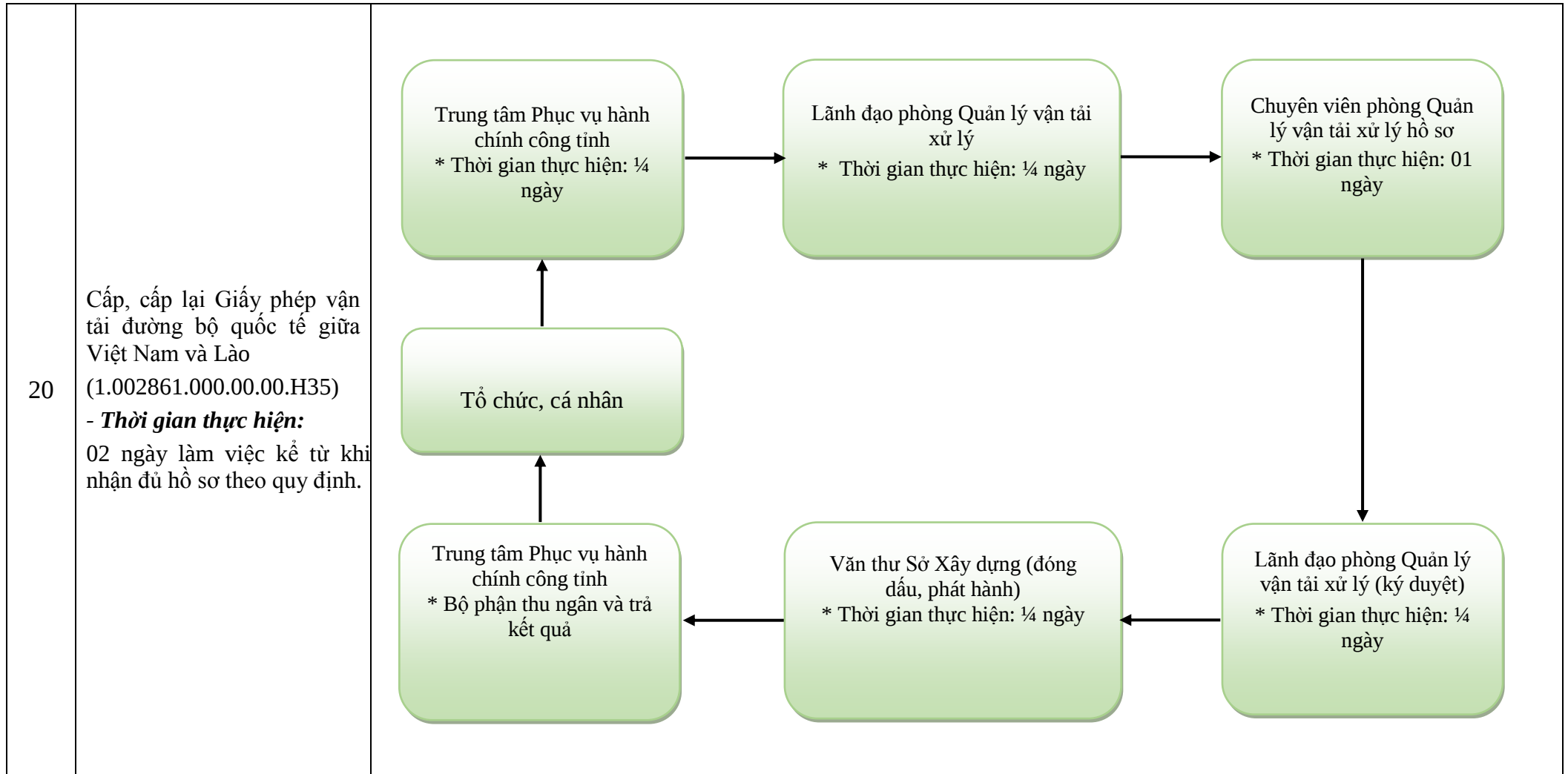
Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia (1.002286.000.00.00.H35)
 - **Thời gian thực hiện:**
 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.



19

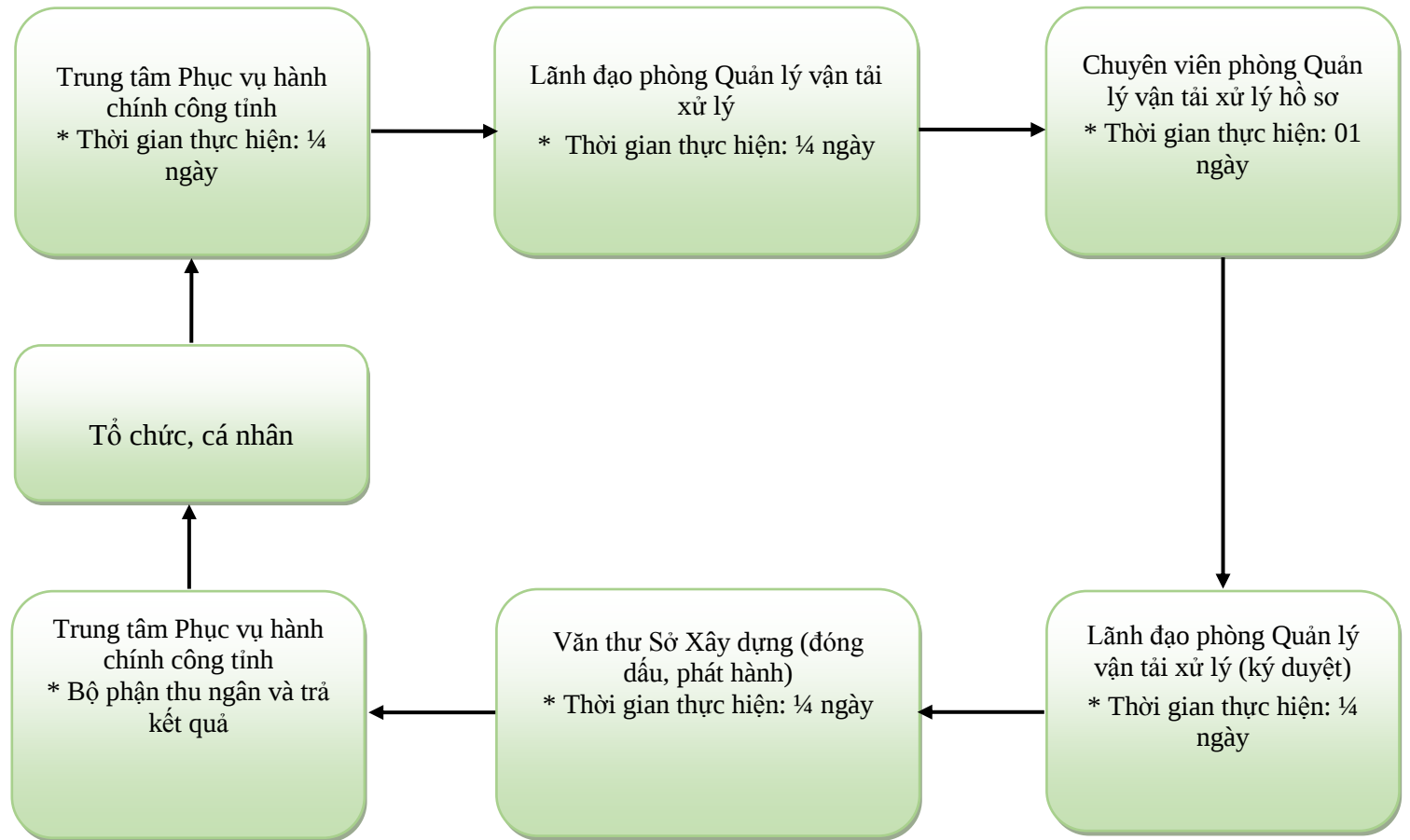
Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
(1.002268.000.00.00.H35)
- **Thời gian thực hiện:**
02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

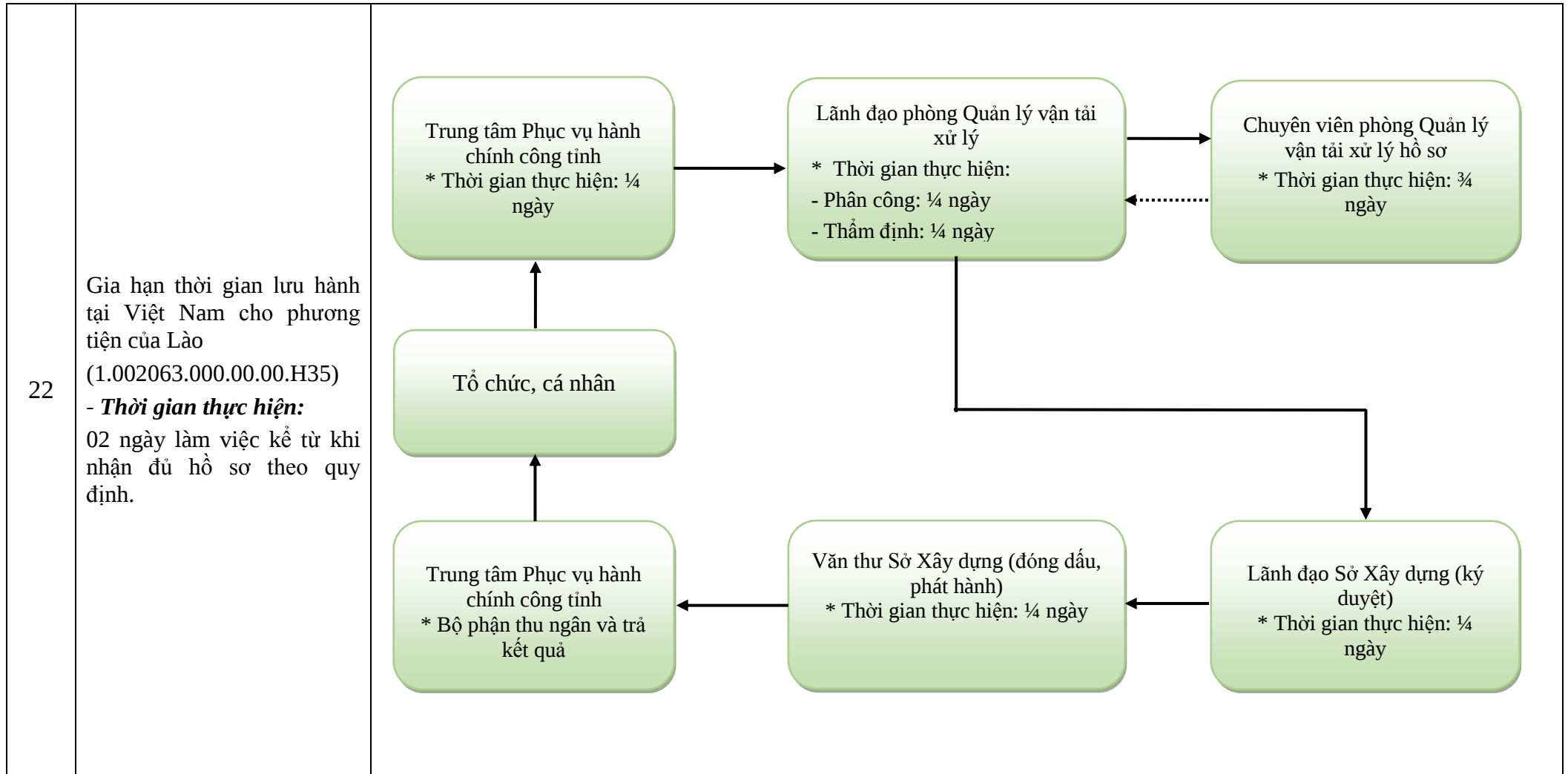




21

Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (1.002856.000.00.00.H35)
 - **Thời gian thực hiện:**
 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.



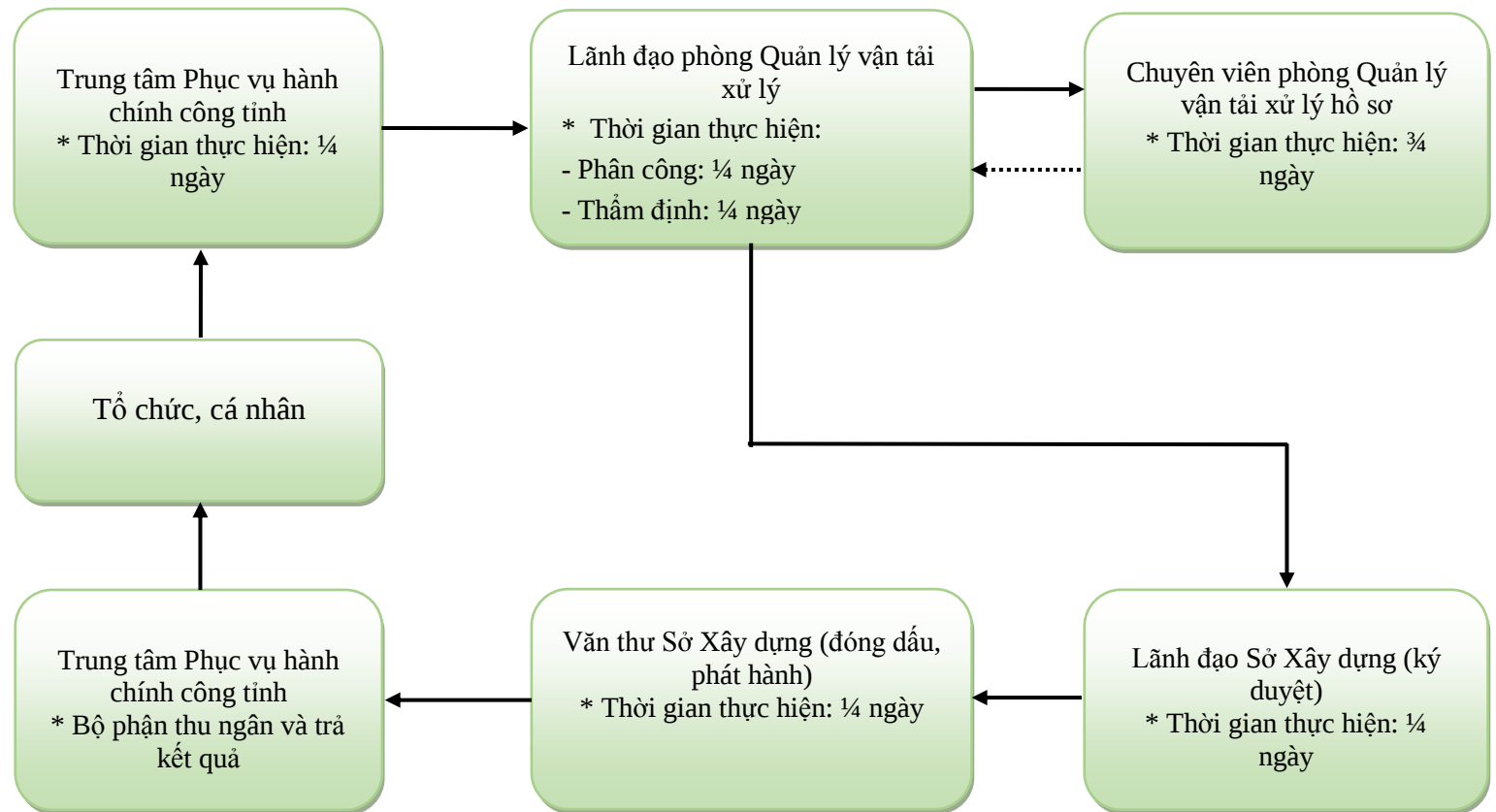


23

Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp thương khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới
(1.010707.000.00.00.H35)

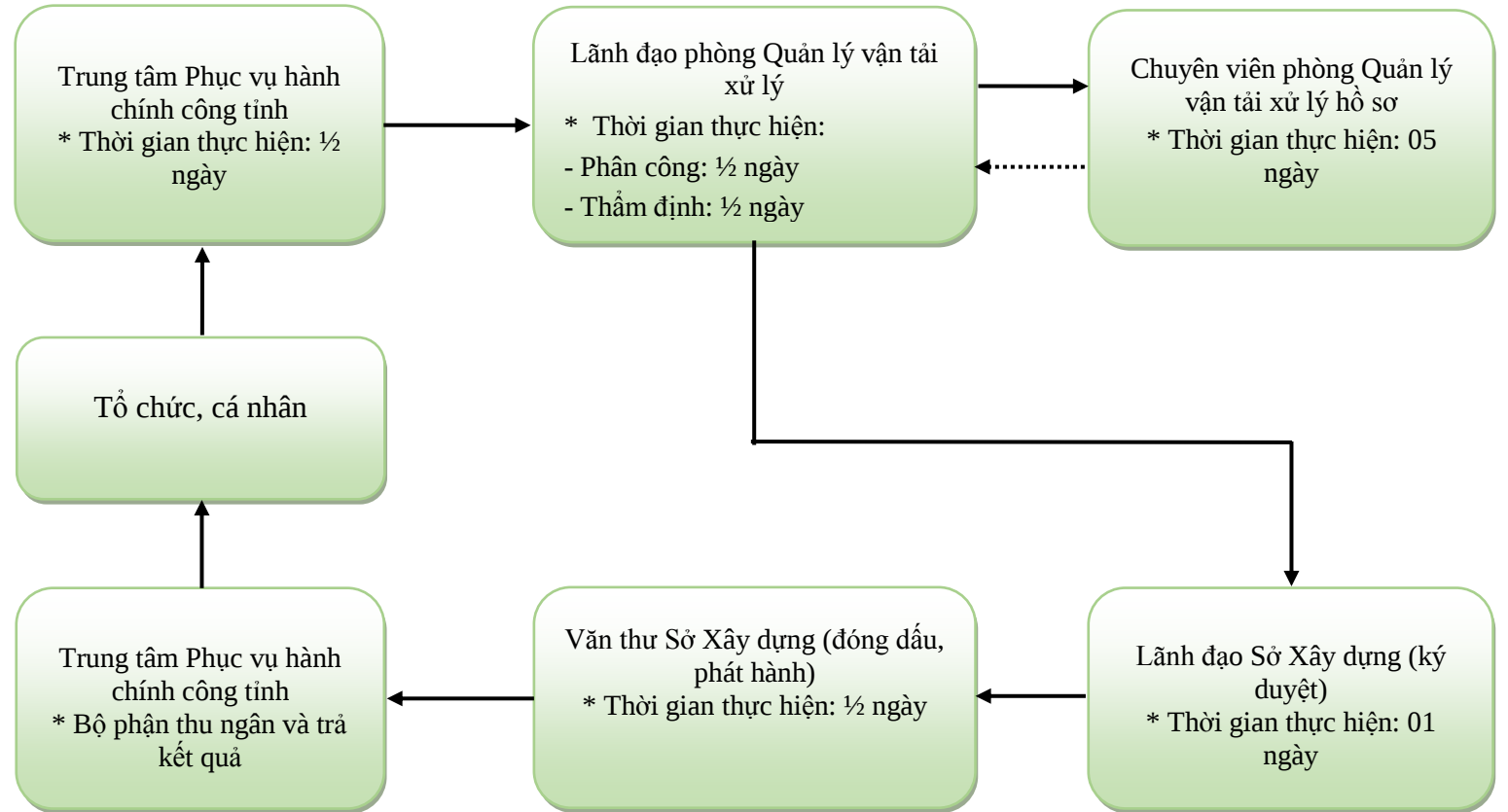
- **Thời gian thực hiện:**

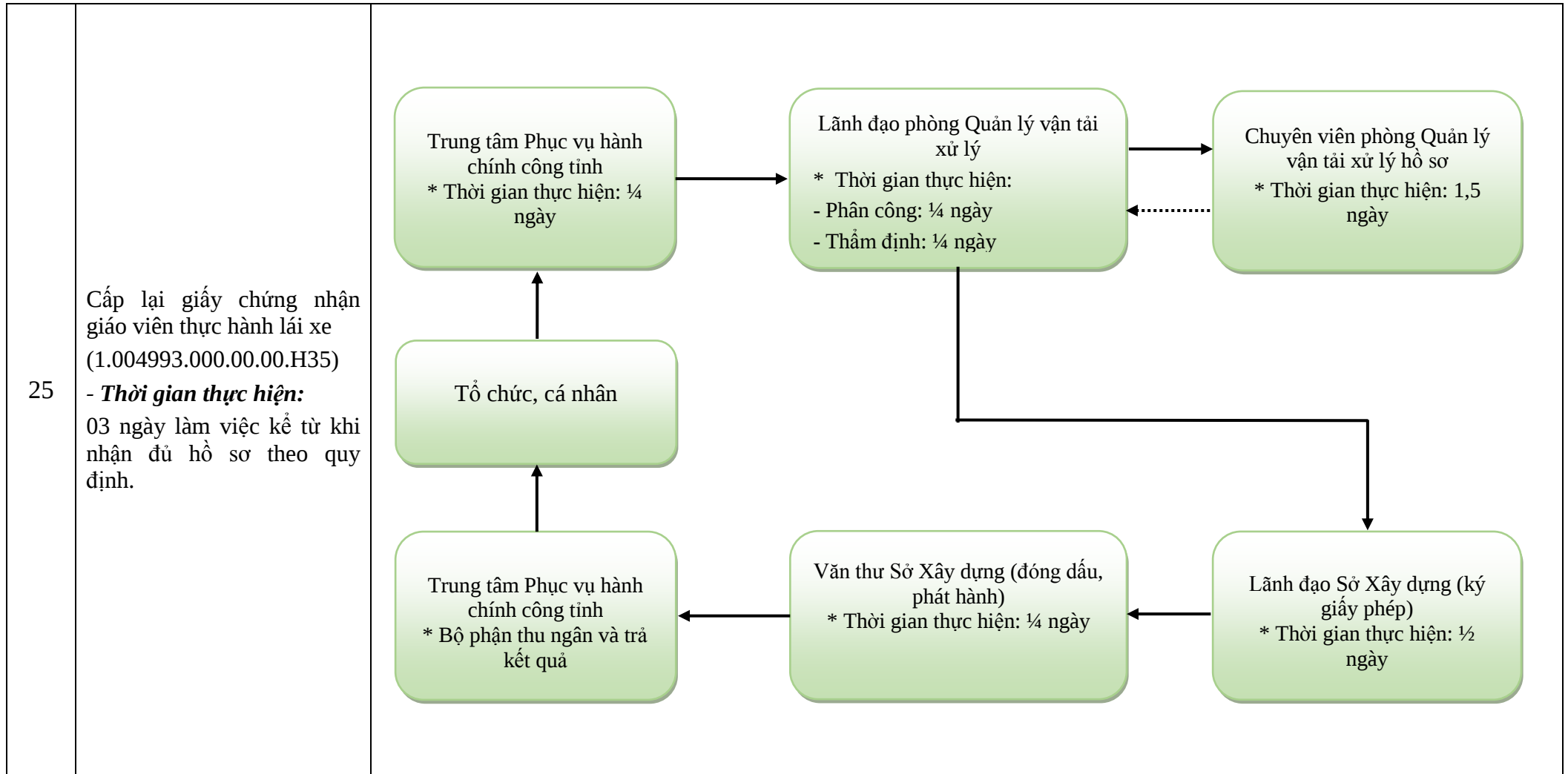
02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.



24

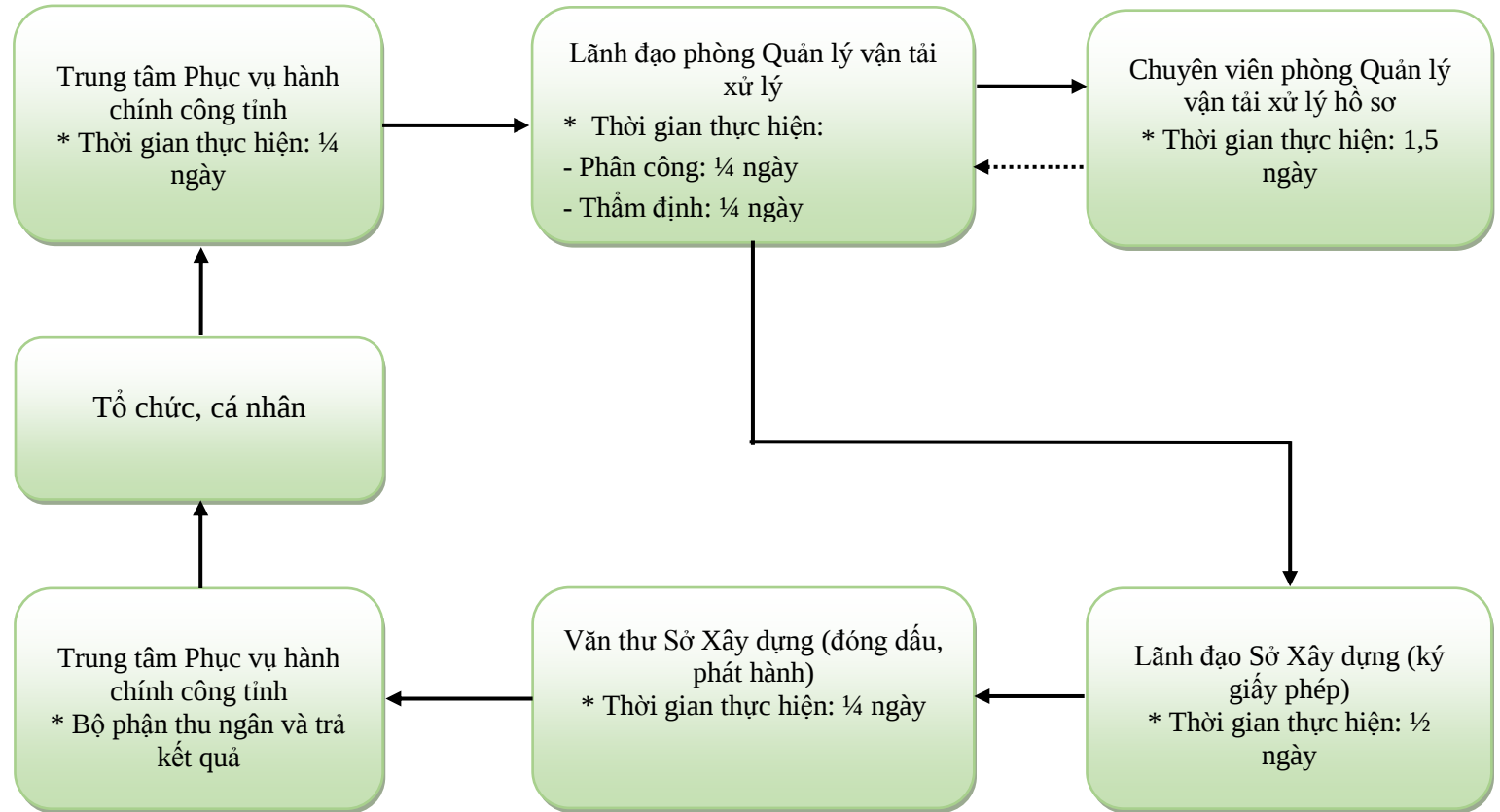
Cấp giấy chứng nhận giáo viên thực hành lái xe
(1.001765.000.00.00.H35)
- **Thời gian thực hiện:**
08 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.





26

Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái (1.001751.000.00.00.H35)
 - **Thời gian thực hiện:**
 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

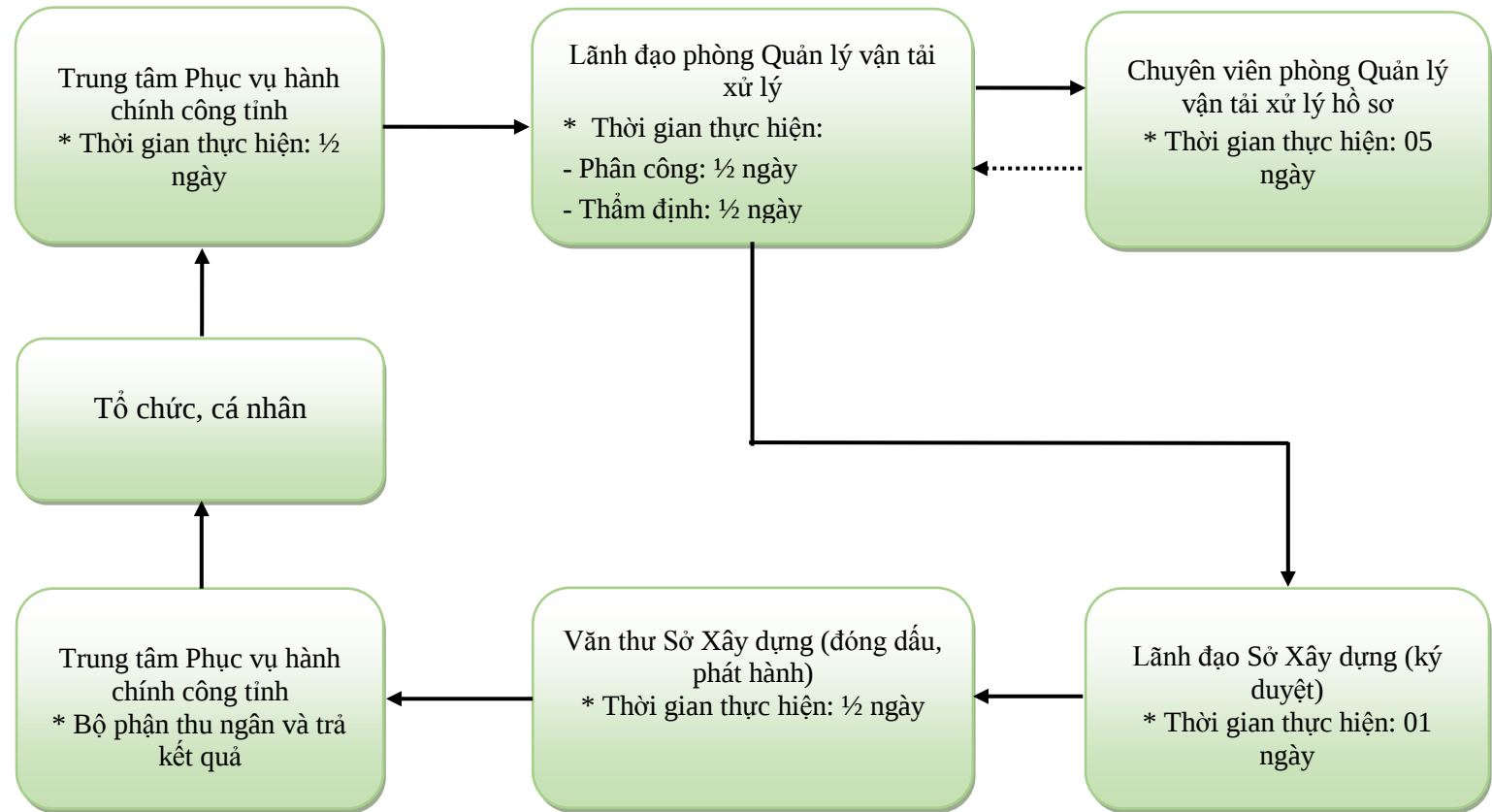


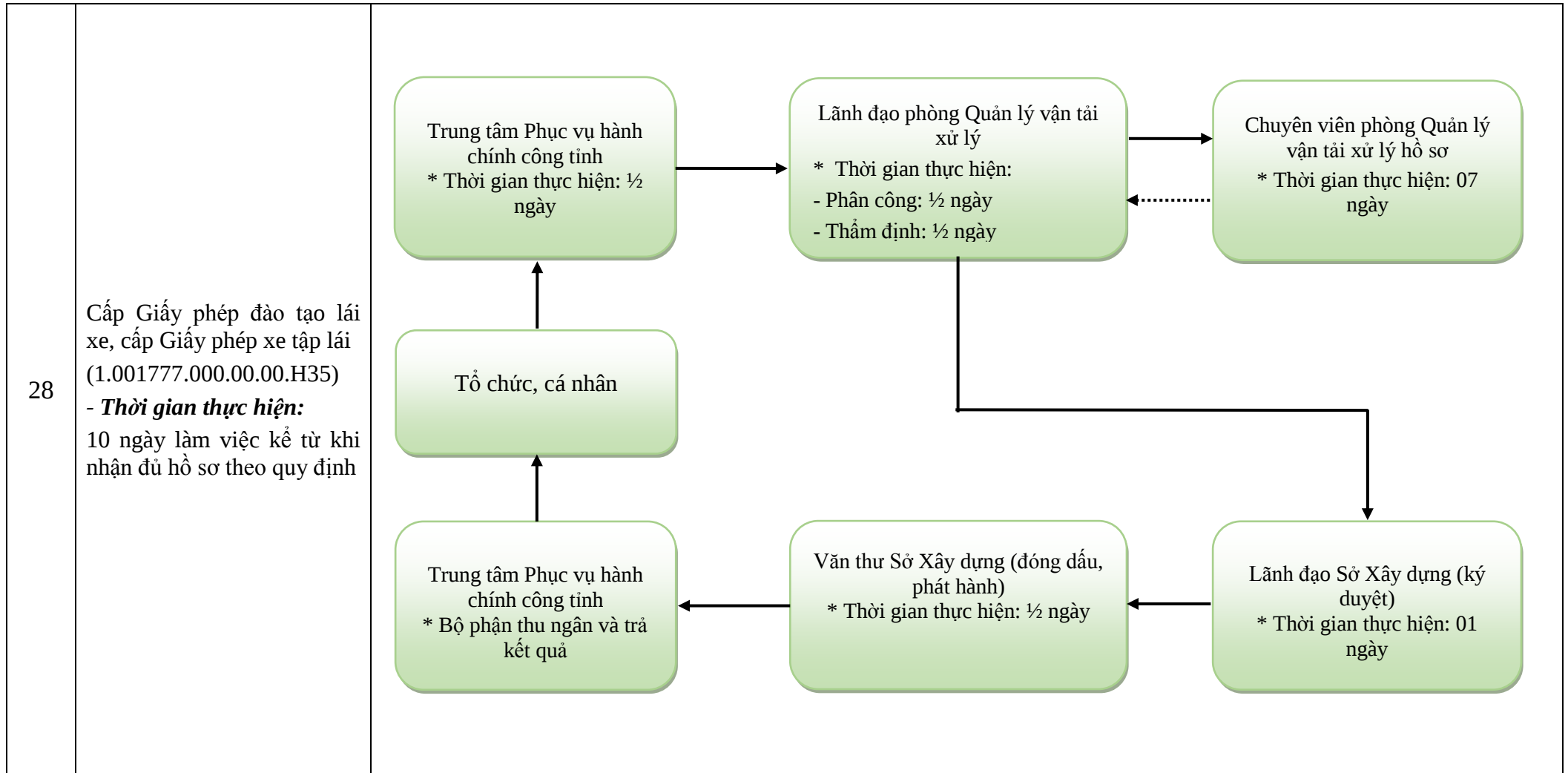
27

Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo (1.001623.000.00.00.H35)

- **Thời gian thực hiện:**

08 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.





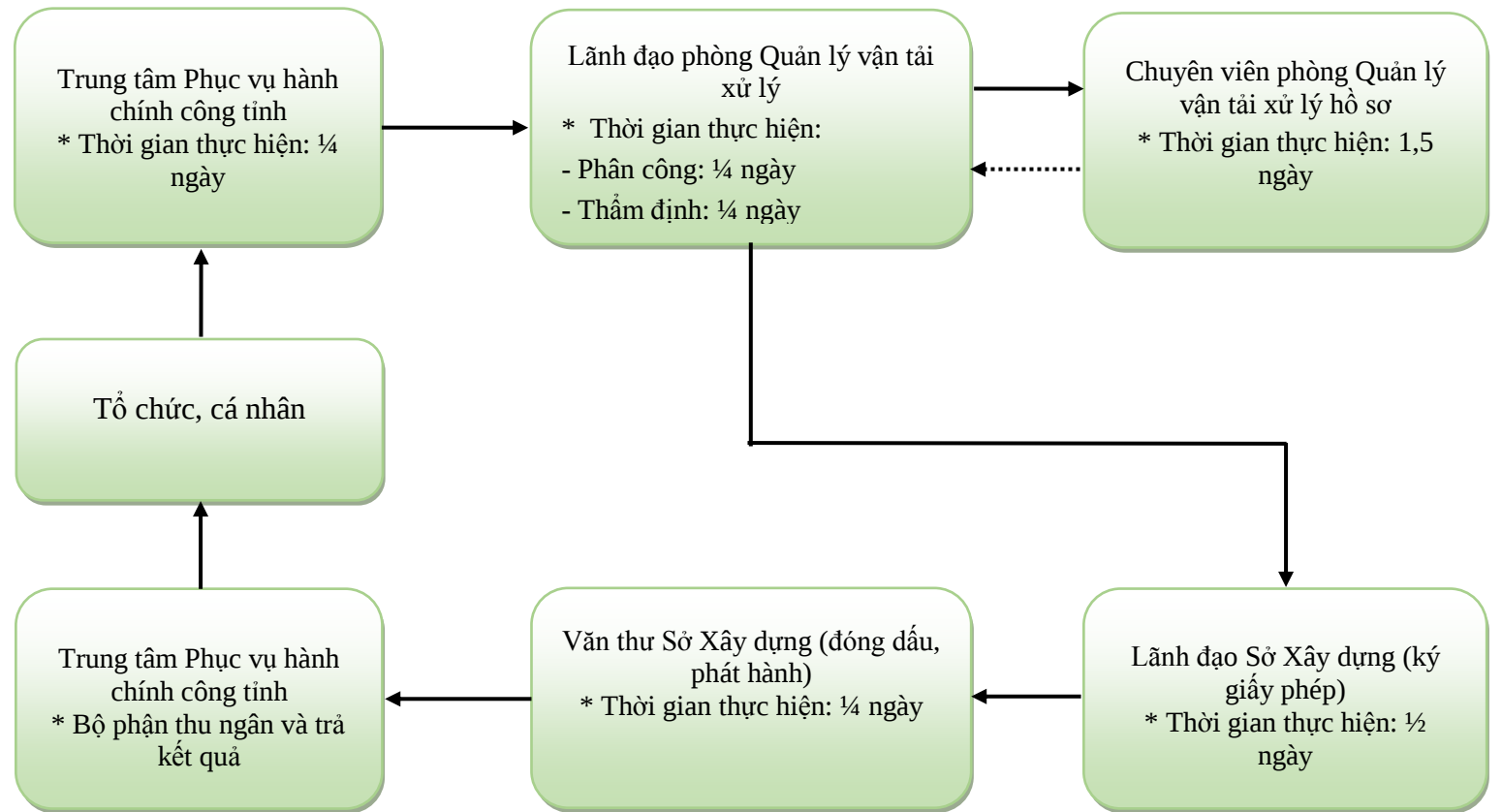
29

Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo

(1.005210.000.00.00.H35)

- **Thời gian thực hiện:**

03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

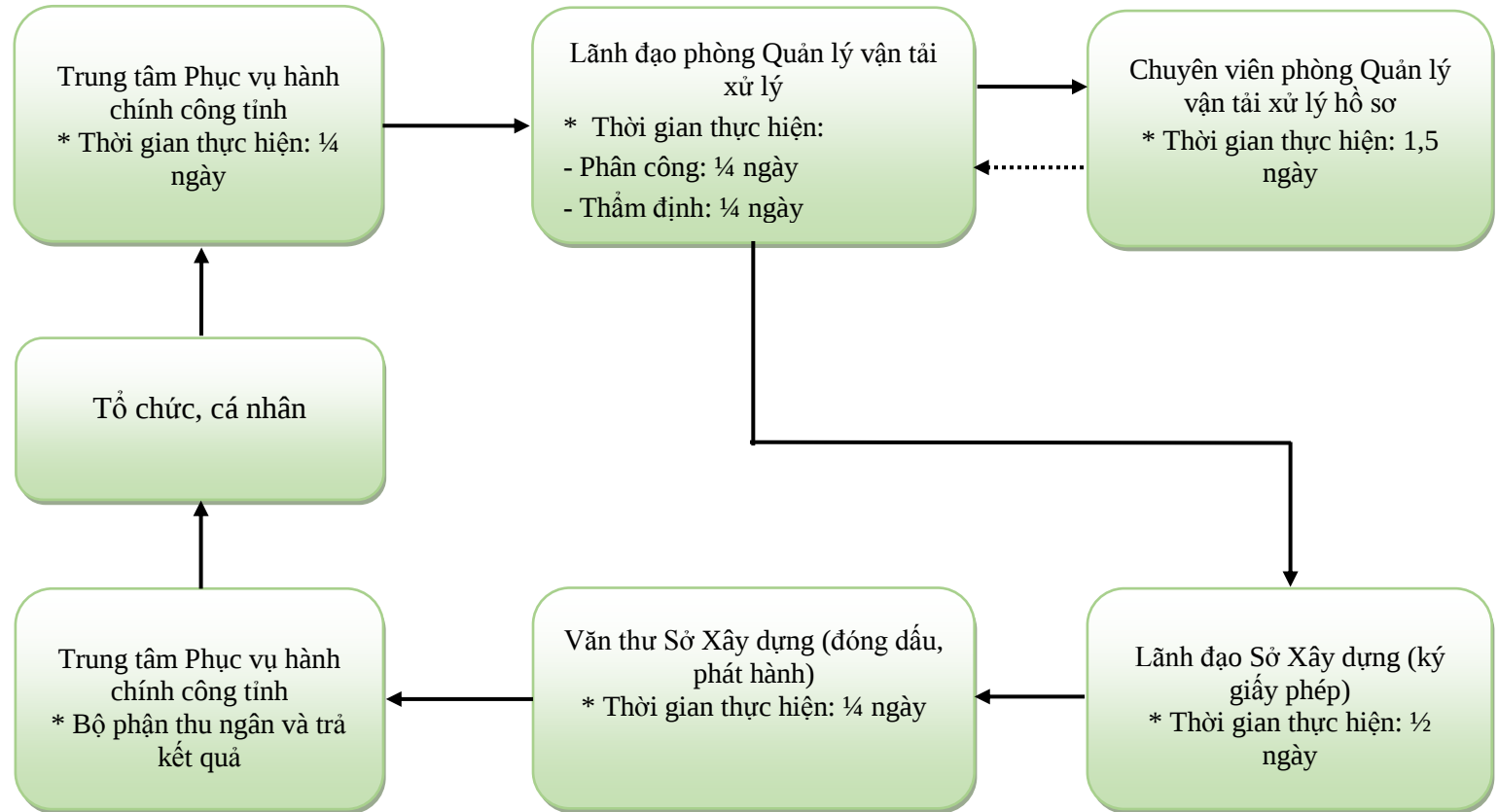


30

Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (trường hợp cơ sở đào tạo đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động (2.000769.000.00.00.H35)

- **Thời gian thực hiện:**

03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.



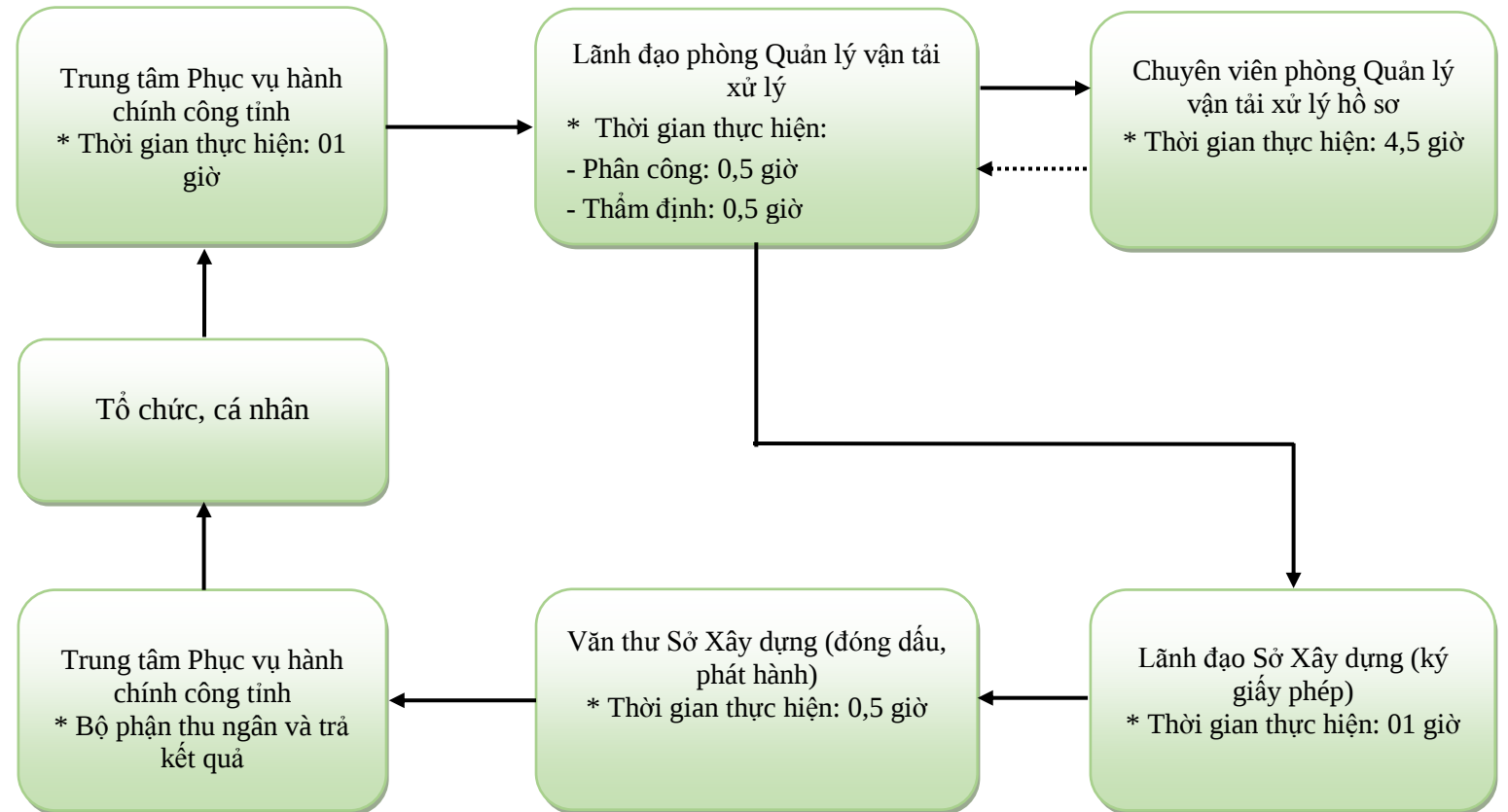
31

Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ

(1.000028.000.00.00.H35)

- **Thời gian thực hiện:**

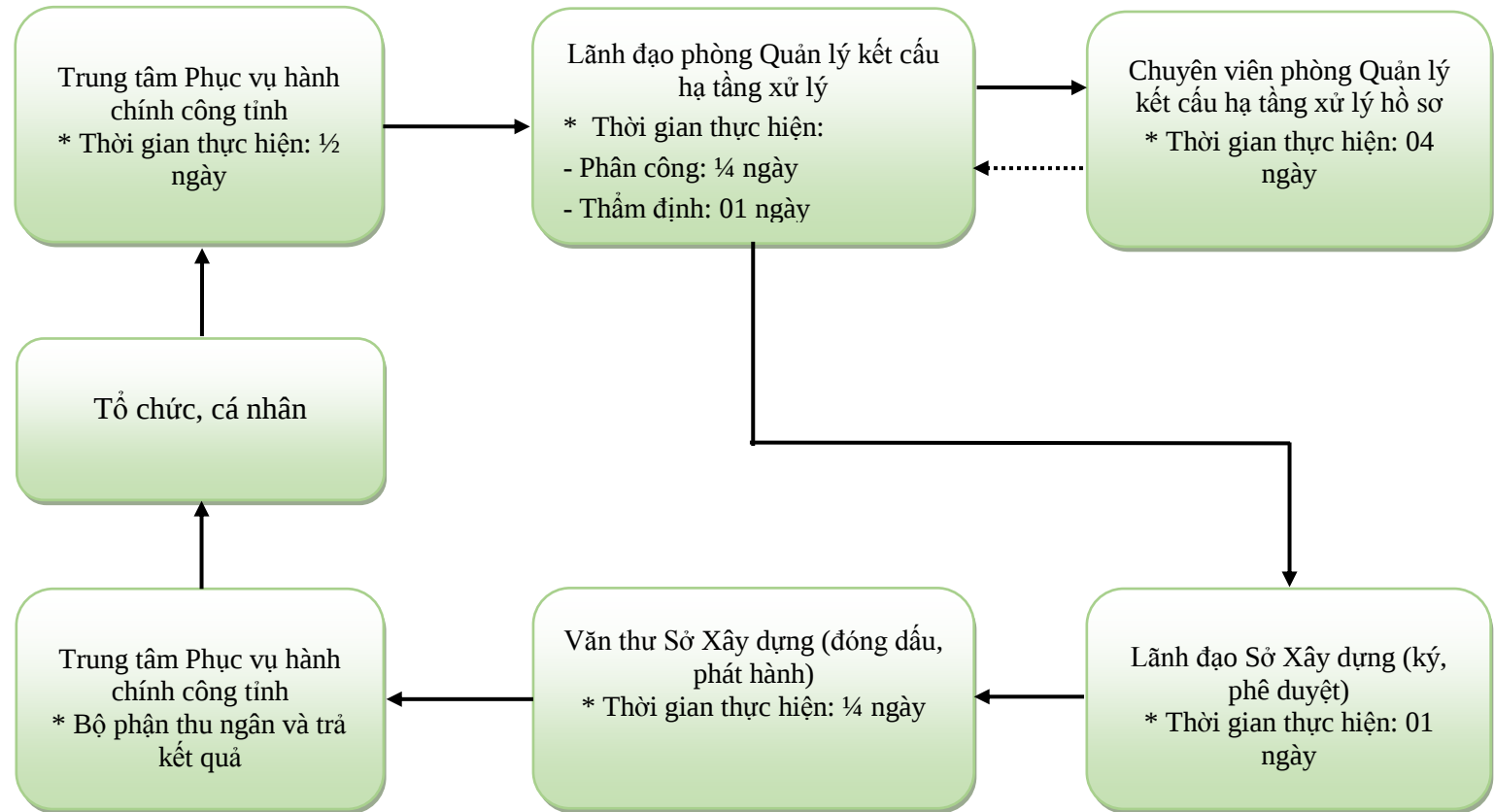
01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

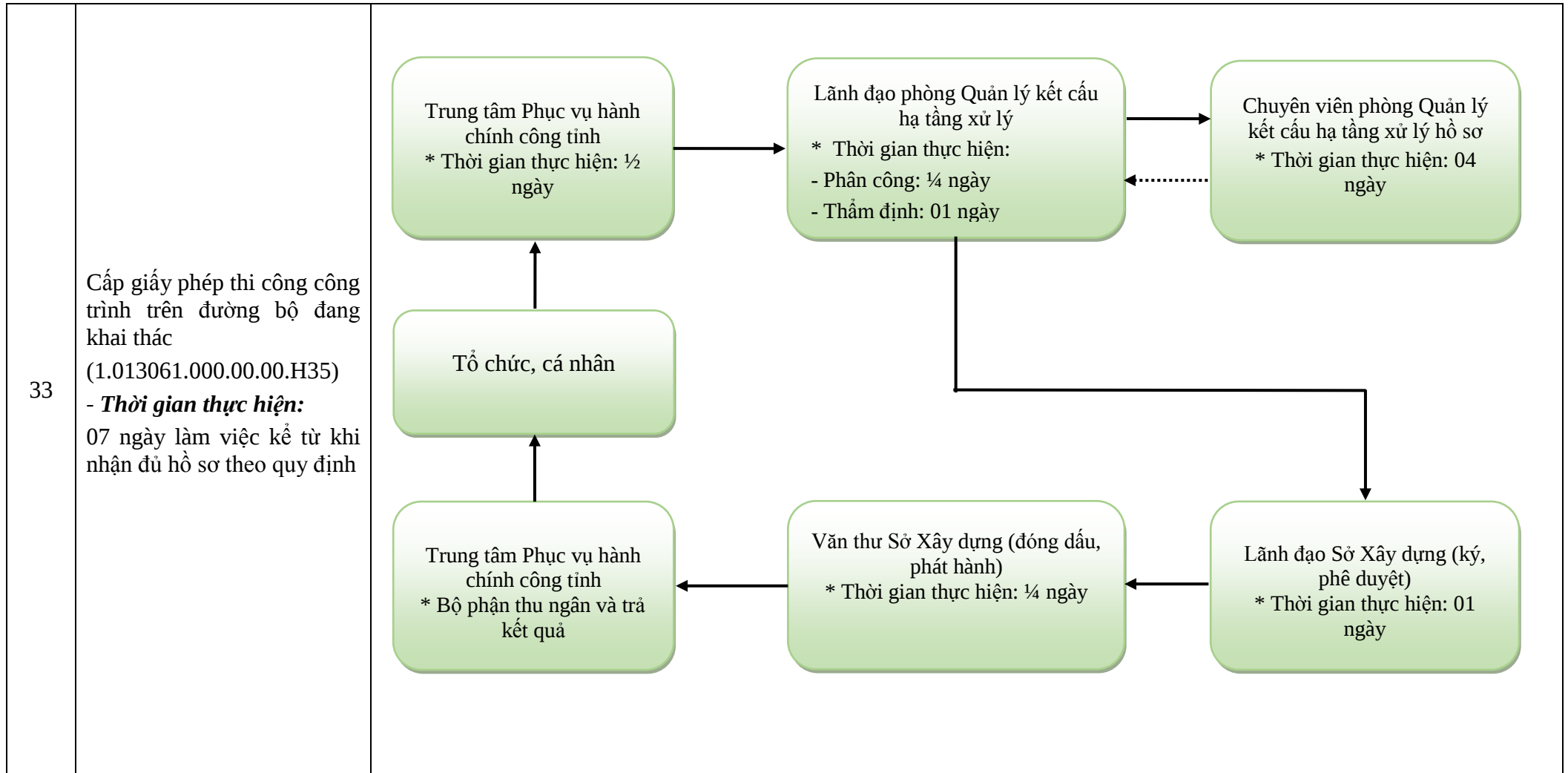


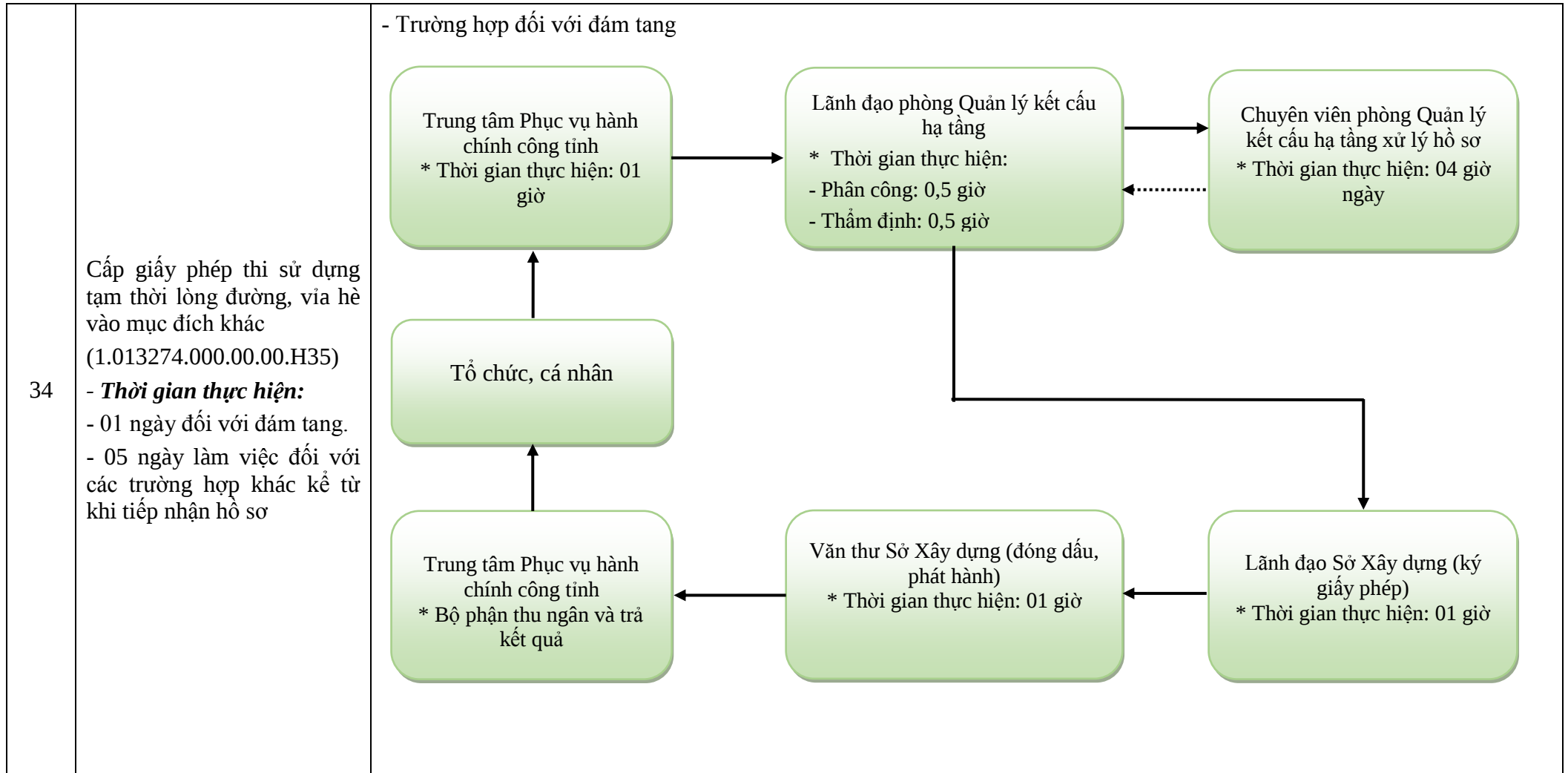
32

Chấp thuận vị trí đầu nổi tạm thời vào đường bộ đang khai thác
(1.000314.000.00.00.H35)

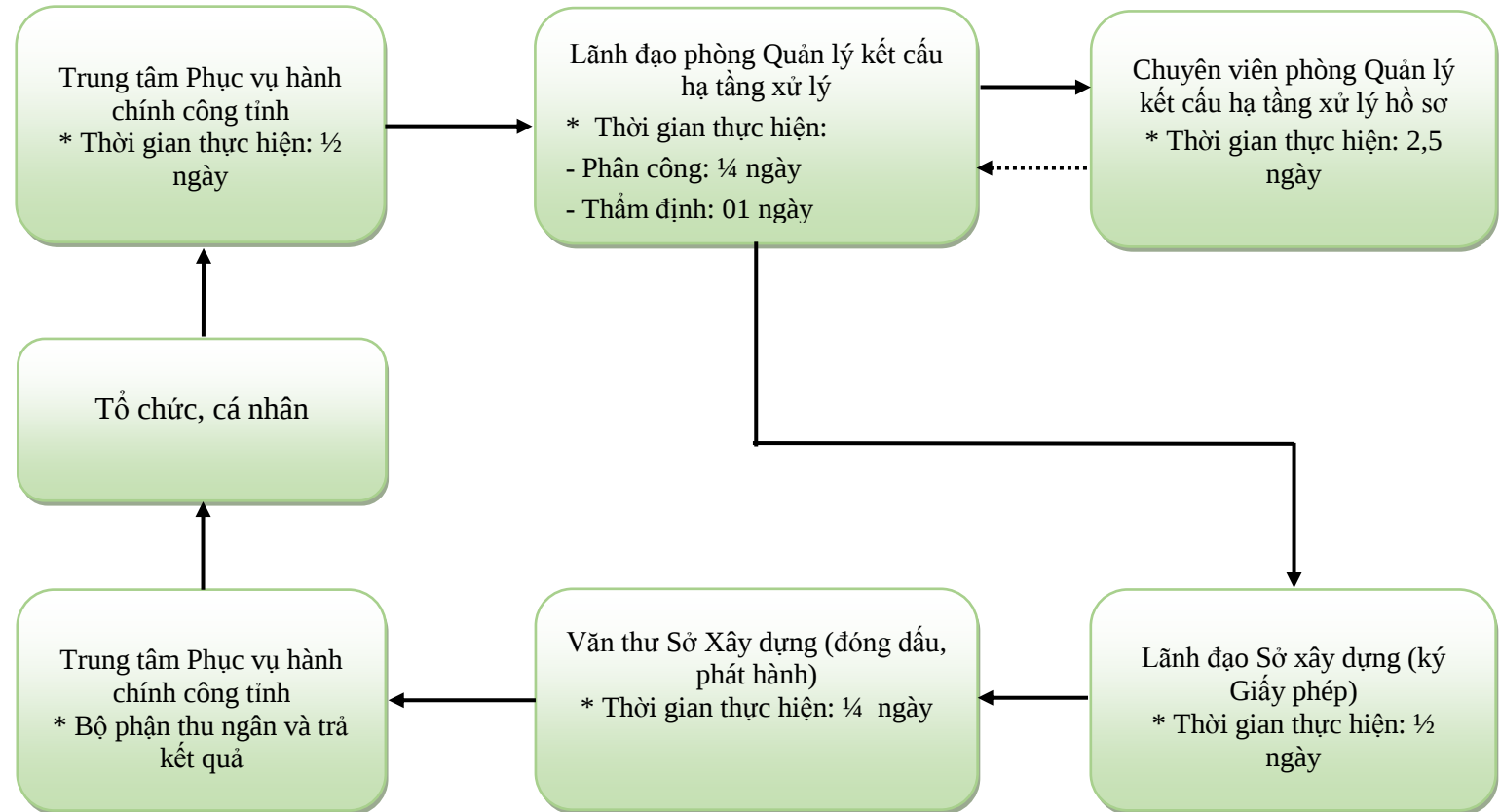
- **Thời gian thực hiện:**
07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định







- Trường hợp khác



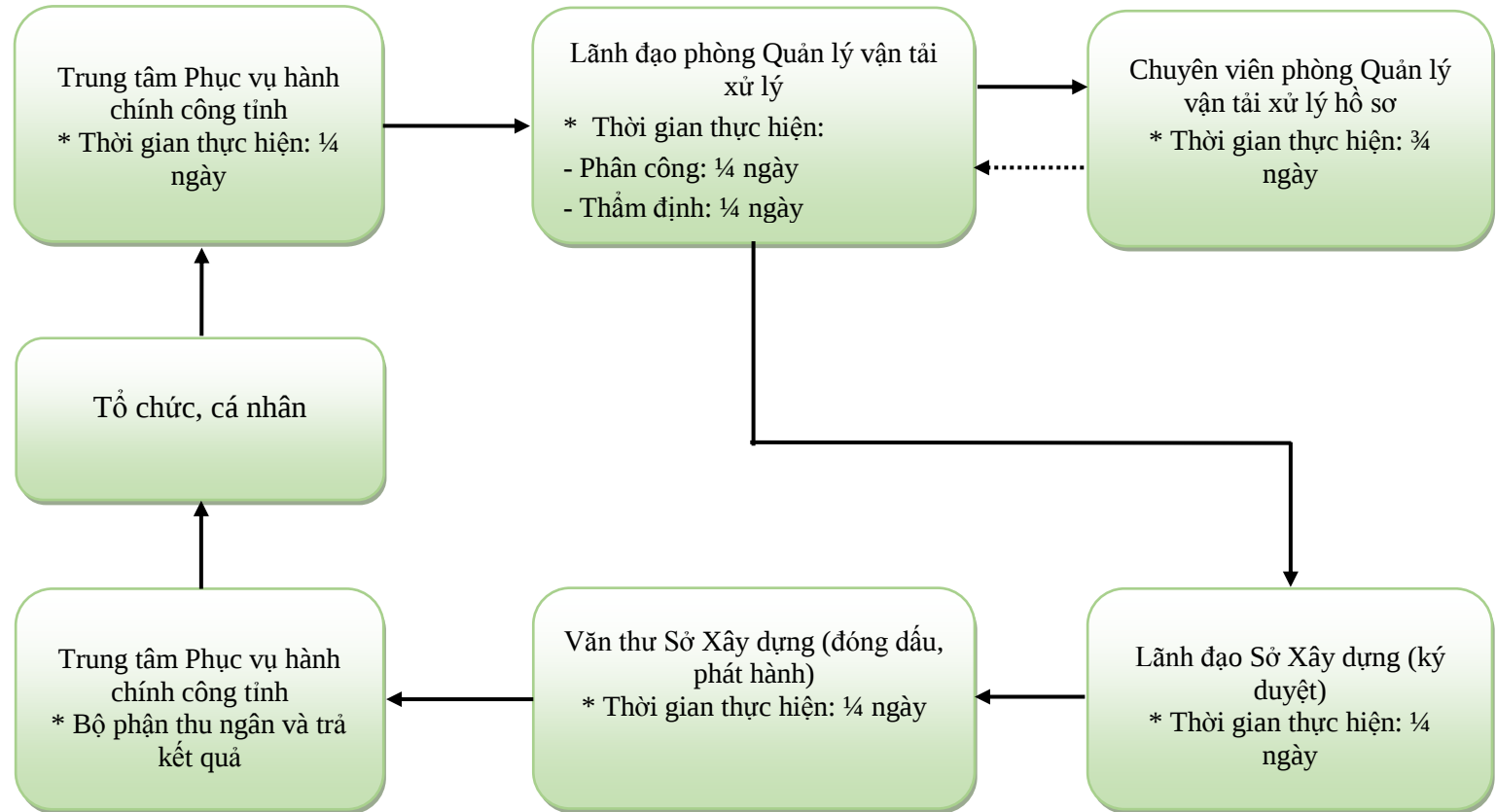
35

Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định

(1.002046.000.00.00.H35)

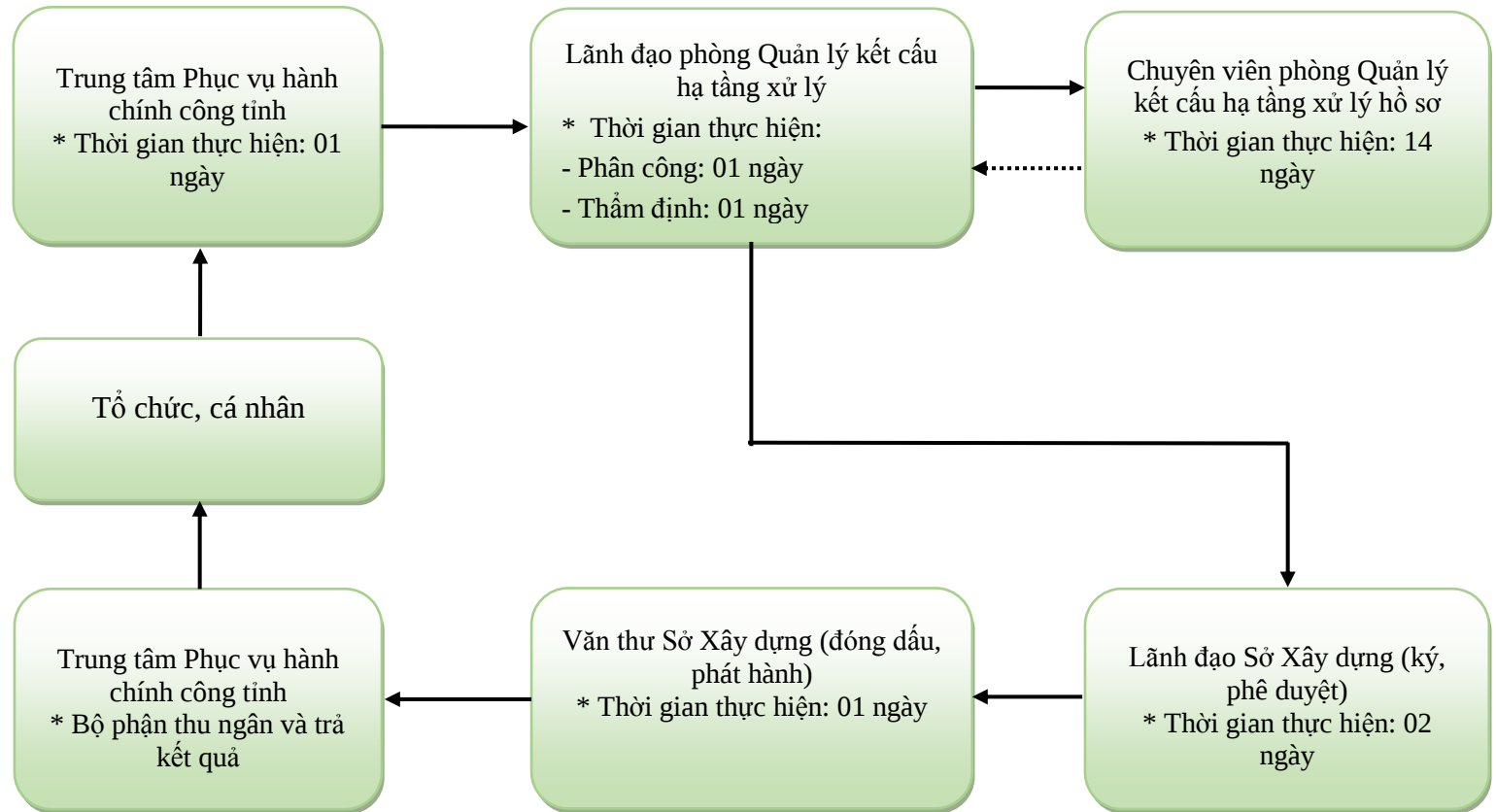
- **Thời gian thực hiện:**

02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.



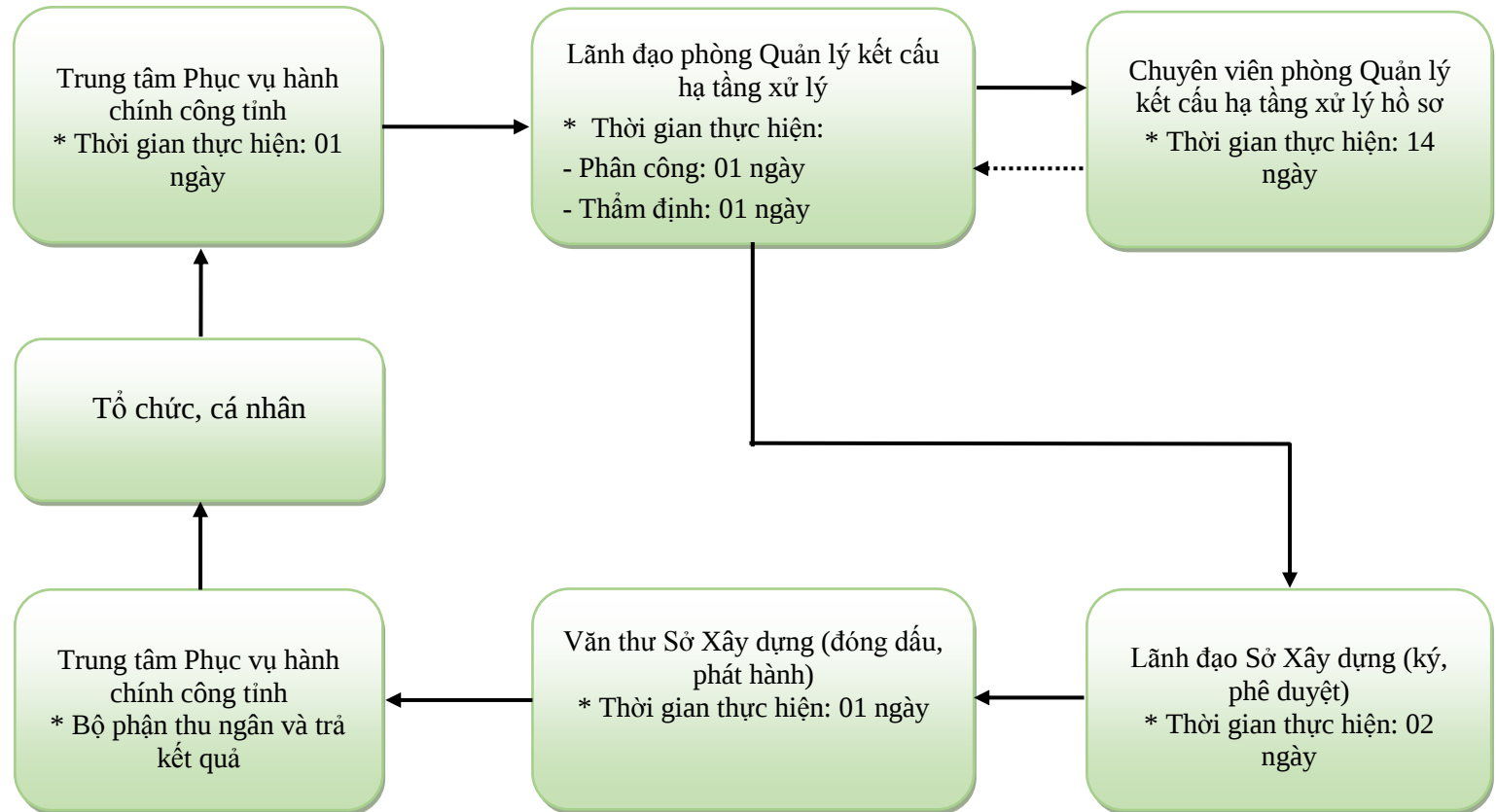
36

Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô (1.005024.000.00.00.H35)
- Thời gian thực hiện:
 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.



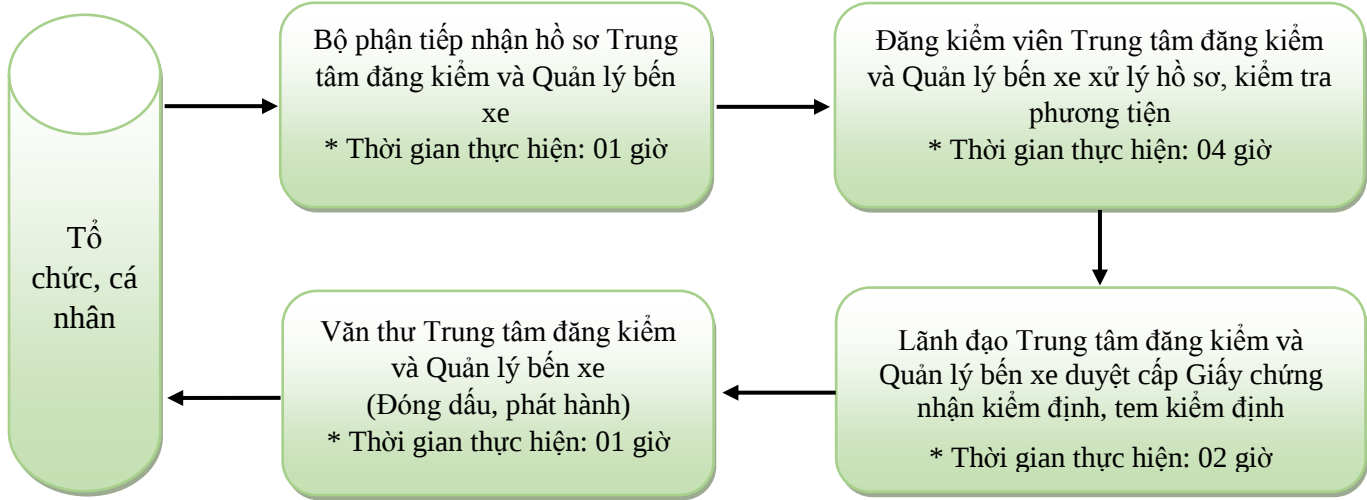
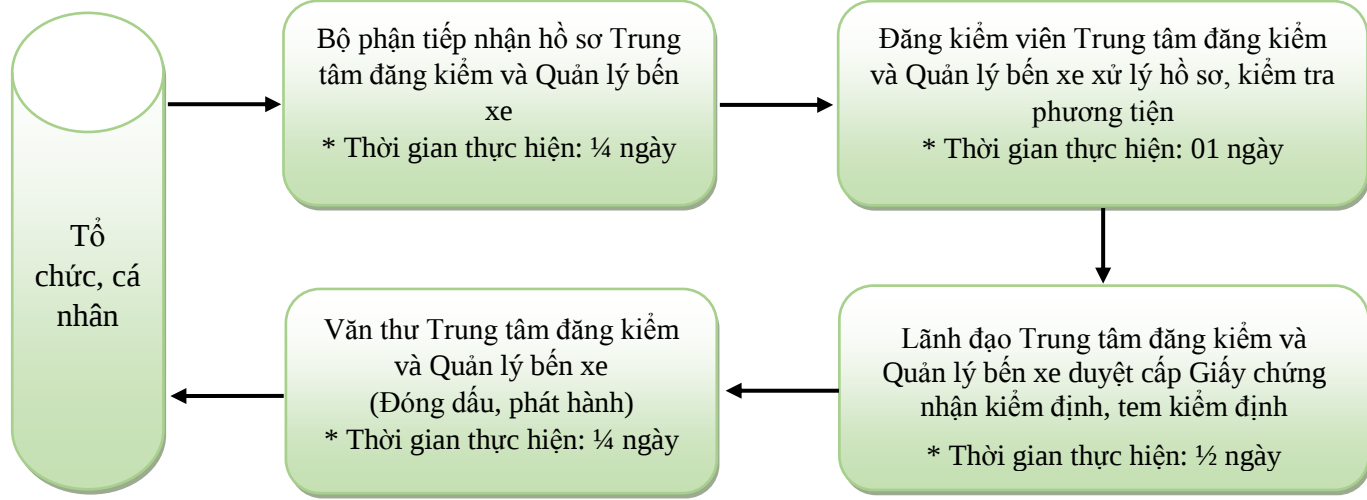
37

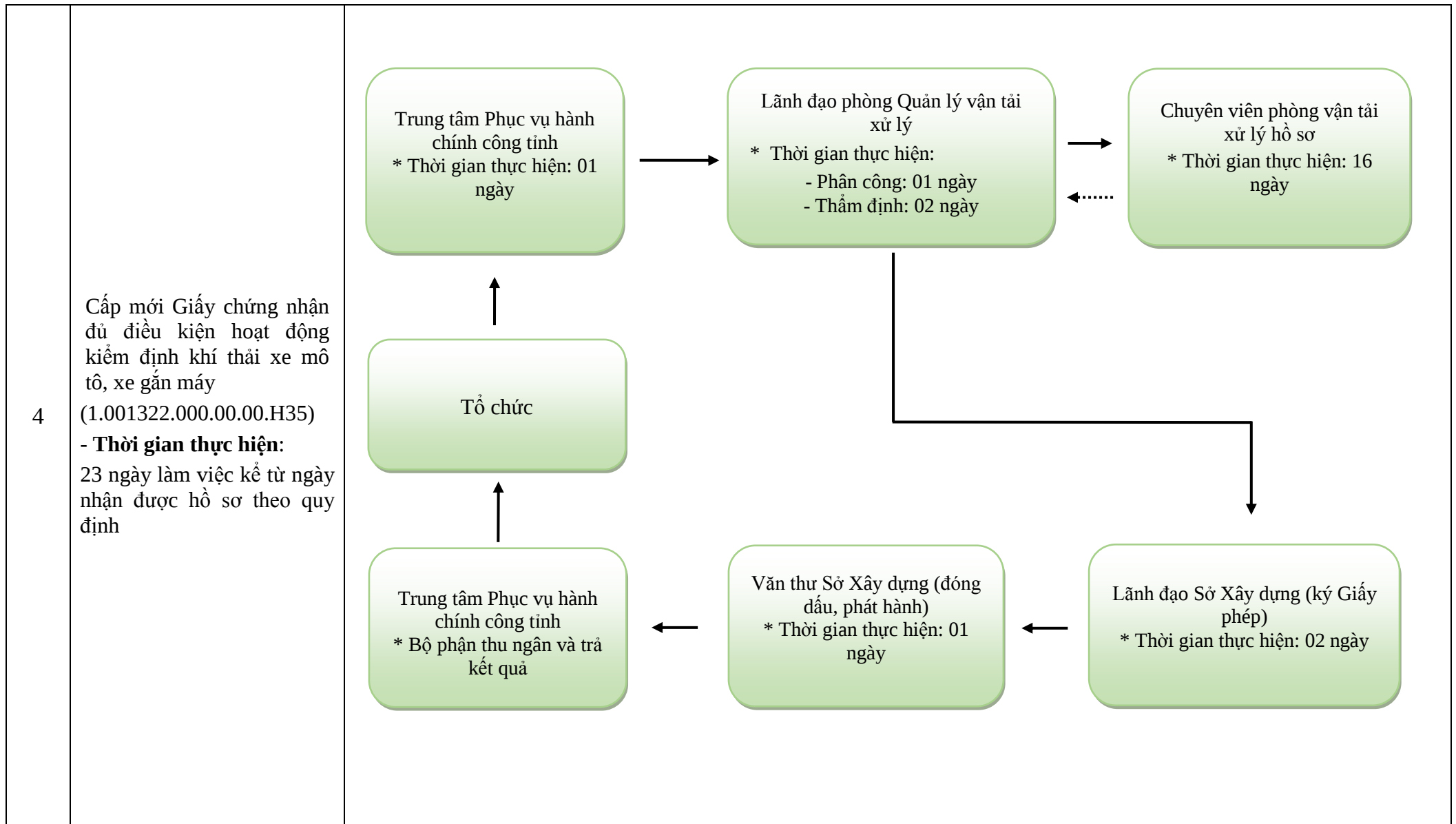
Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lượt chở hành khách và xe ô tô
(1.005021.000.00.00.H35)
- **Thời gian thực hiện:**
20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

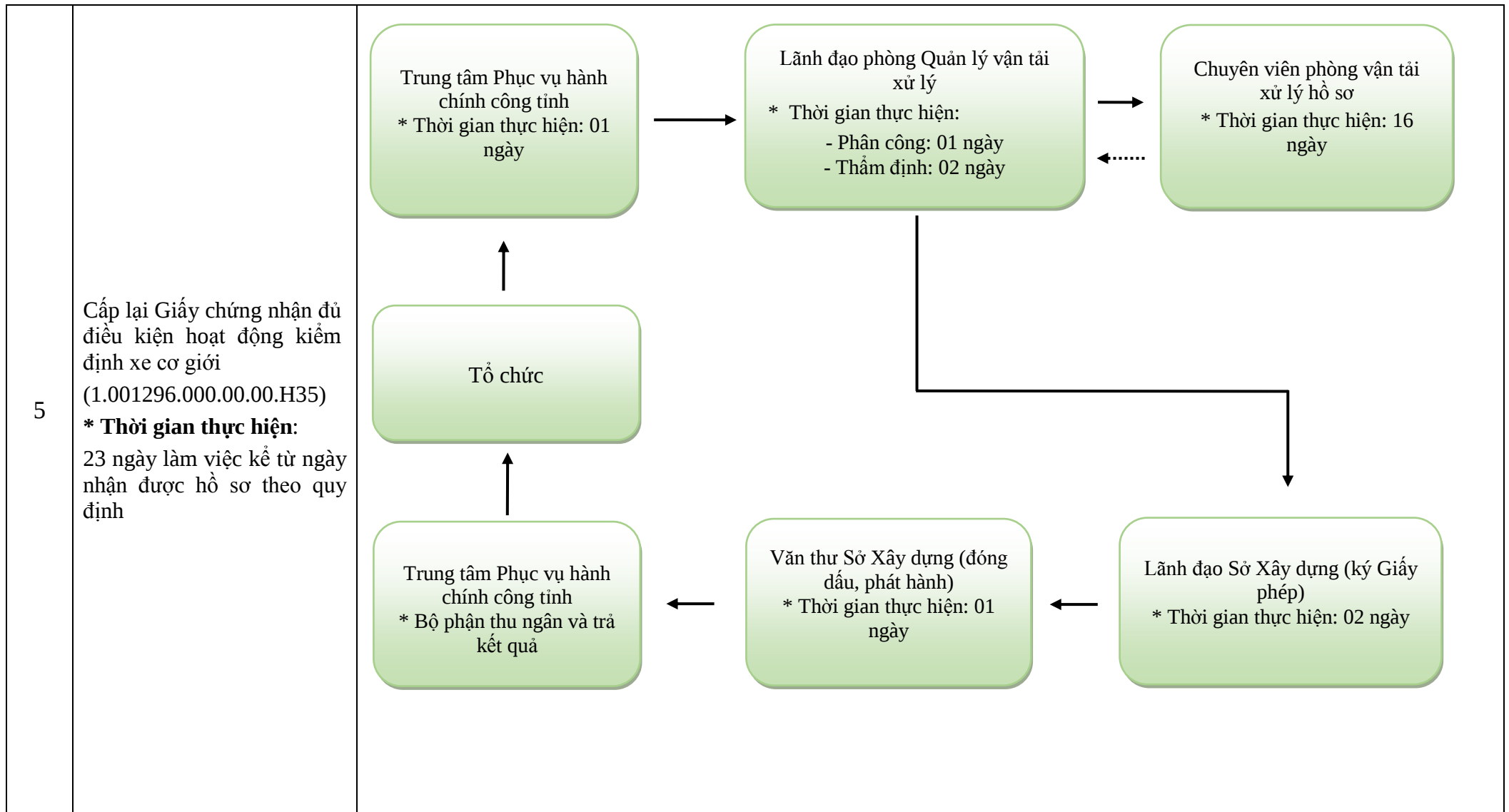


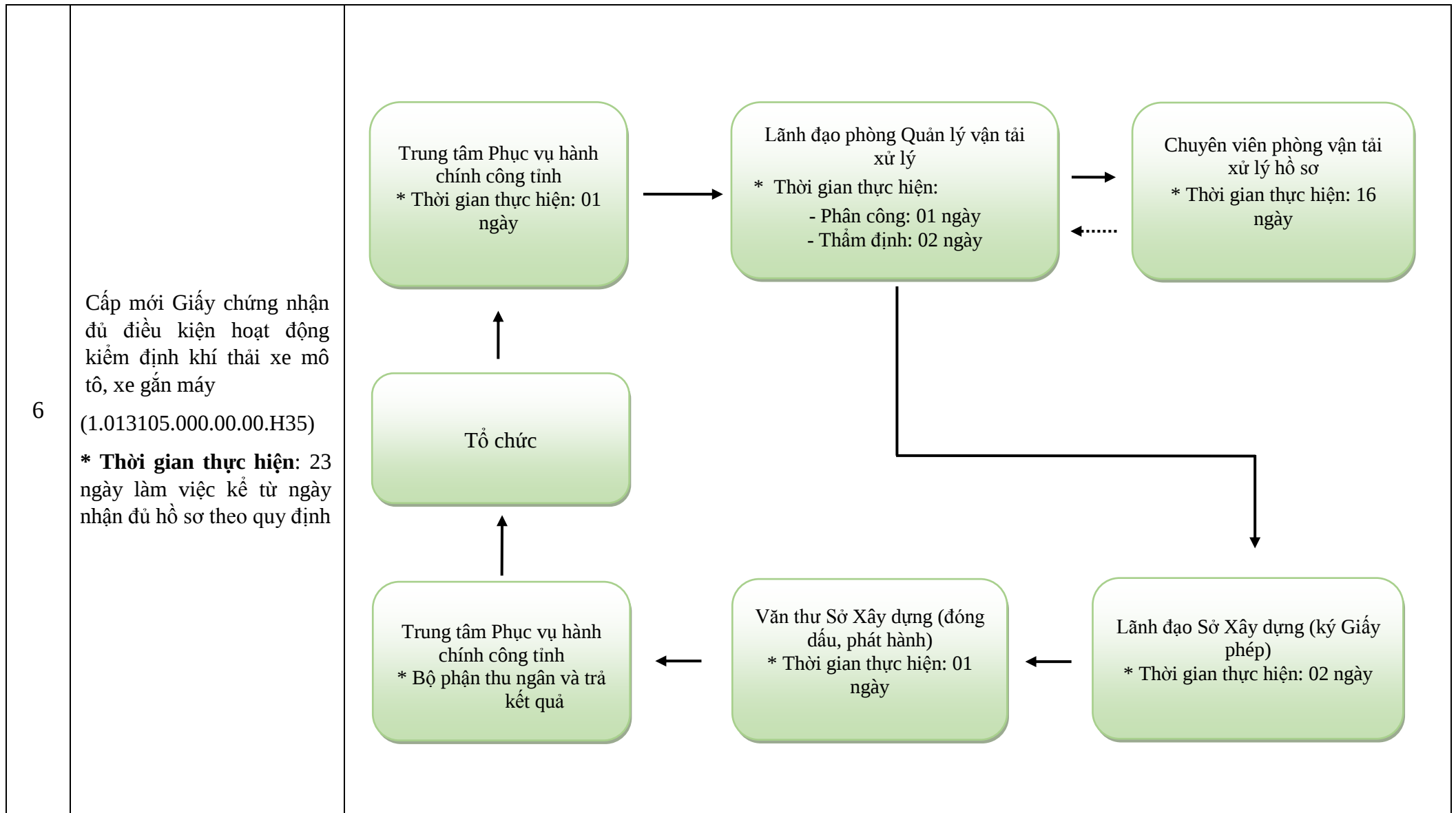
B	LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM	
1	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa (1.005091.000.00.00.H35) - Thời gian thực hiện: + Đối với việc kiểm tra sản phẩm công nghiệp cách trụ sở làm việc dưới 70 km: trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường. + Đối với việc kiểm tra sản phẩm công nghiệp cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên: trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường.	* Đối với việc kiểm tra sản phẩm công nghiệp cách trụ sở làm việc dưới 70 km <pre> graph TD A[Tổ chức, cá nhân] --> B[Bộ phận tiếp nhận hồ sơ Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe * Thời gian thực hiện: 01 giờ] B --> C[Đăng kiểm viên Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe xử lý hồ sơ, kiểm tra phương tiện * Thời gian thực hiện: 04 giờ] C --> D[Lãnh đạo Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe duyệt cấp Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định * Thời gian thực hiện: 02 giờ] D --> E[Văn thư Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe (Đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: 01 giờ] E --> A </pre>
		* Đối với việc kiểm tra sản phẩm công nghiệp cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên <pre> graph TD A[Tổ chức, cá nhân] --> B[Bộ phận tiếp nhận hồ sơ Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe * Thời gian thực hiện: ¼ ngày] B --> C[Đăng kiểm viên Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe xử lý hồ sơ, kiểm tra phương tiện * Thời gian thực hiện: 01 ngày] C --> D[Lãnh đạo Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe duyệt cấp Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định * Thời gian thực hiện: ½ ngày] D --> E[Văn thư Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe (Đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: ¼ ngày] E --> A </pre>

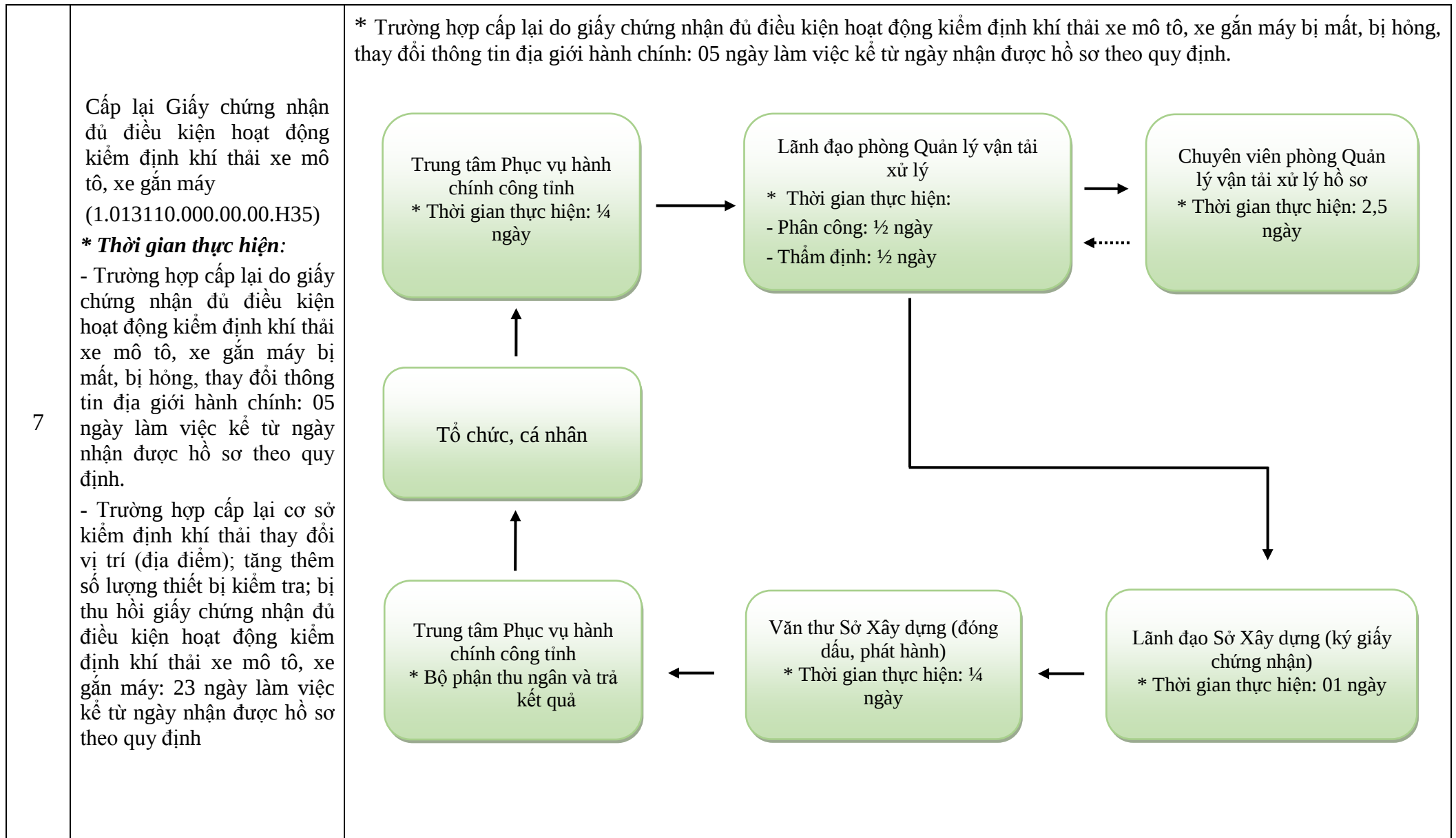
2	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa (1.001284.000.00.00.H35) - Thời gian thực hiện: + Đối với việc kiểm tra sản phẩm công nghiệp cách trụ sở làm việc dưới 70 km: trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường. + Đối với việc kiểm tra sản phẩm công nghiệp cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên: trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường.	* Đối với việc kiểm tra sản phẩm công nghiệp cách trụ sở làm việc dưới 70 km <pre> graph TD A[Tổ chức, cá nhân] --> B[Bộ phận tiếp nhận hồ sơ Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe * Thời gian thực hiện: 01 giờ] B --> C[Đăng kiểm viên Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe xử lý hồ sơ, kiểm tra phương tiện * Thời gian thực hiện: 04 giờ] C --> D[Lãnh đạo Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe duyệt cấp Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định * Thời gian thực hiện: 02 giờ] D --> E[Văn thư Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe (Đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: 01 giờ] E --> A </pre> * Đối với việc kiểm tra sản phẩm công nghiệp cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên <pre> graph TD A[Tổ chức, cá nhân] --> B[Bộ phận tiếp nhận hồ sơ Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe * Thời gian thực hiện: ¼ ngày] B --> C[Đăng kiểm viên Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe xử lý hồ sơ, kiểm tra phương tiện * Thời gian thực hiện: 01 ngày] C --> D[Lãnh đạo Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe duyệt cấp Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định * Thời gian thực hiện: ½ ngày] D --> E[Văn thư Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe (Đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: ¼ ngày] E --> A </pre>
---	--	--

3	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện nhập khẩu (1.001131.000.00.00.H35) - Thời gian thực hiện: + Đối với việc kiểm tra sản phẩm công nghiệp cách trụ sở làm việc dưới 70 km: trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường. + Đối với việc kiểm tra sản phẩm công nghiệp cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên: trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường.	* Đối với việc kiểm tra sản phẩm công nghiệp cách trụ sở làm việc dưới 70 km  <pre> graph TD A[Tổ chức, cá nhân] --> B[Bộ phận tiếp nhận hồ sơ Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe * Thời gian thực hiện: 01 giờ] B --> C[Đăng kiểm viên Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe xử lý hồ sơ, kiểm tra phương tiện * Thời gian thực hiện: 04 giờ] C --> D[Lãnh đạo Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe duyệt cấp Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định * Thời gian thực hiện: 02 giờ] D --> E[Văn thư Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe (Đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: 01 giờ] E --> A </pre> * Đối với việc kiểm tra sản phẩm công nghiệp cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên  <pre> graph TD A[Tổ chức, cá nhân] --> B[Bộ phận tiếp nhận hồ sơ Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe * Thời gian thực hiện: 1/4 ngày] B --> C[Đăng kiểm viên Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe xử lý hồ sơ, kiểm tra phương tiện * Thời gian thực hiện: 01 ngày] C --> D[Lãnh đạo Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe duyệt cấp Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định * Thời gian thực hiện: 1/2 ngày] D --> E[Văn thư Trung tâm đăng kiểm và Quản lý bến xe (Đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: 1/4 ngày] E --> A </pre>
---	---	---

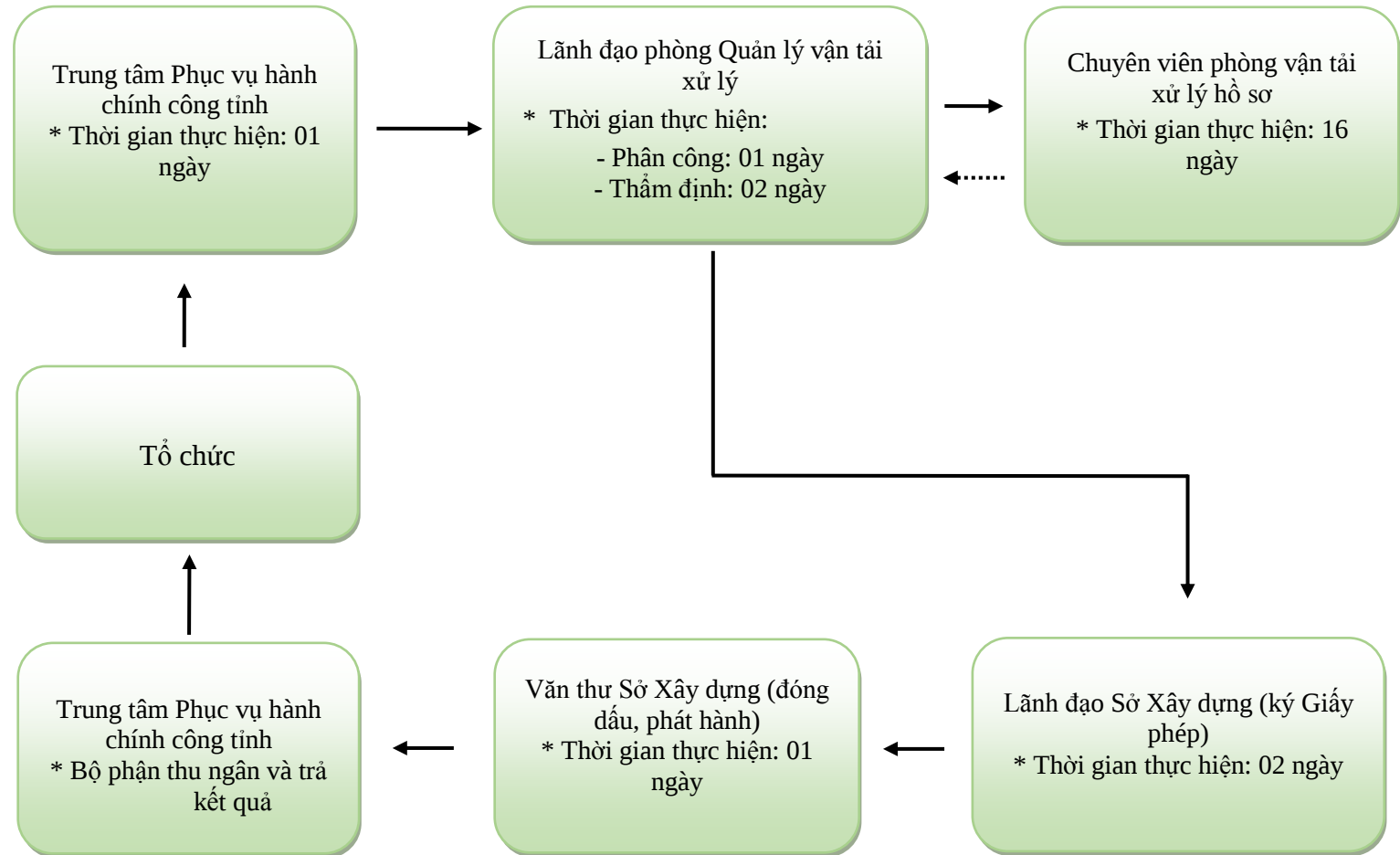






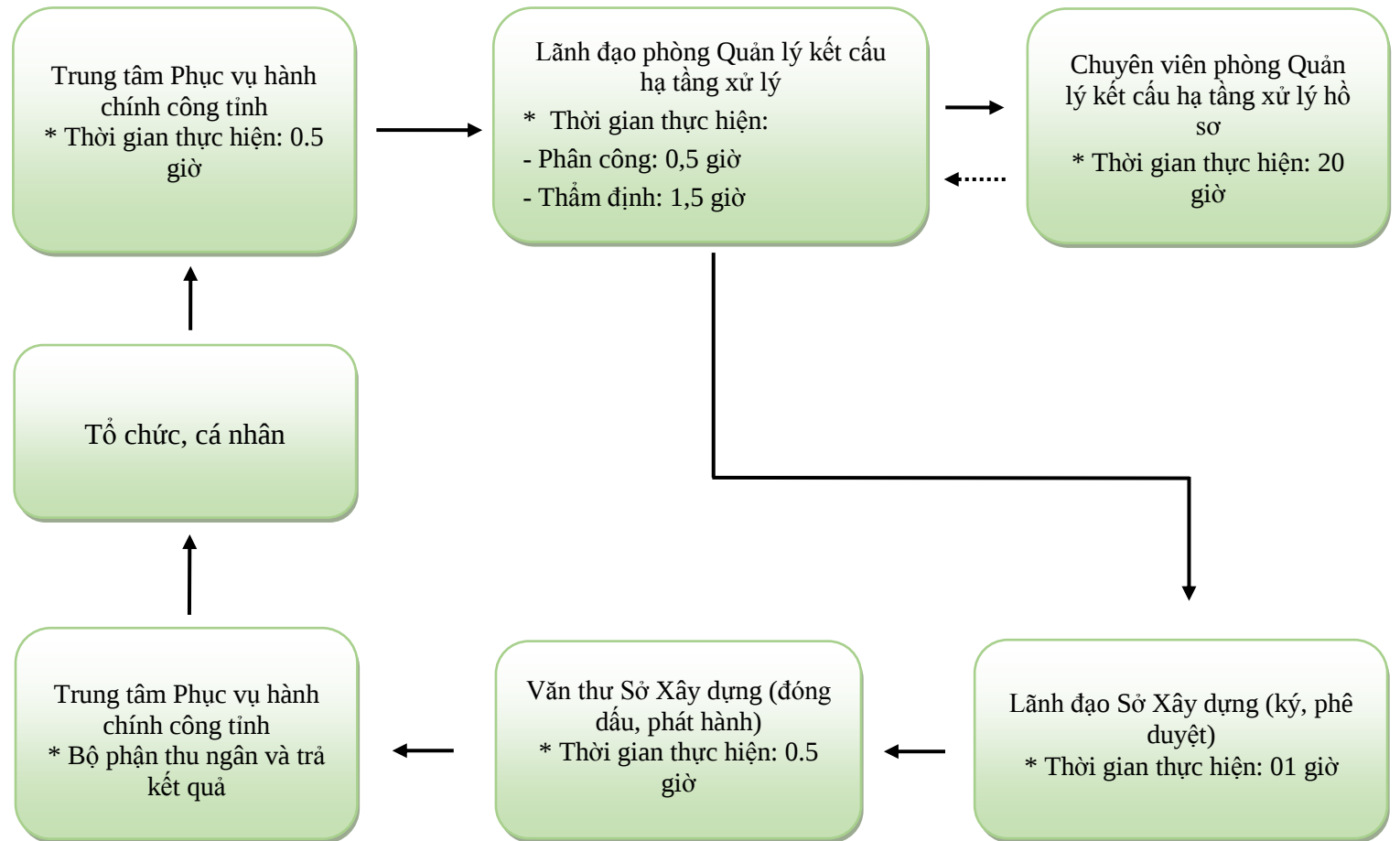


- Trường hợp cấp lại cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy: 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

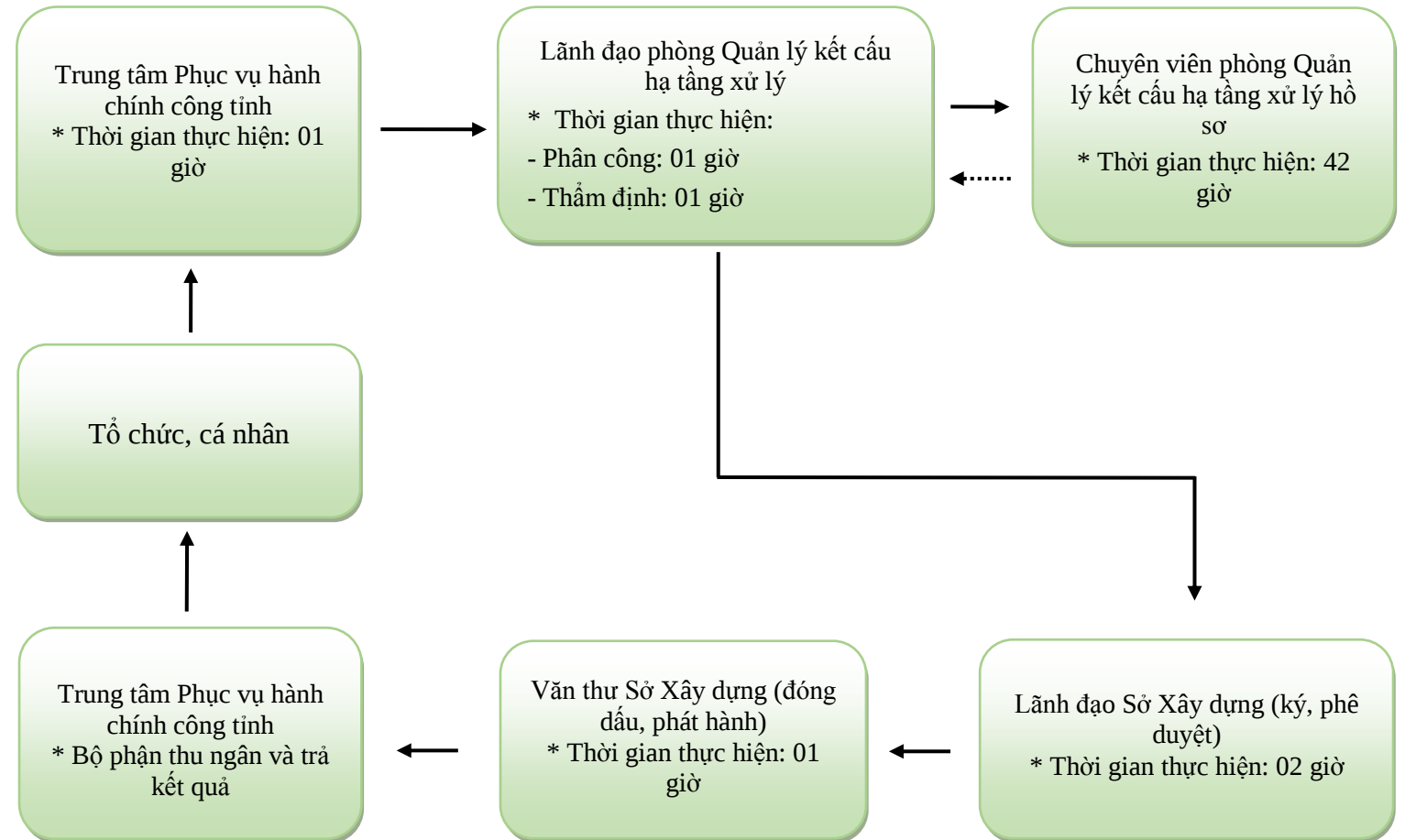


C	Lĩnh vực: Đường thủy nội địa	
1	Phê duyệt phương án trực vớt tài sản (1.002771.000.00.00.H35) - Thời gian giải quyết: Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định với tài sản chìm đắm không gây nguy hiểm. - Không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ theo quy định với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm. - Không quá 48 giờ, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ theo quy định với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm không xác định được chủ sở hữu, tài sản chìm đắm thuộc sở hữu nhà nước và tài sản chìm đắm do Cảng vụ tổ chức trực vớt.	* Trường hợp tài sản chìm đắm không gây nguy hiểm <pre> graph TD A[Tổ chức, cá nhân] --> B[Trung tâm Phục vụ hành chính công tình * Thời gian thực hiện: 01 ngày] B --> C[Lãnh đạo phòng Quản lý kết cấu hạ tầng xử lý * Thời gian thực hiện: - Phân công: 01 ngày - Thẩm định: 01 ngày] C --> D[Chuyên viên phòng Quản lý kết cấu hạ tầng xử lý hồ sơ * Thời gian thực hiện: 05 ngày] D -.-> C C --> E[Lãnh đạo Sở Xây dựng (ký, phê duyệt) * Thời gian thực hiện: 01 ngày] E --> F[Văn thư Sở Xây dựng (đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: 01 ngày] F --> B </pre> Trung tâm Phục vụ hành chính công tình * Thời gian thực hiện: 01 ngày Lãnh đạo phòng Quản lý kết cấu hạ tầng xử lý * Thời gian thực hiện: - Phân công: 01 ngày - Thẩm định: 01 ngày Chuyên viên phòng Quản lý kết cấu hạ tầng xử lý hồ sơ * Thời gian thực hiện: 05 ngày Tổ chức, cá nhân Trung tâm Phục vụ hành chính công tình * Bộ phận thu ngân và trả kết quả Văn thư Sở Xây dựng (đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: 01 ngày Lãnh đạo Sở Xây dựng (ký, phê duyệt) * Thời gian thực hiện: 01 ngày

* Trường hợp tài sản chìm đắm gây nguy hiểm

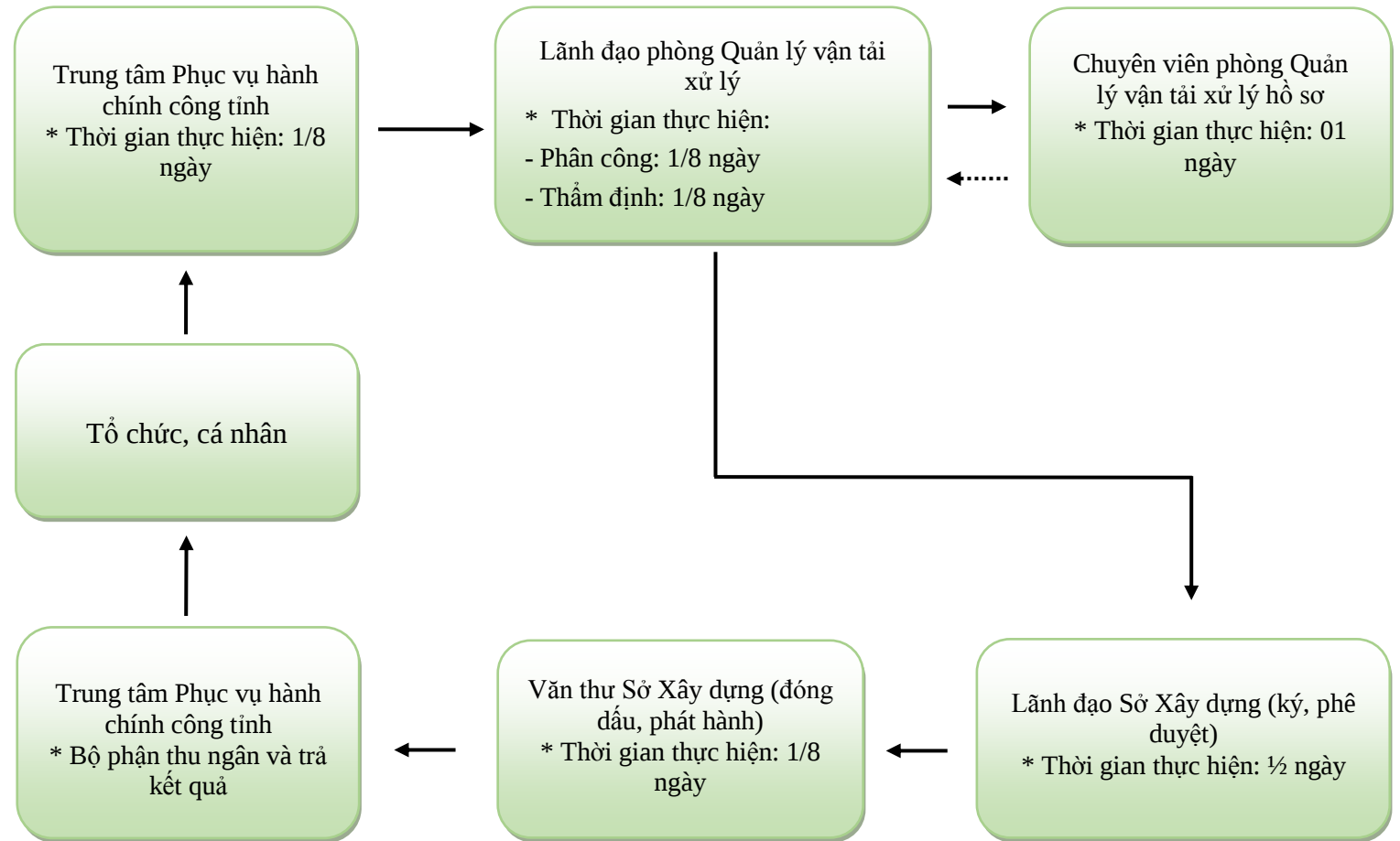


* Trường hợp tài sản chìm đắm gây nguy hiểm không xác định được chủ sở hữu, tài sản chìm đắm thuộc sở hữu nhà nước và tài sản chìm đắm do Cảng vụ tổ chức trục vớt.



2

Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa (1.00344.000.00.00.H35)
 - **Thời gian giải quyết:**
 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định



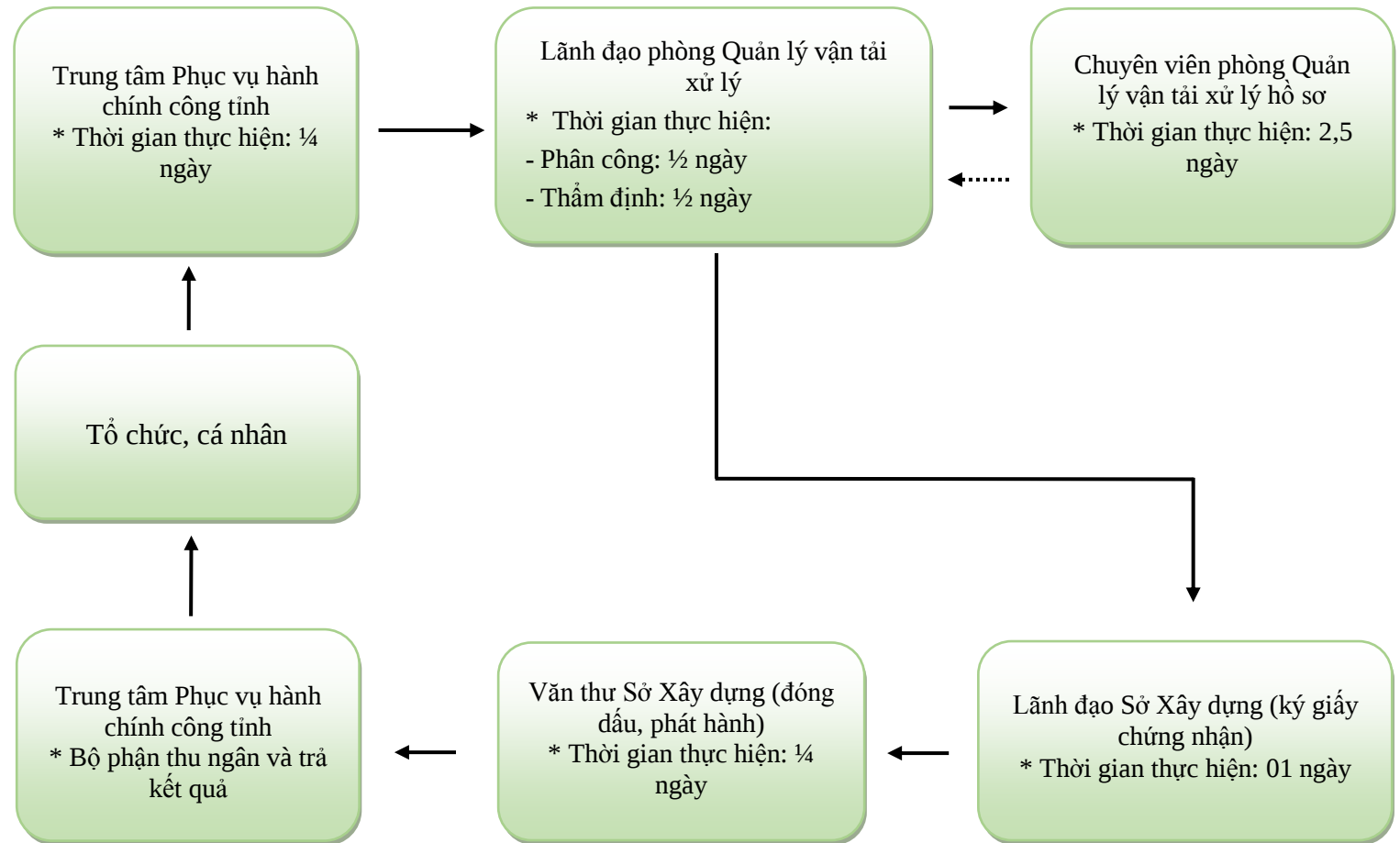
3

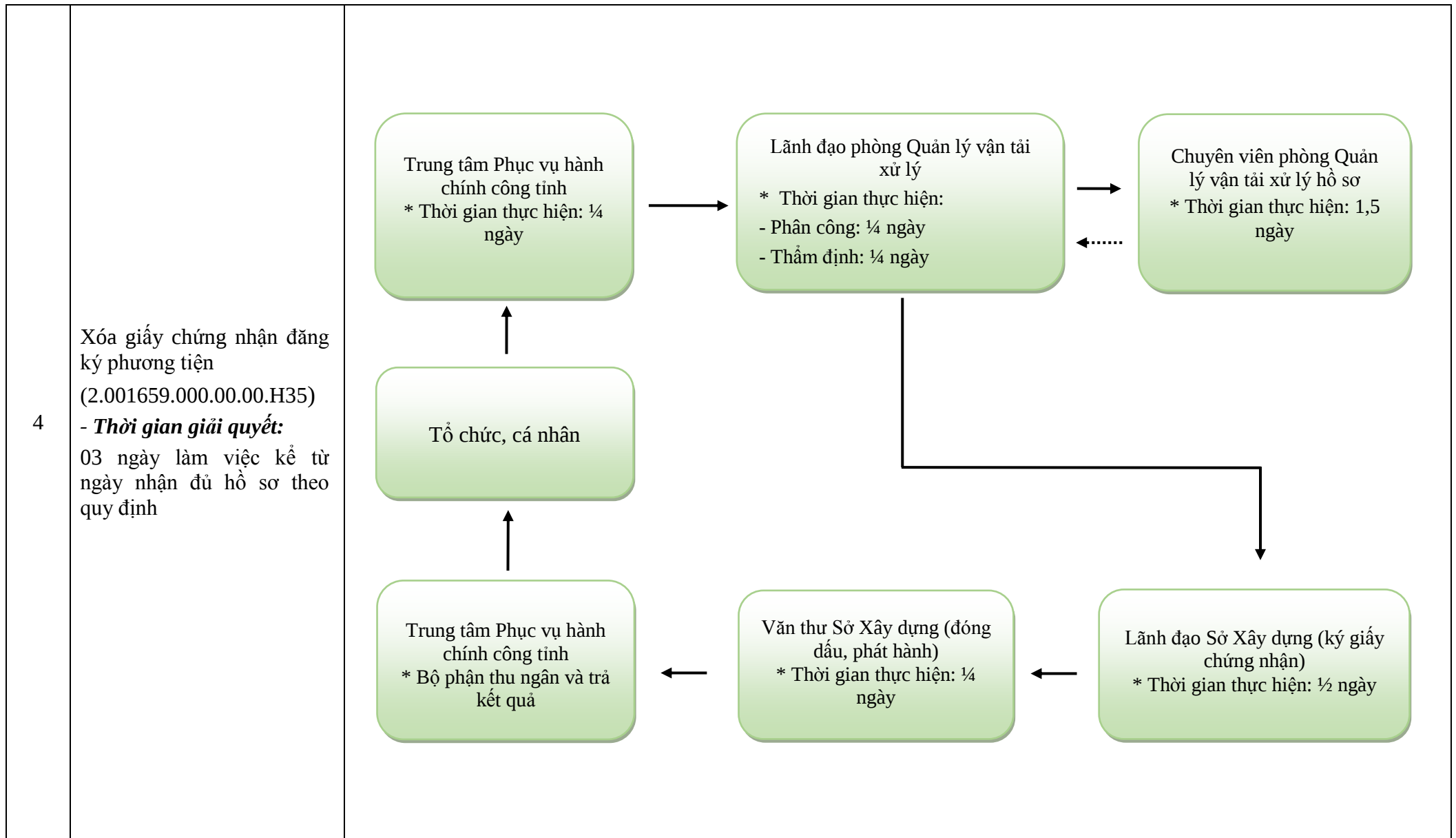
Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn

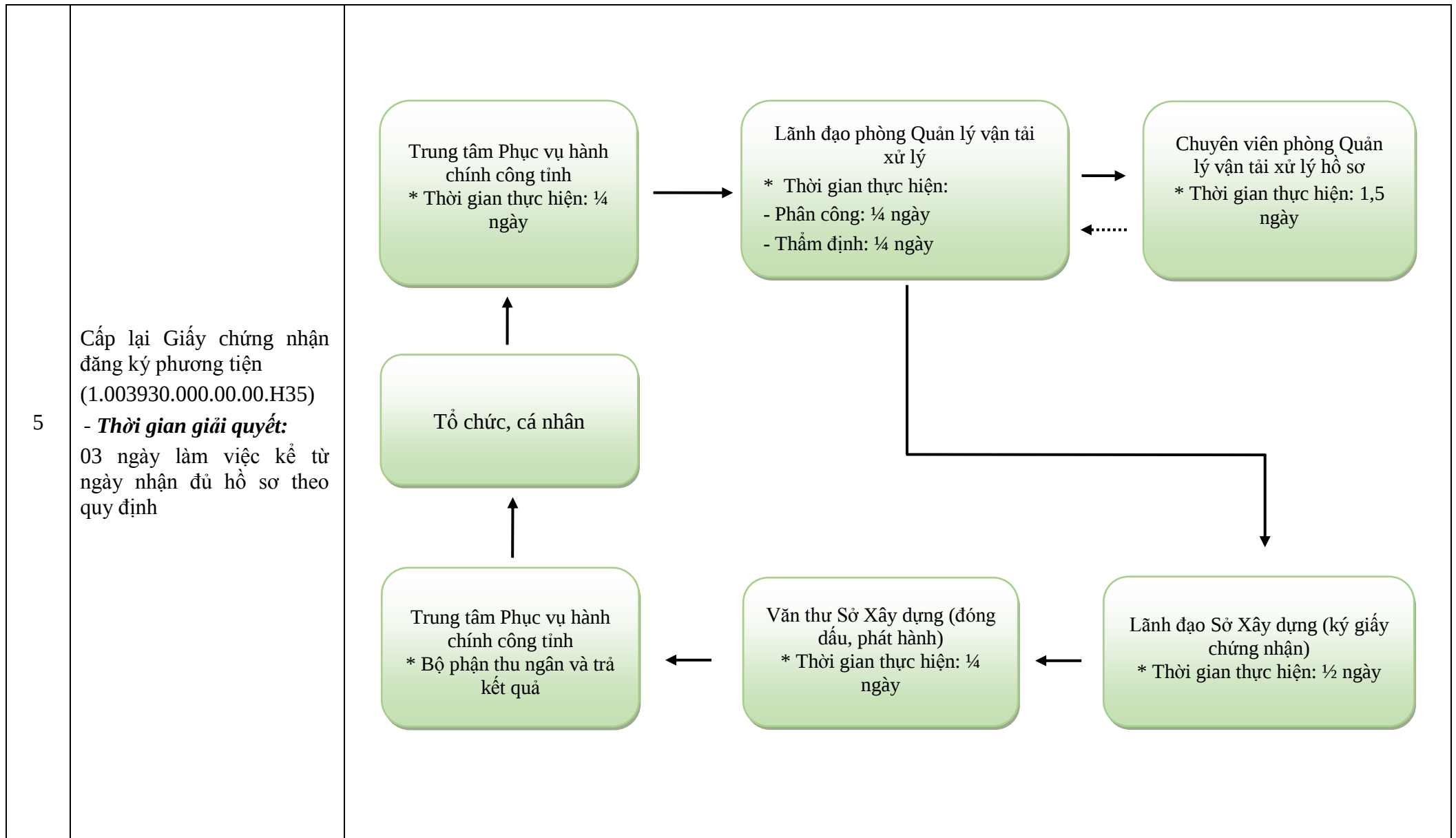
(1.003135.000.00.00.H35)

- **Thời gian giải quyết:**

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

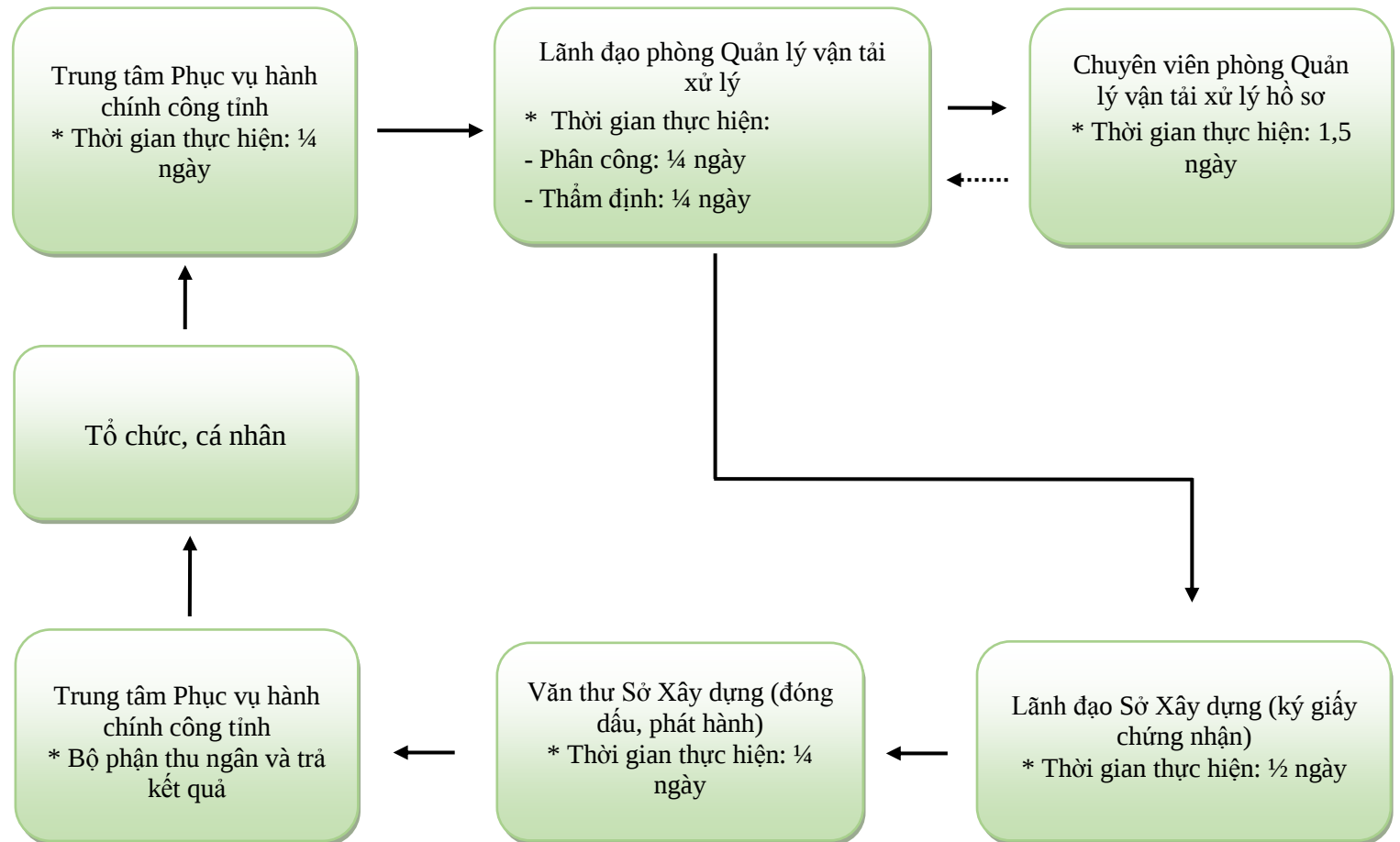






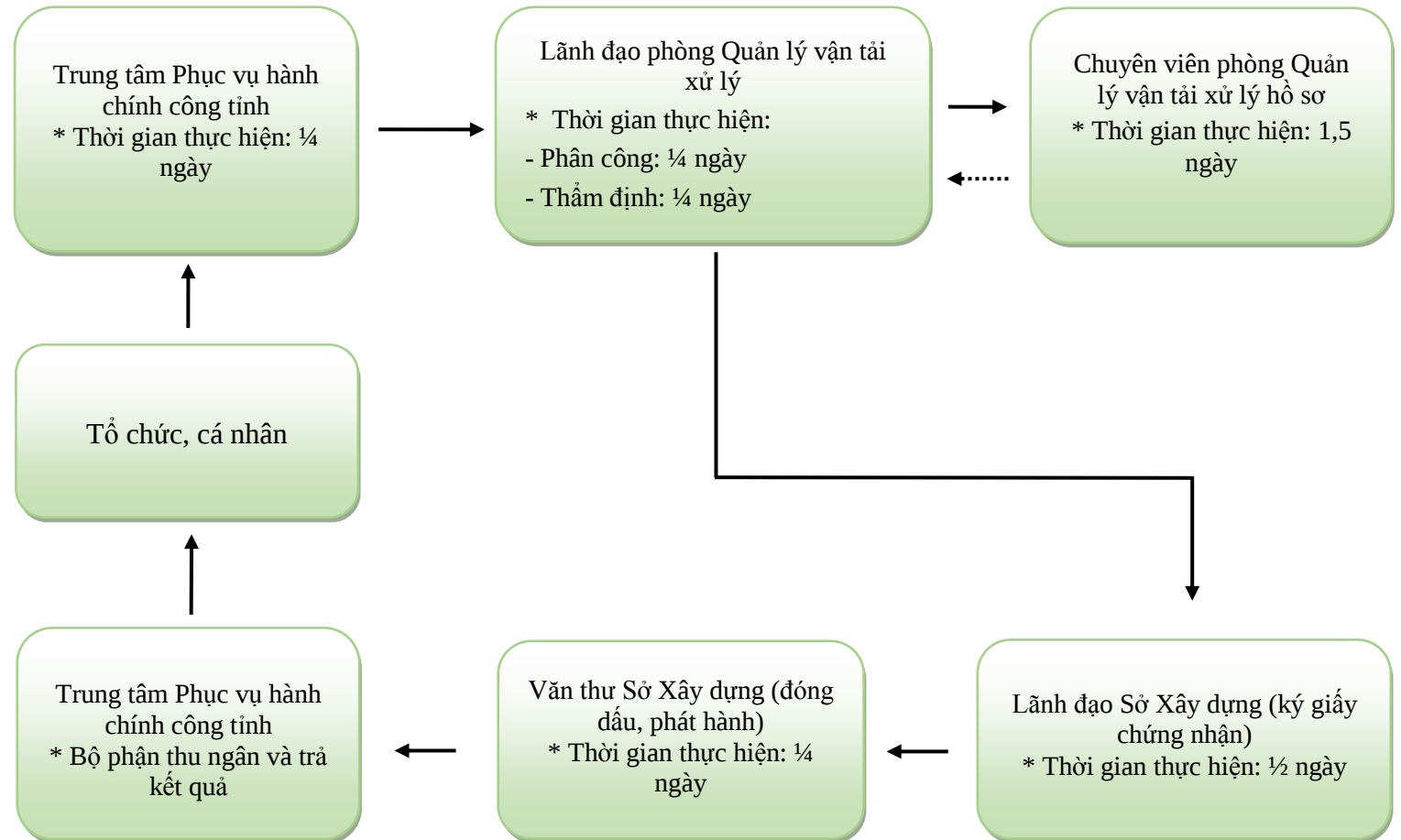
6

Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
(1.003970.000.00.00.H35)
- **Thời gian giải quyết:**
03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định



7

Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (1.004002.000.00.00.H35)
- Thời gian giải quyết:
 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định



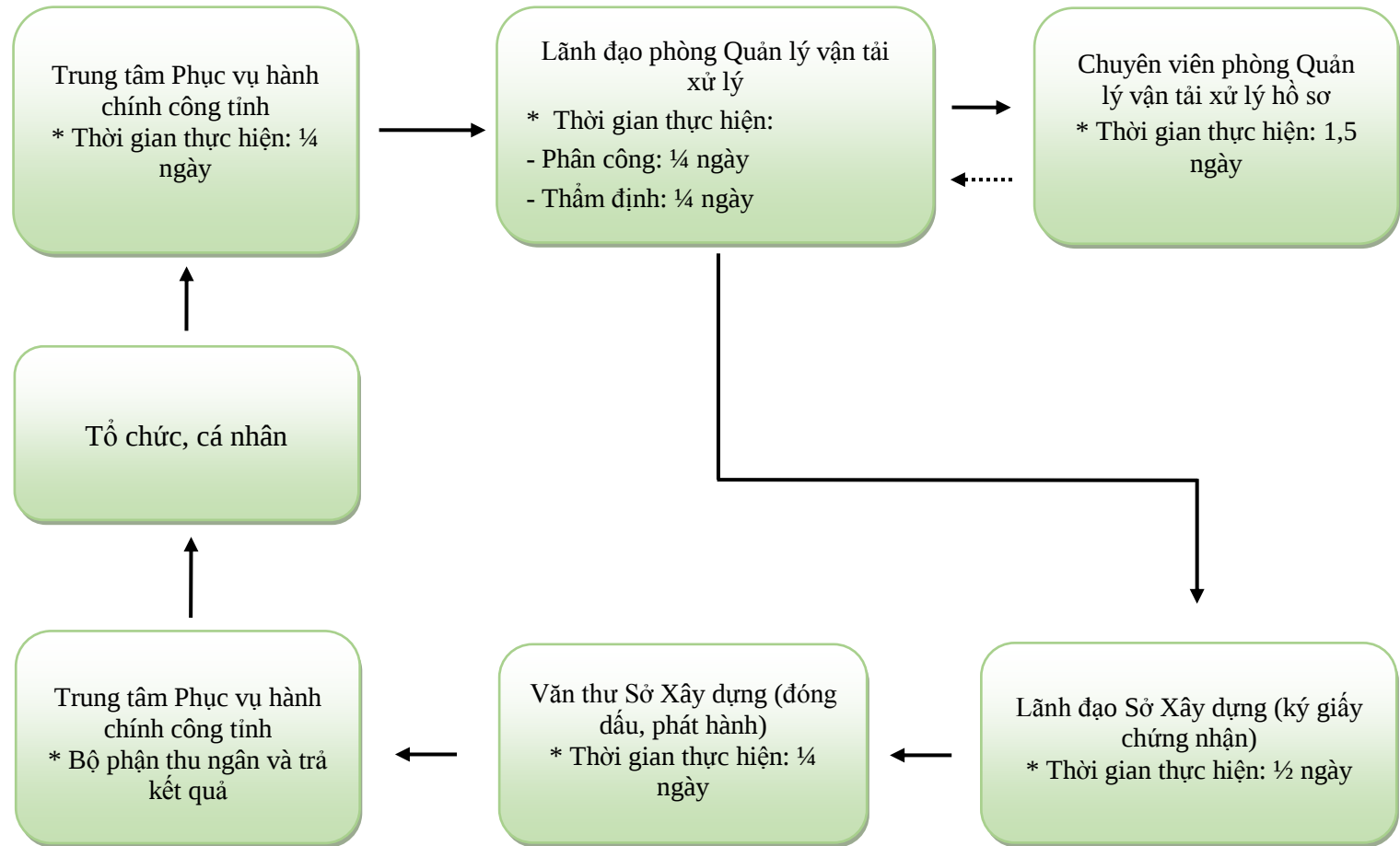
8

Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật

(2.001711.000.00.00.H35)

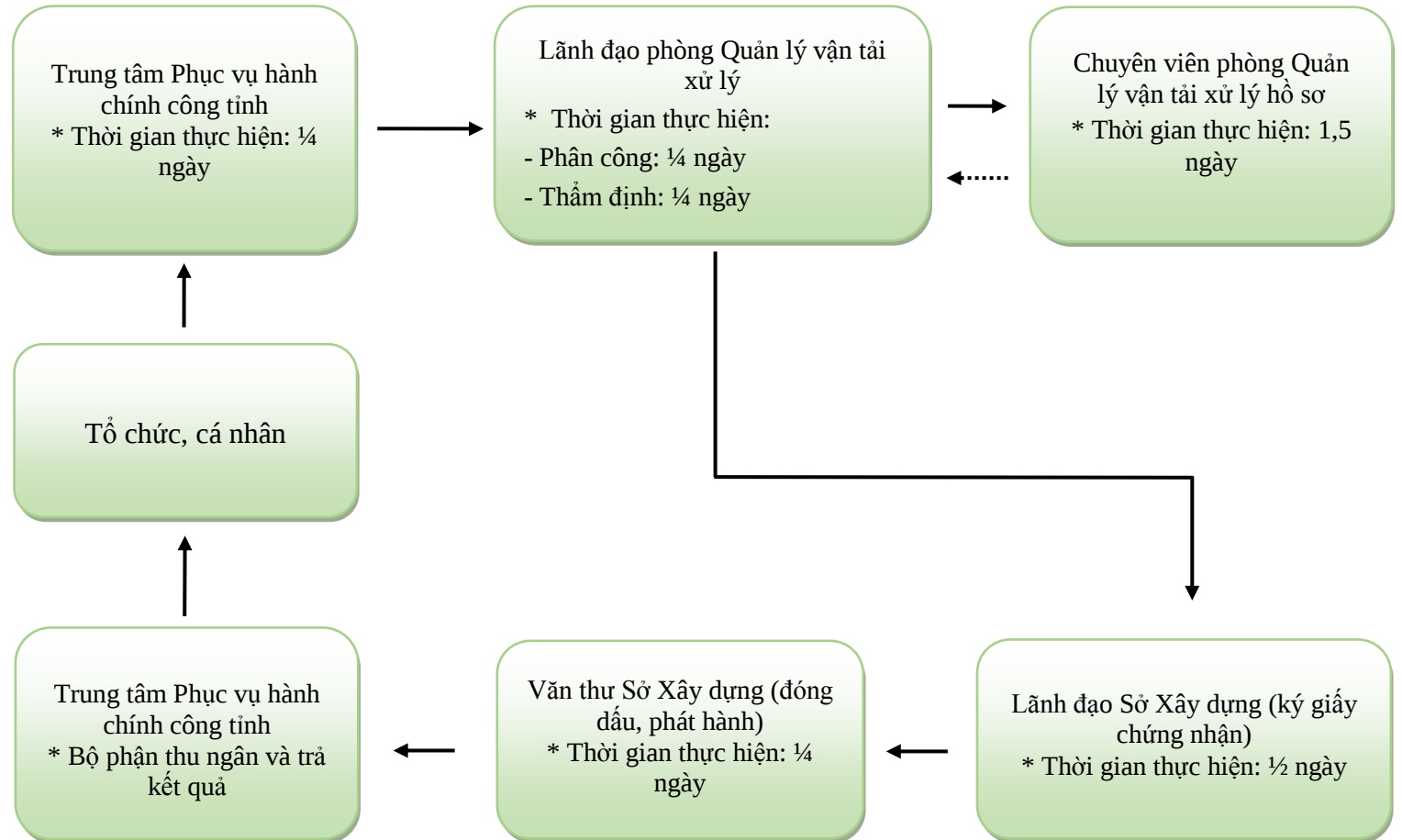
- **Thời gian giải quyết:**

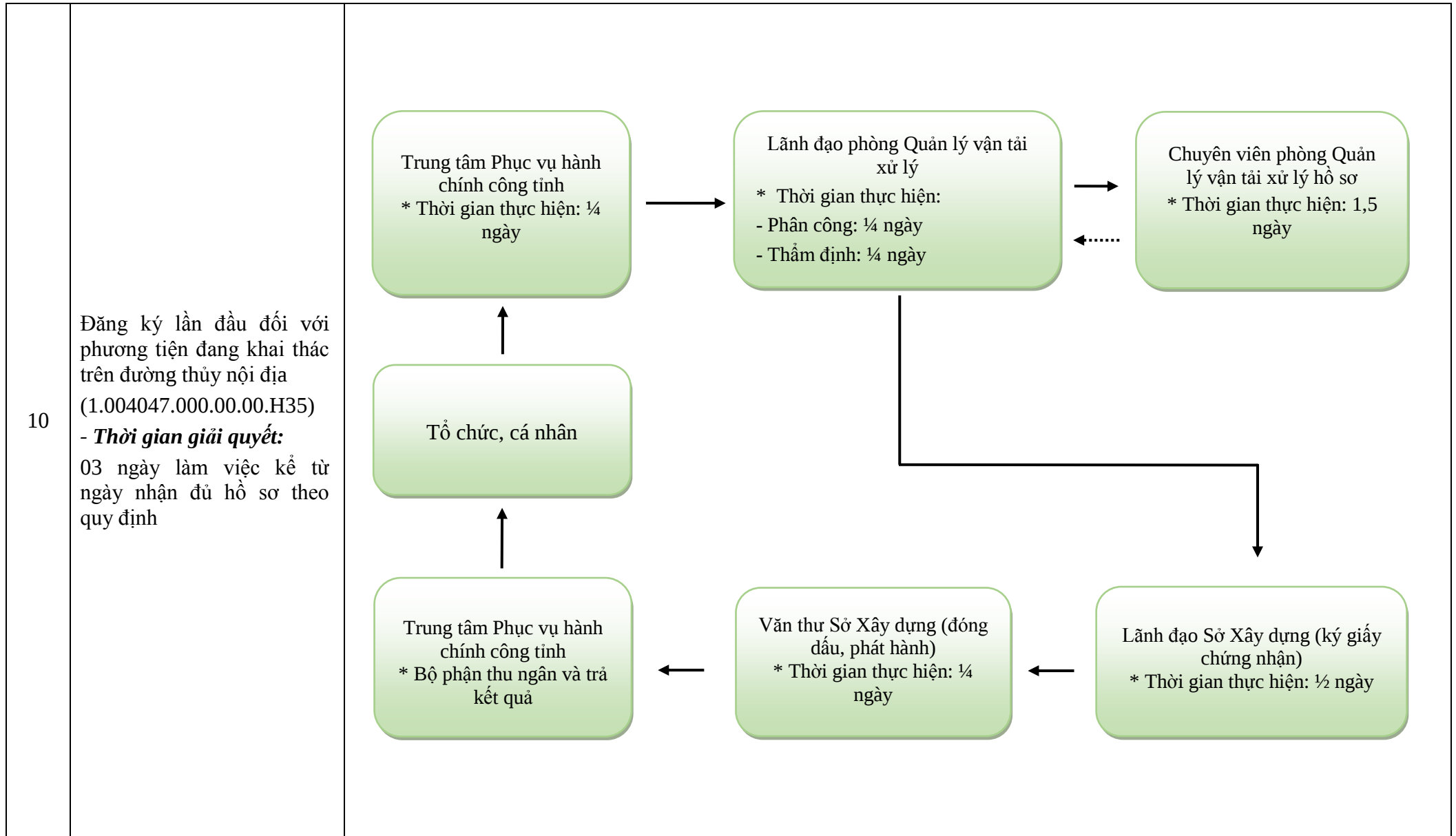
03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định



9

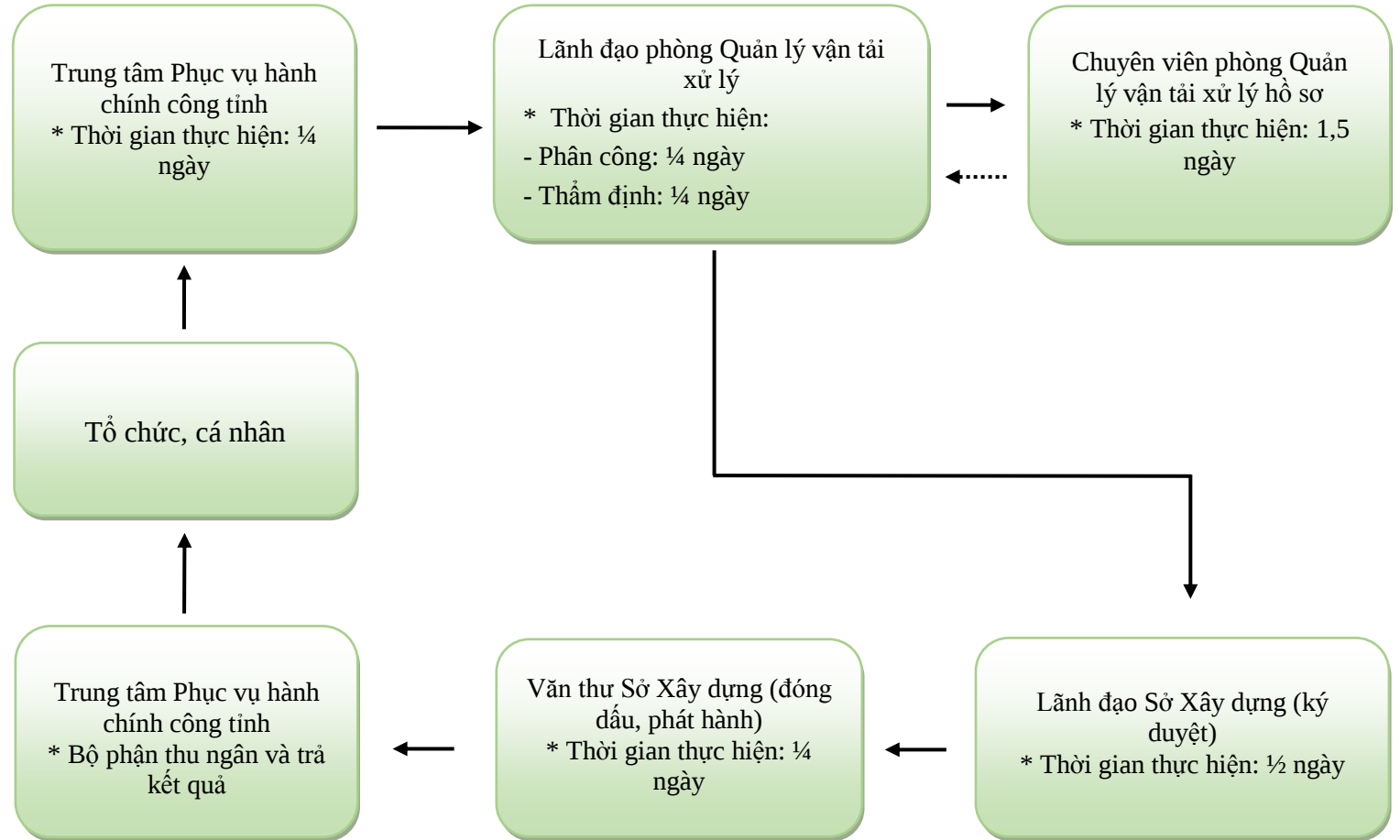
Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa
(1.004036.000.00.00.H35)
- **Thời gian giải quyết:**
03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định





11

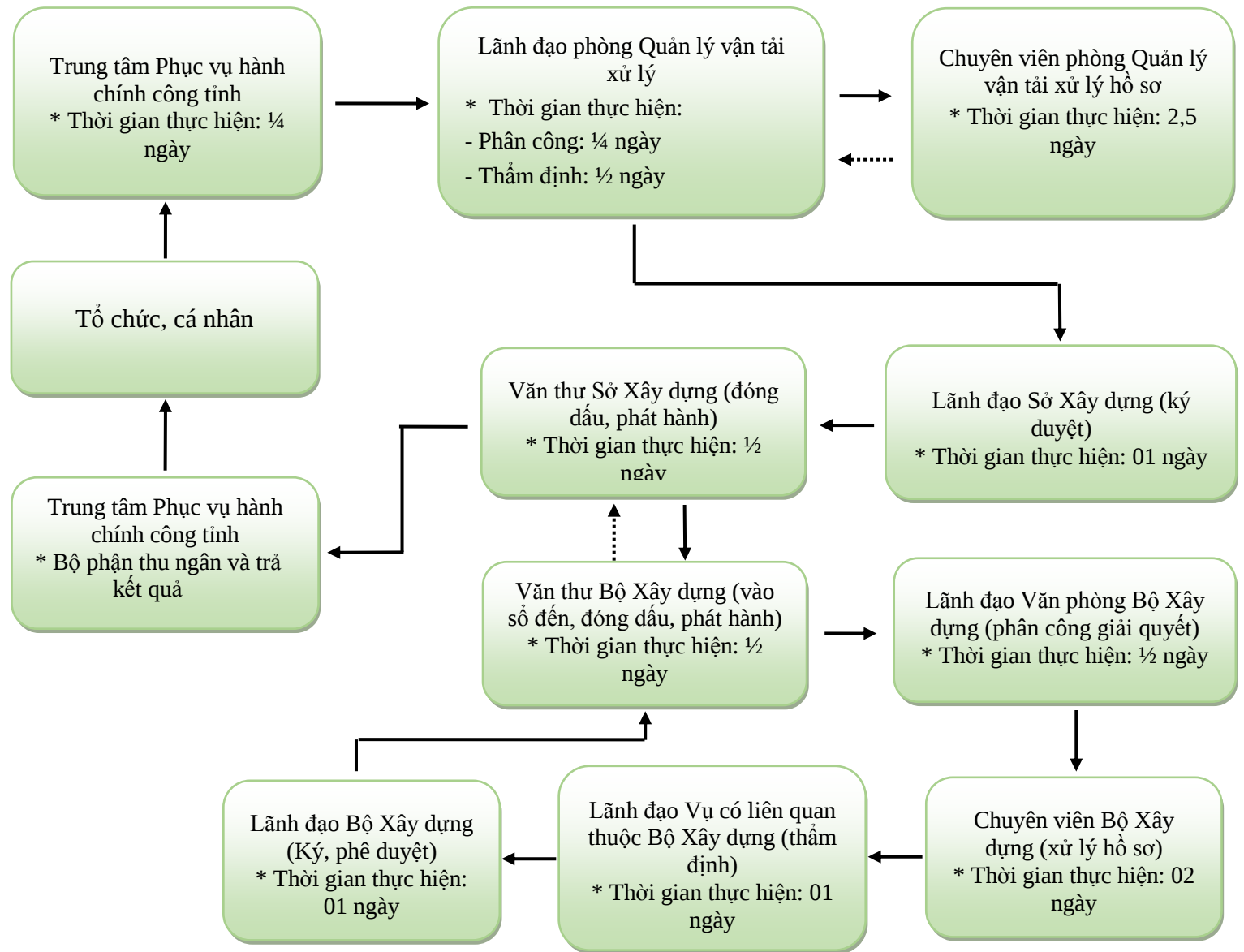
Đăng ký lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa (1.004088.000.00.00.H35)
- Thời gian giải quyết:
 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định



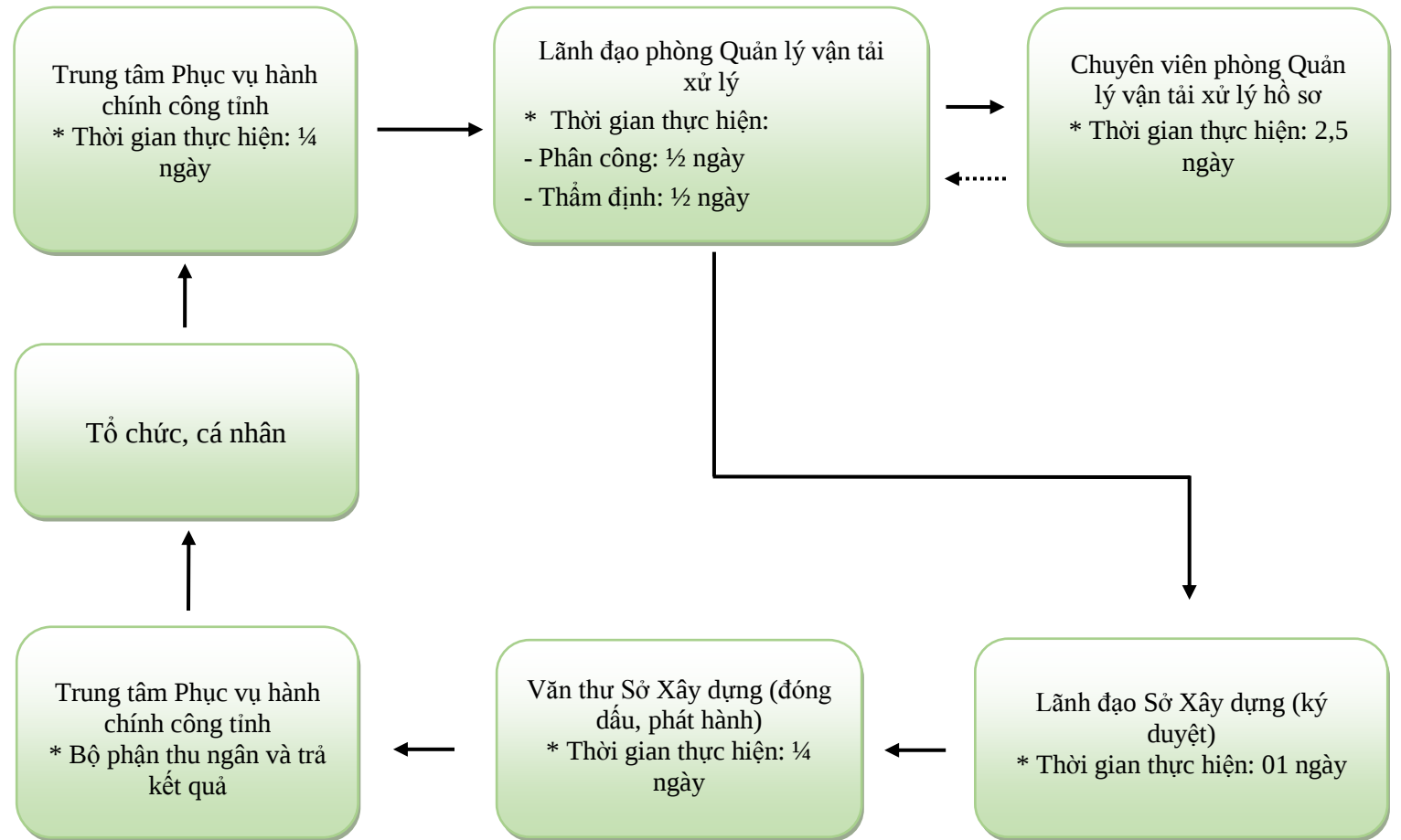
12

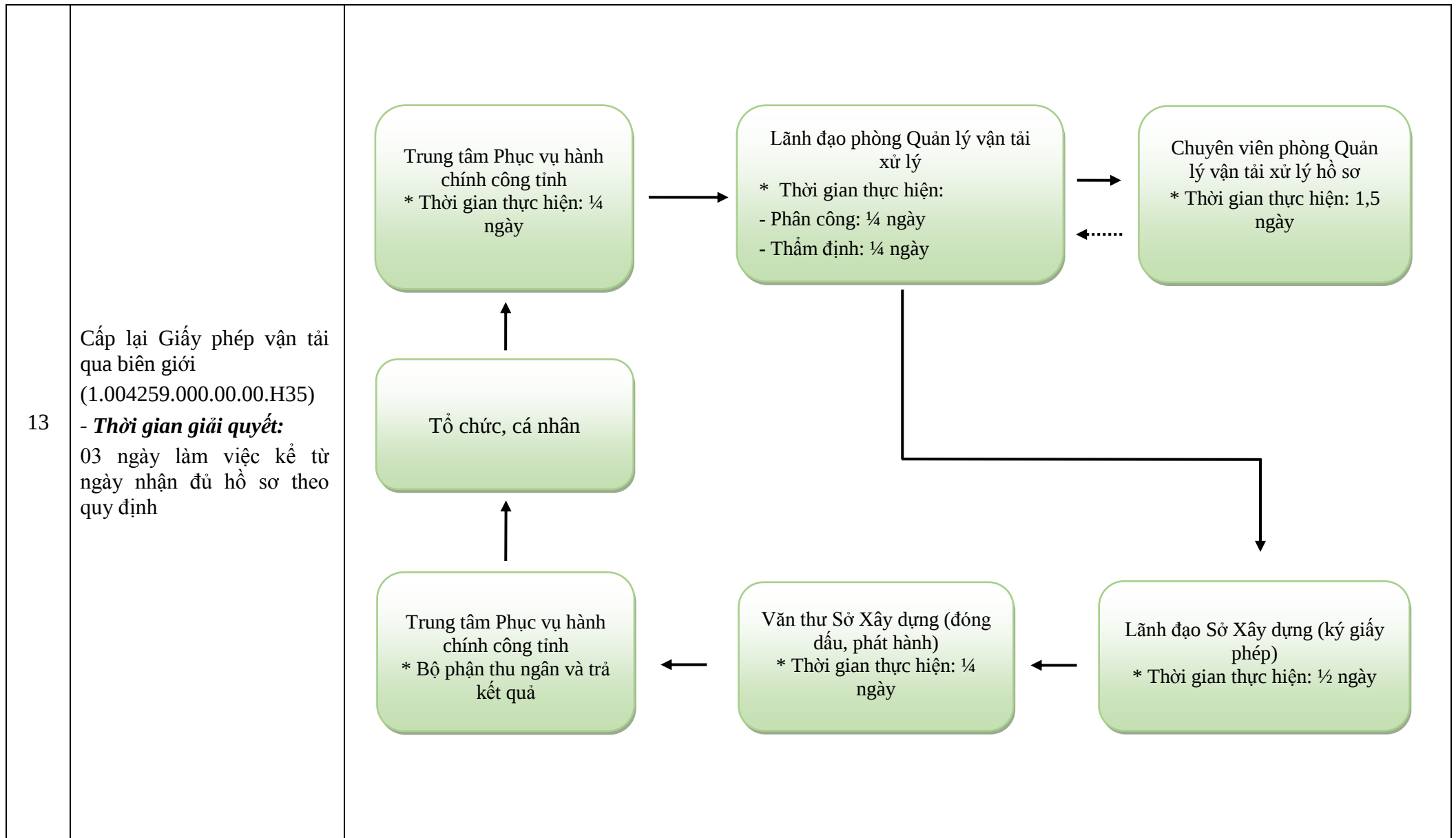
Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa
(1.004242.000.00.00.H35)
- **Thời gian giải quyết:**
+ Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
+ Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

* Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài



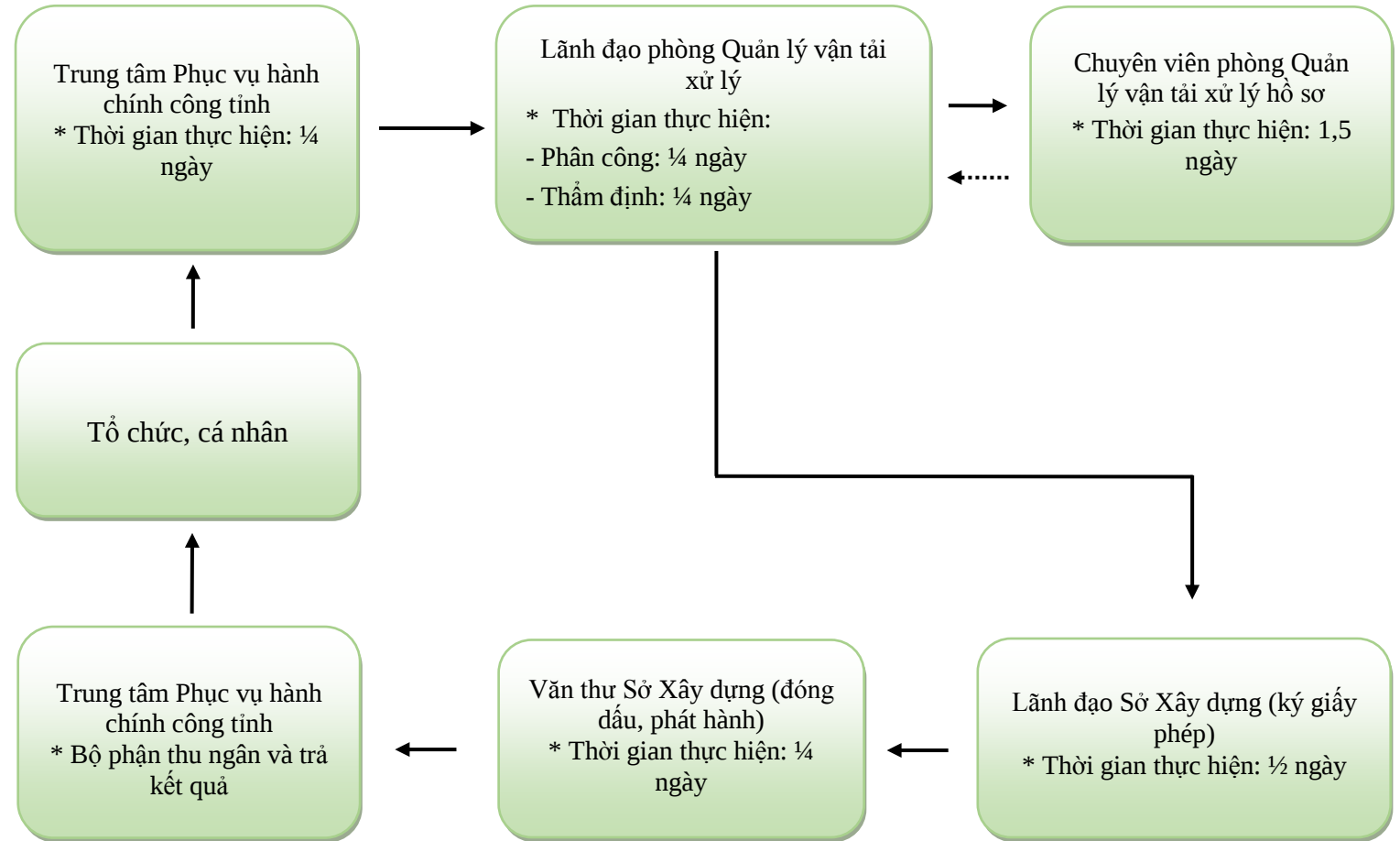
* Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài





14

Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới
(1.004261.000.00.00.H35)
- **Thời gian giải quyết:**
03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định



15

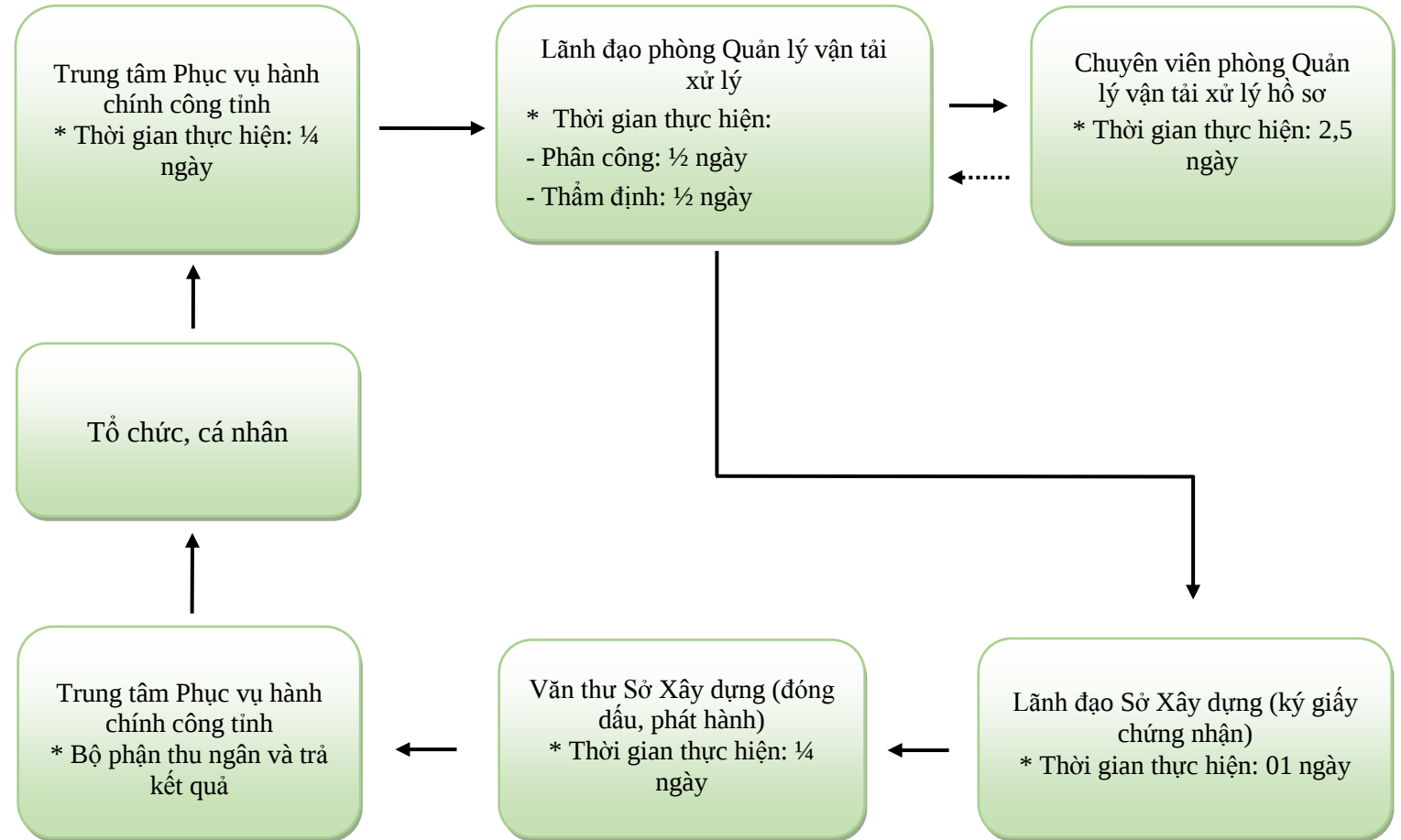
Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (2.001998.000.00.00.H35)

- Thời gian giải quyết:

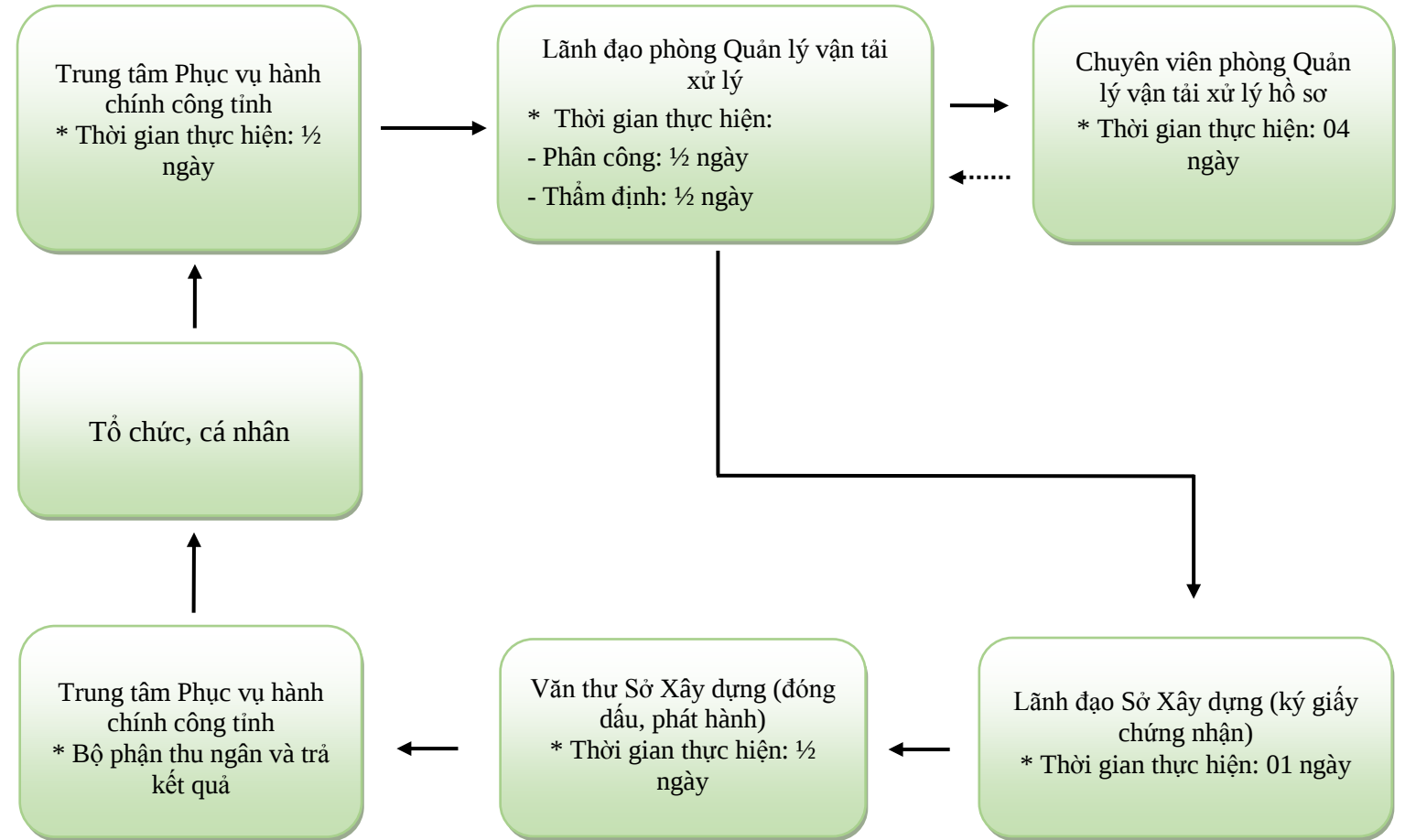
Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

* Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng

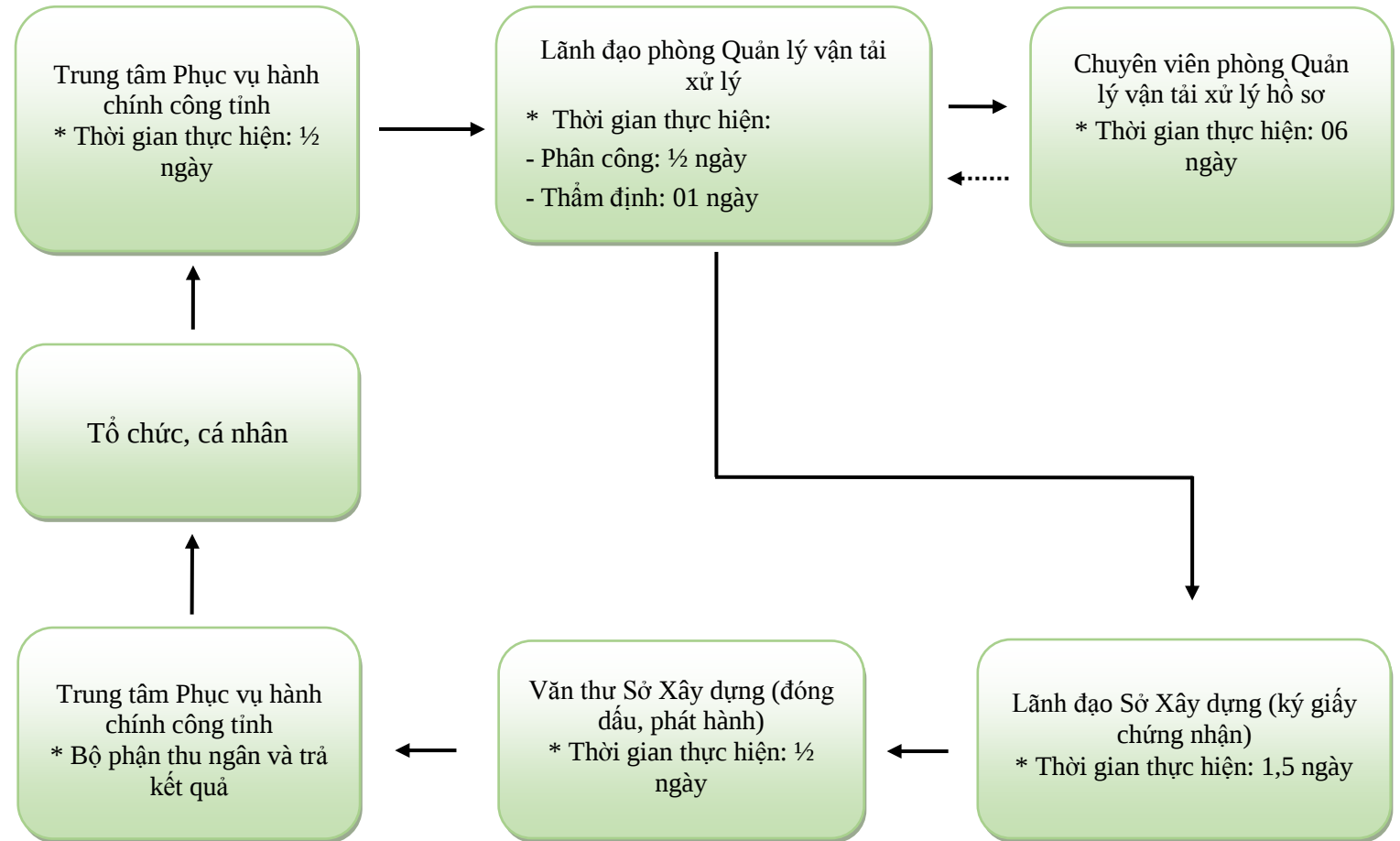


* Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo



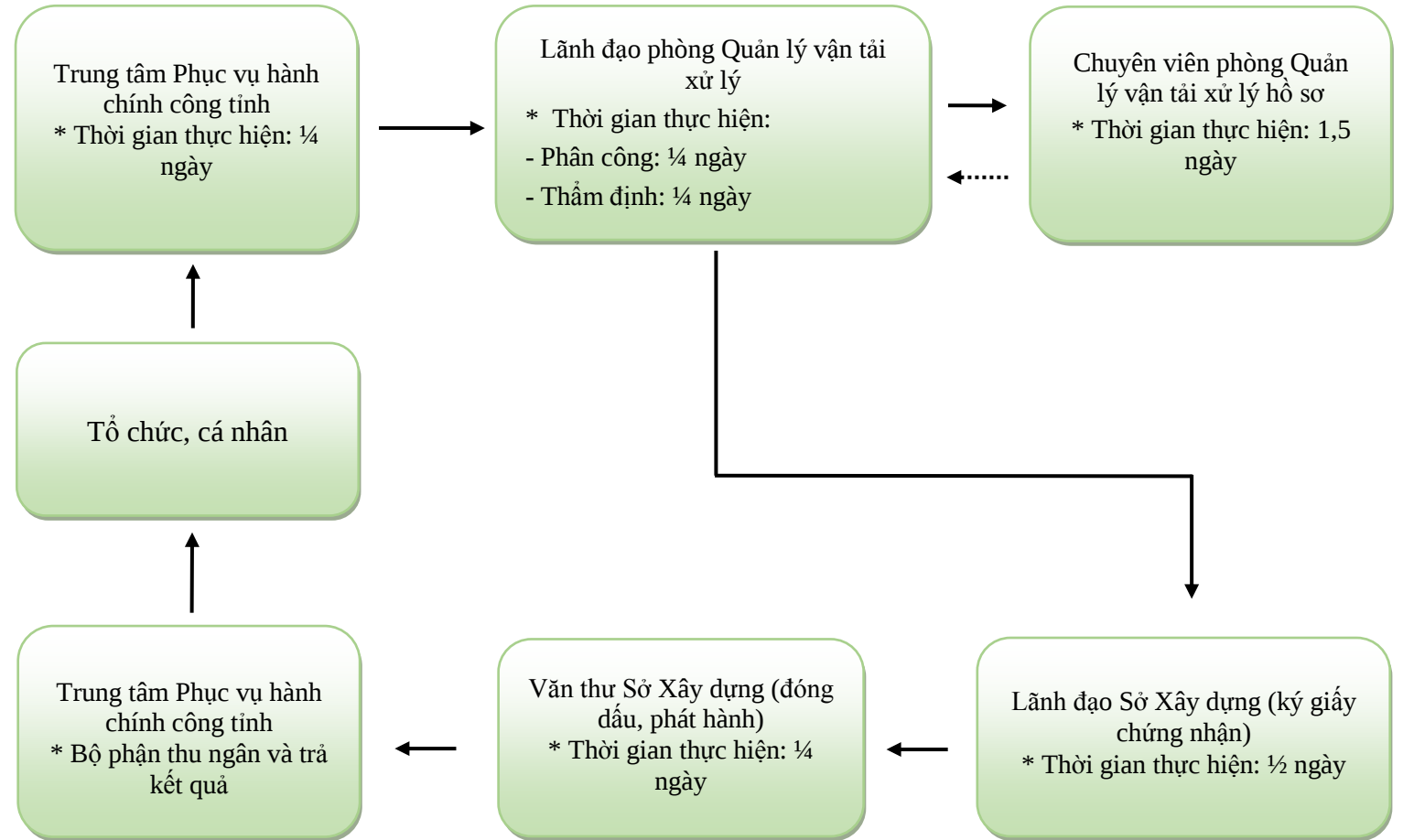
16

Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (2.002001.000.00.00.H35)
 - **Thời gian giải quyết:**
 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.



17

Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác
(1.006391.000.00.00.H35)
- **Thời gian giải quyết:**
03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

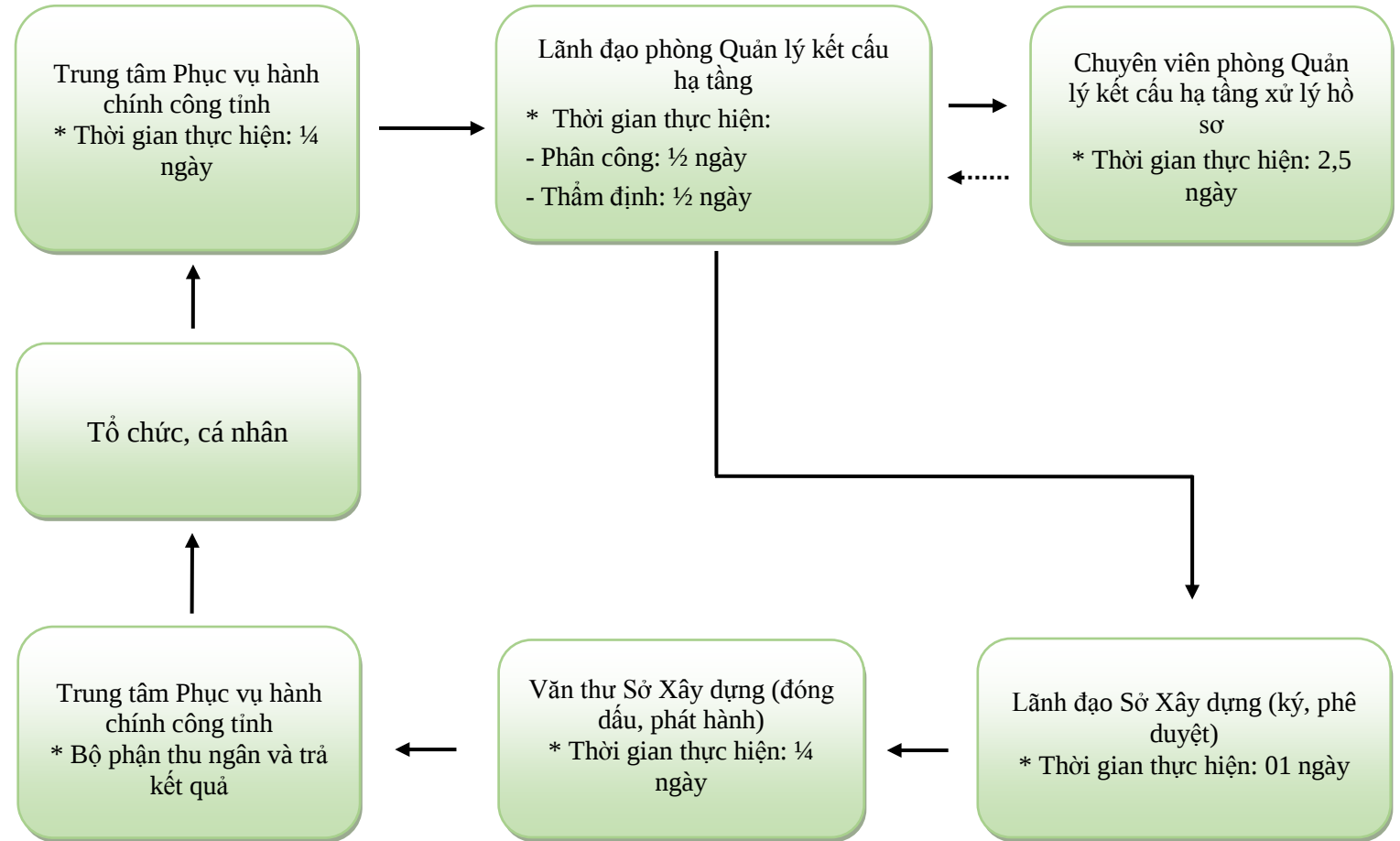


18

Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa
(1.009442.000.00.00.H35)

- **Thời gian giải quyết:**

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

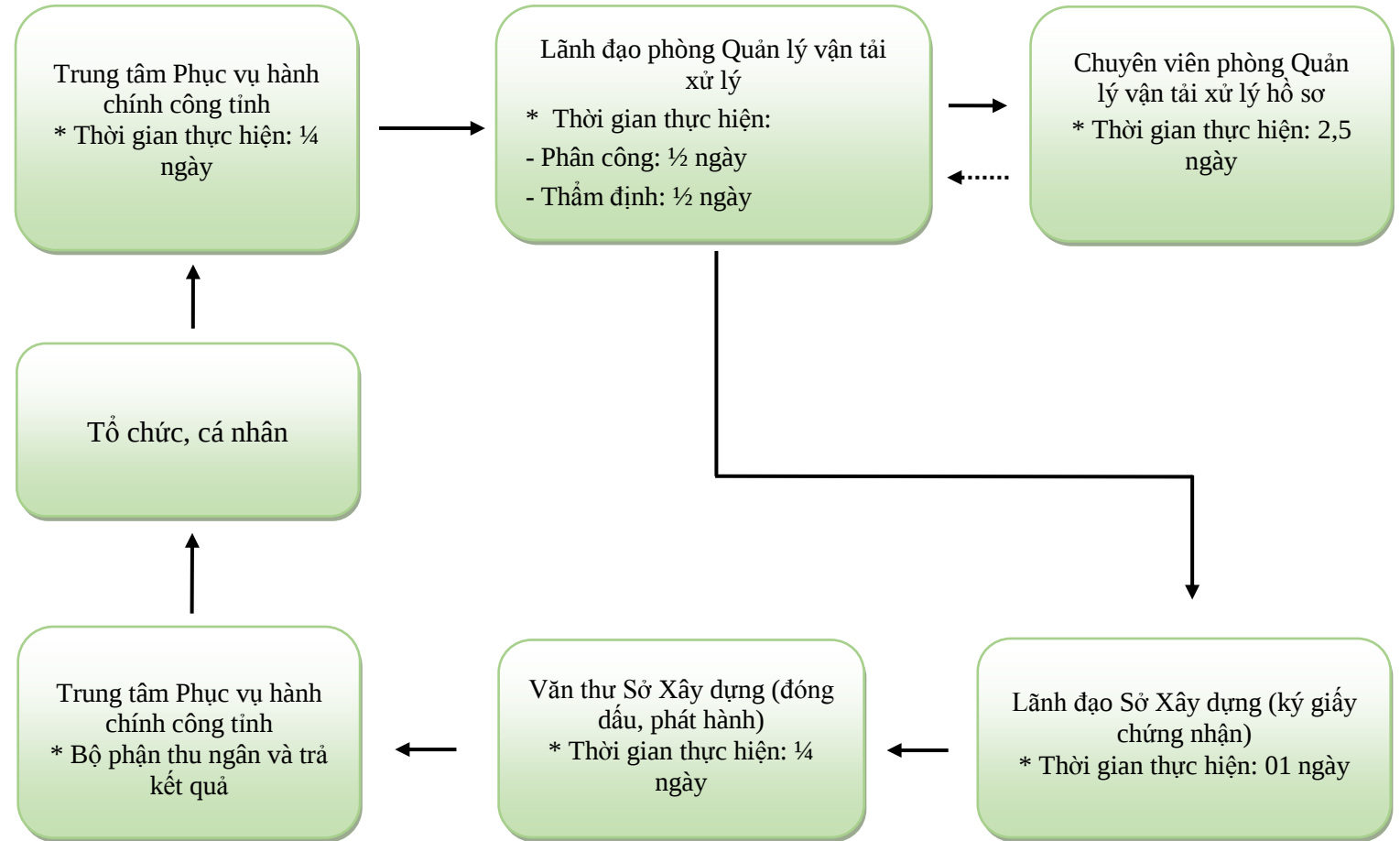


19

Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu
(1.009443.000.00.00.H35)

- **Thời gian giải quyết:**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của chủ cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu



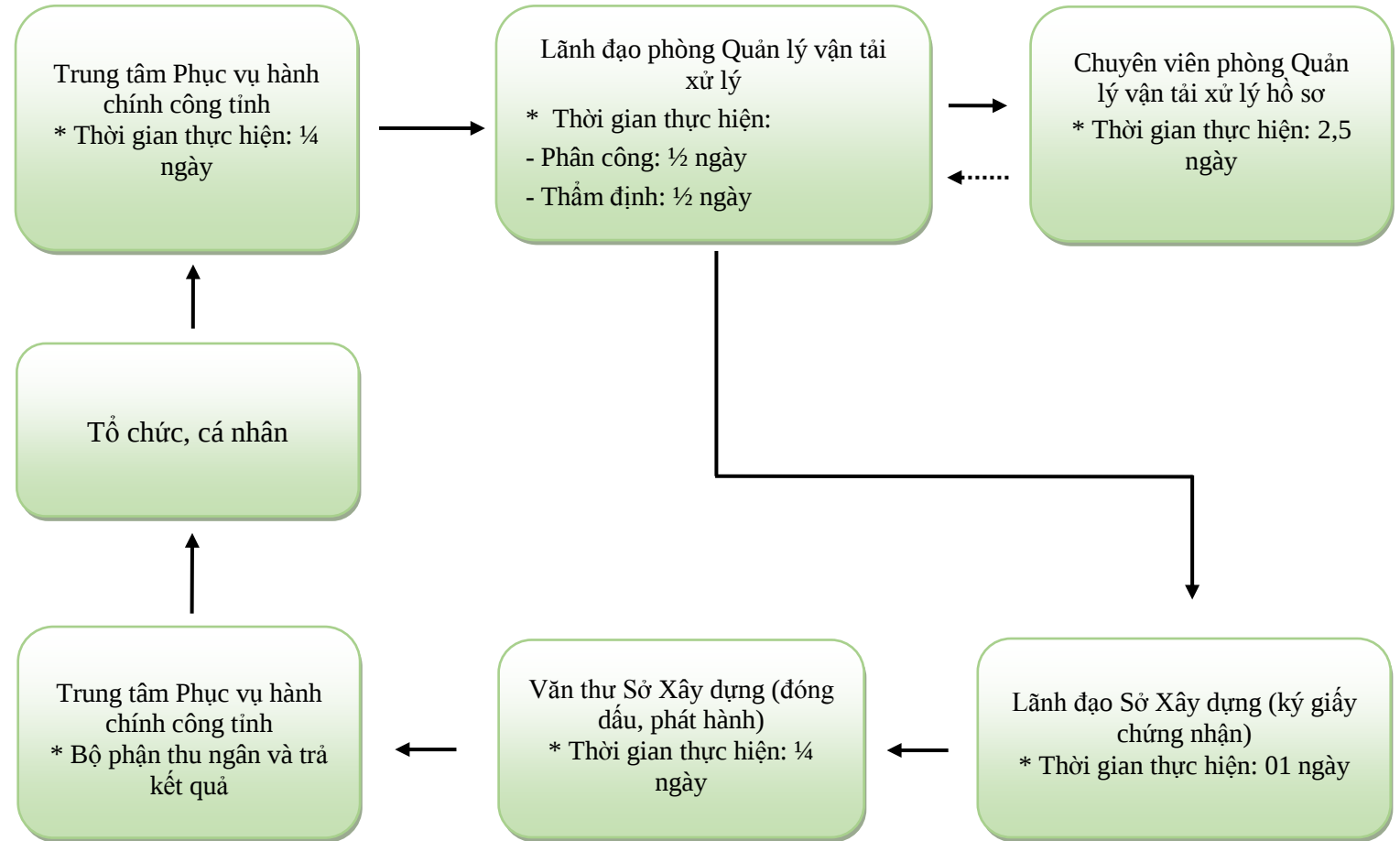
20

Thỏa thuận nâng cấp bến
thủy nội địa thành cảng
thủy nội địa

(1.009445.000.00.00.H35)

- **Thời gian giải quyết:**

Trong thời hạn 05 ngày làm
việc, kể từ ngày nhận được
đề nghị của chủ bến thủy
nội địa

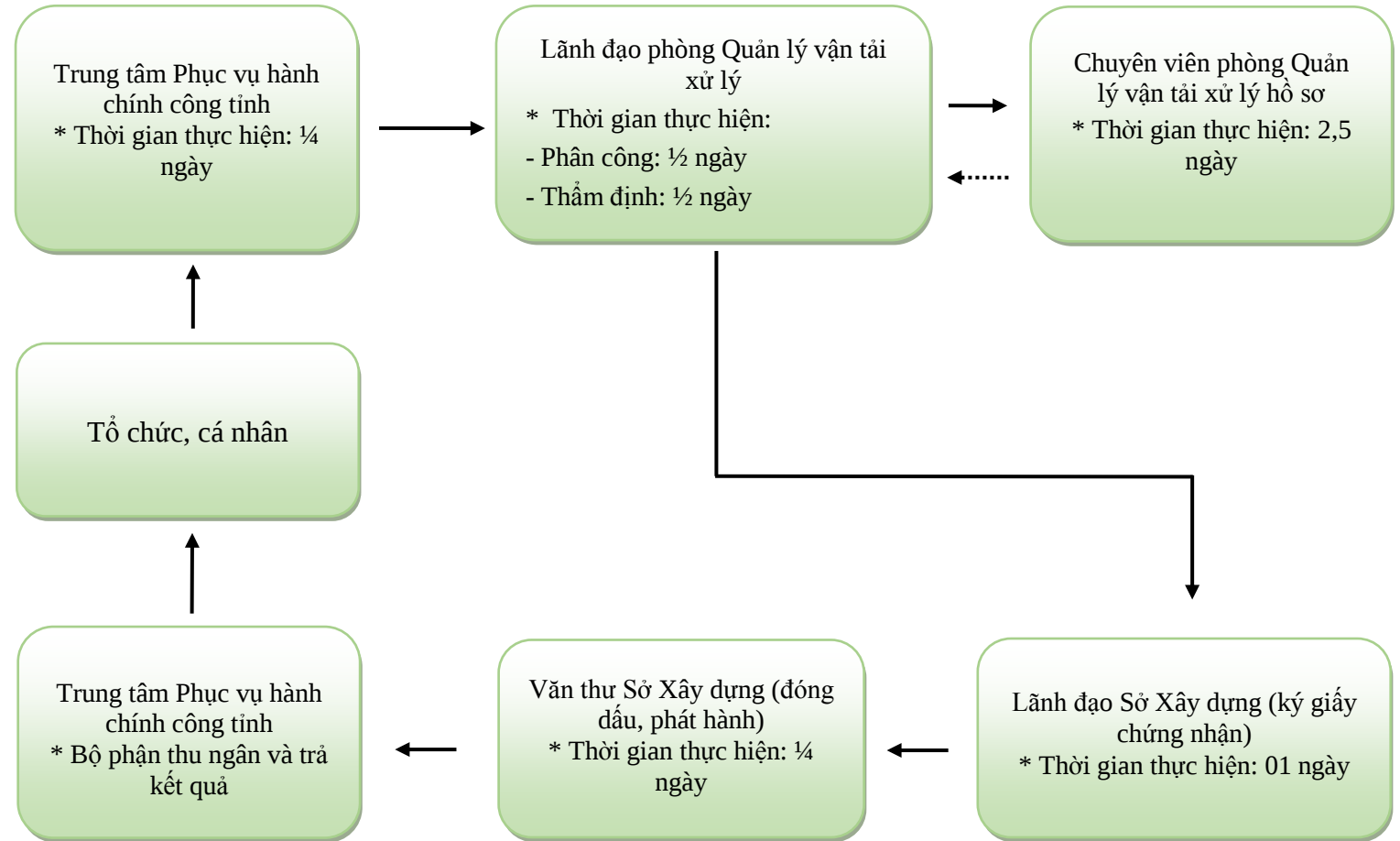


21

Gia hạn hoạt động cảng,
bến thủy nội địa
(1.009444.000.00.00.H35)

- **Thời gian giải quyết:**

Trong thời hạn 05 ngày làm
việc, kể từ ngày nhận đủ hồ
sơ theo quy định



22

Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa

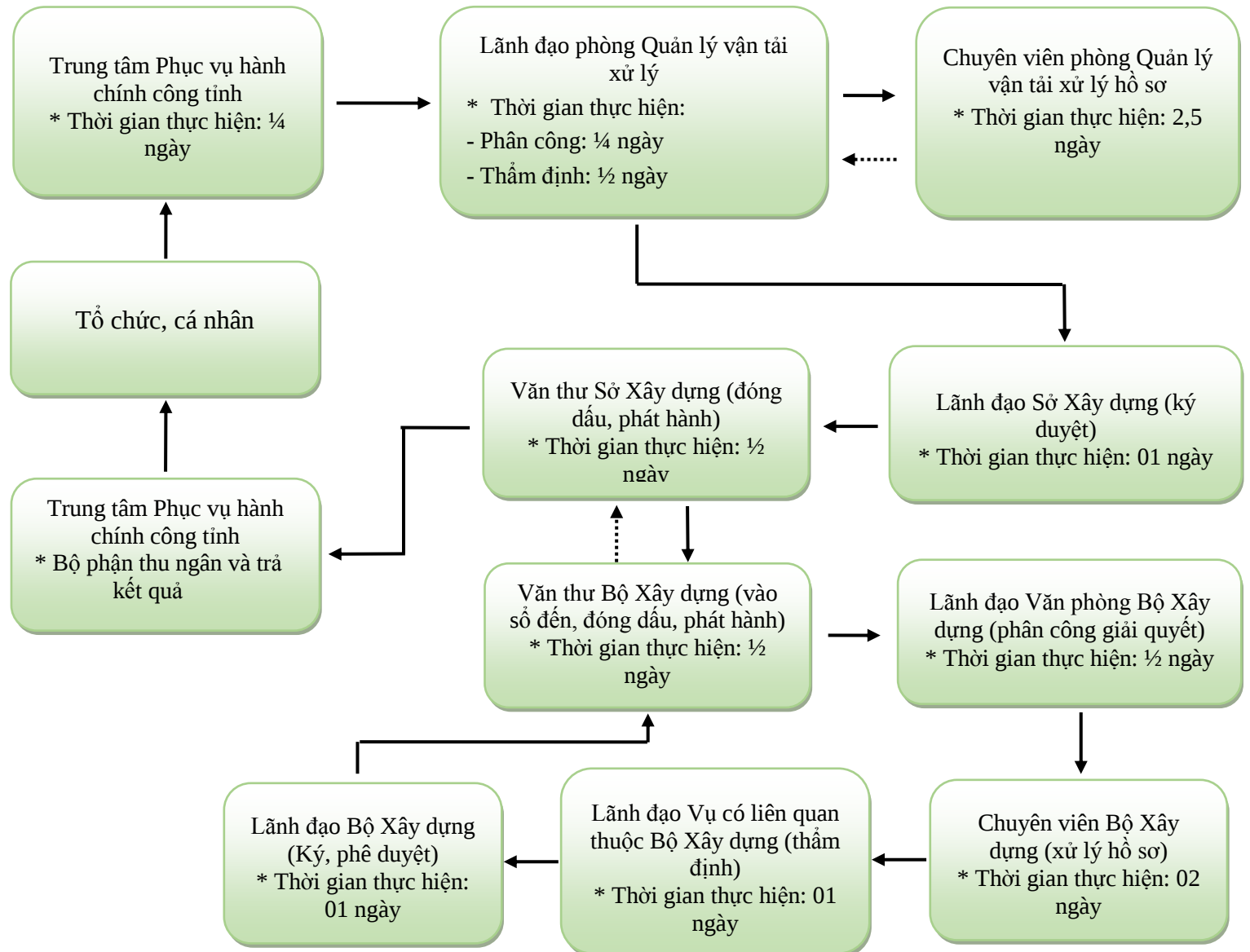
- Thời gian giải quyết:

+ Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

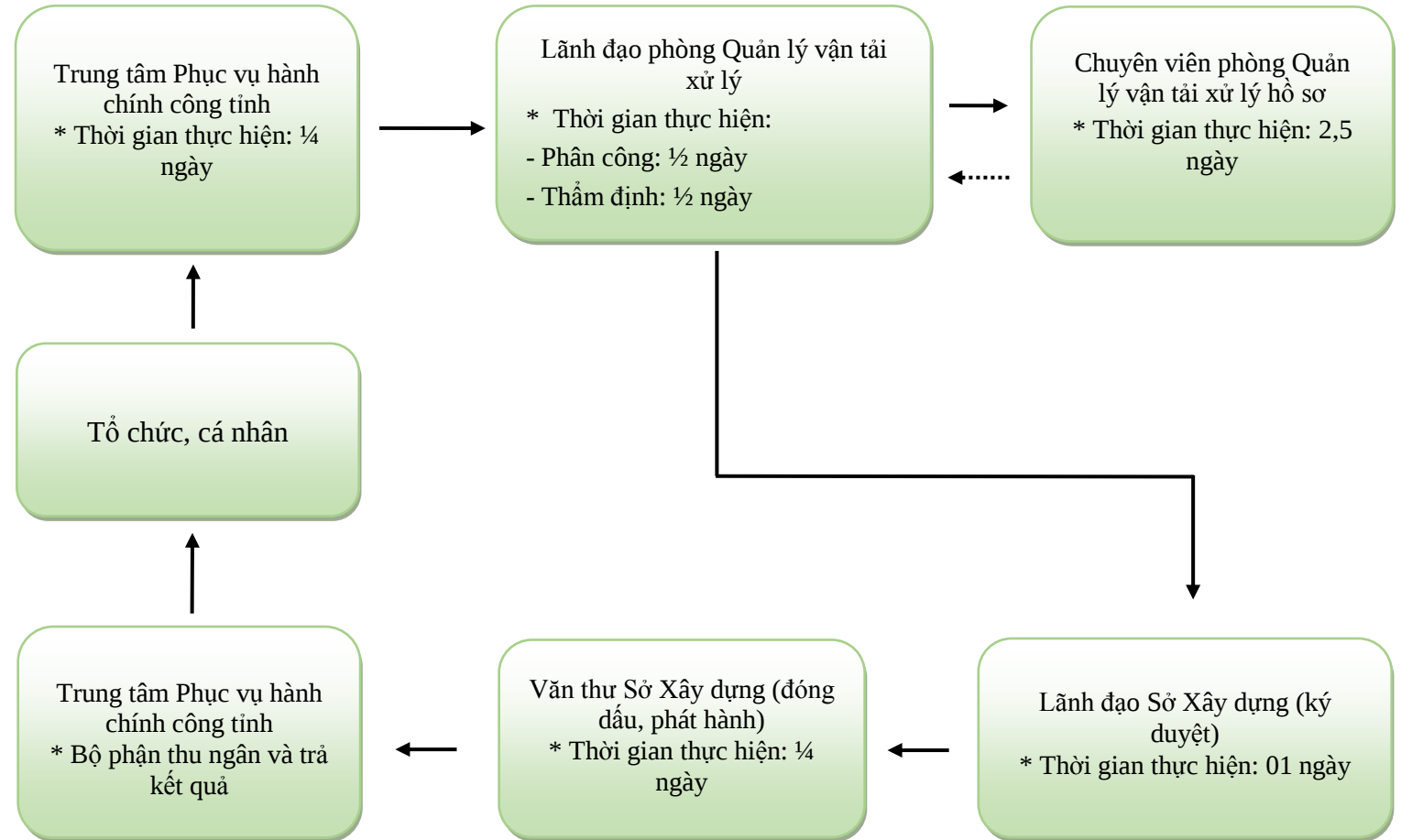
(1.009446.000.00.00.H35)

+ Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

* Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài



* Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

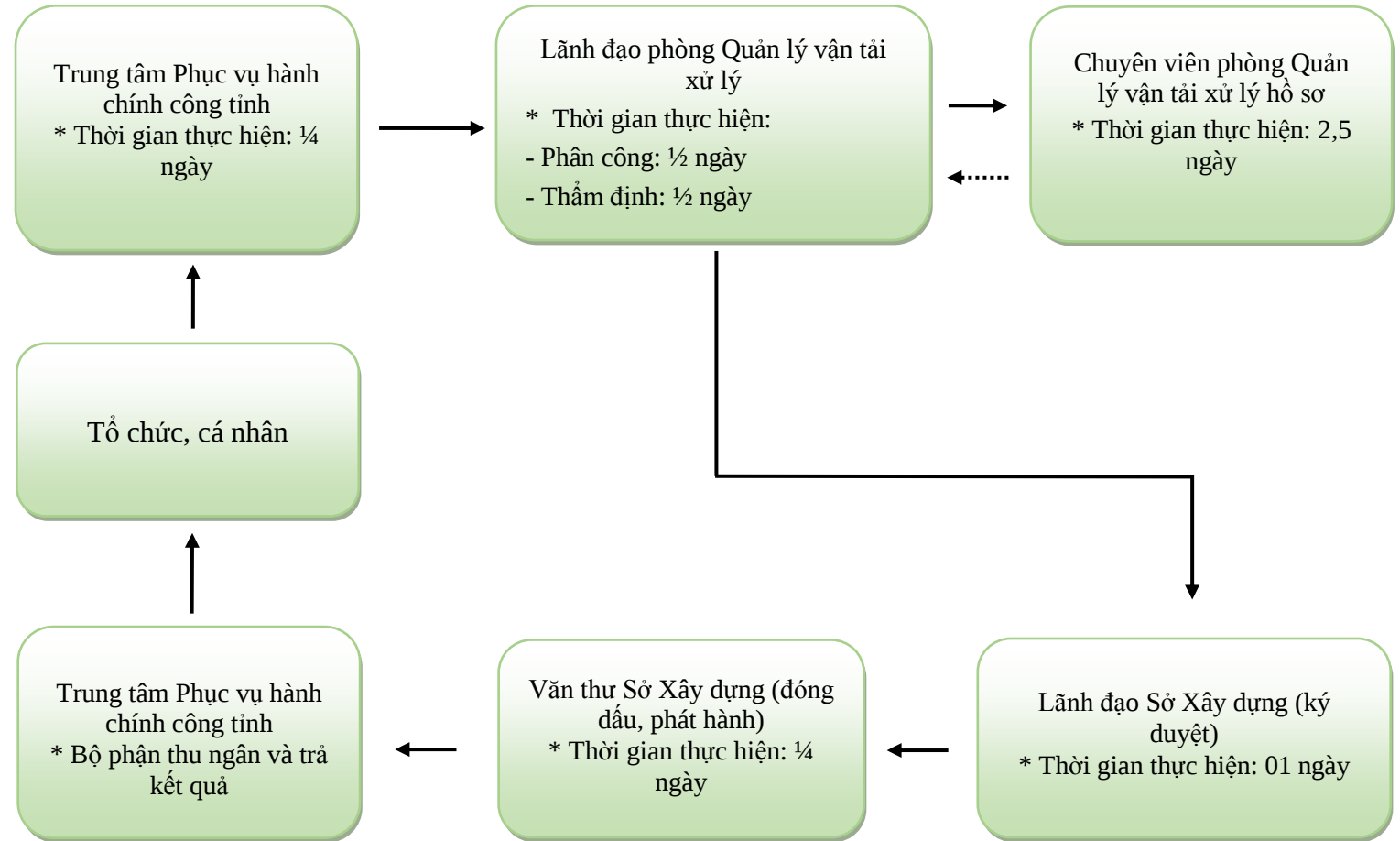


23

Công bố đóng cảng, bến
thủy nội địa
(1.009447.000.00.00.H35)

- **Thời gian giải quyết:**

Trong thời hạn 05 ngày làm
việc, kể từ ngày nhận đủ hồ
sơ theo quy định

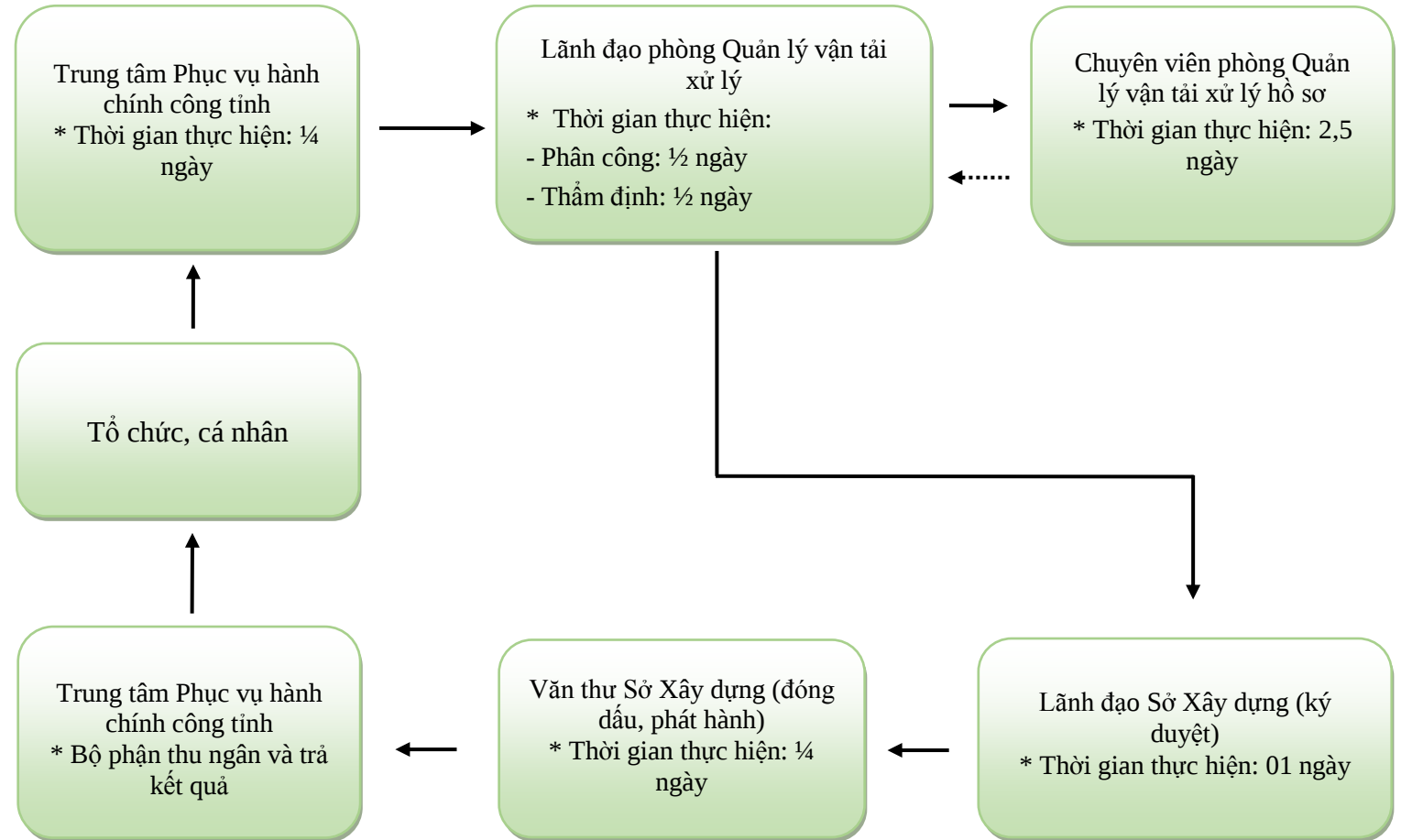


24

Thiết lập khu neo đậu
(1.009448.000.00.00.H35)

- **Thời gian giải quyết:**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

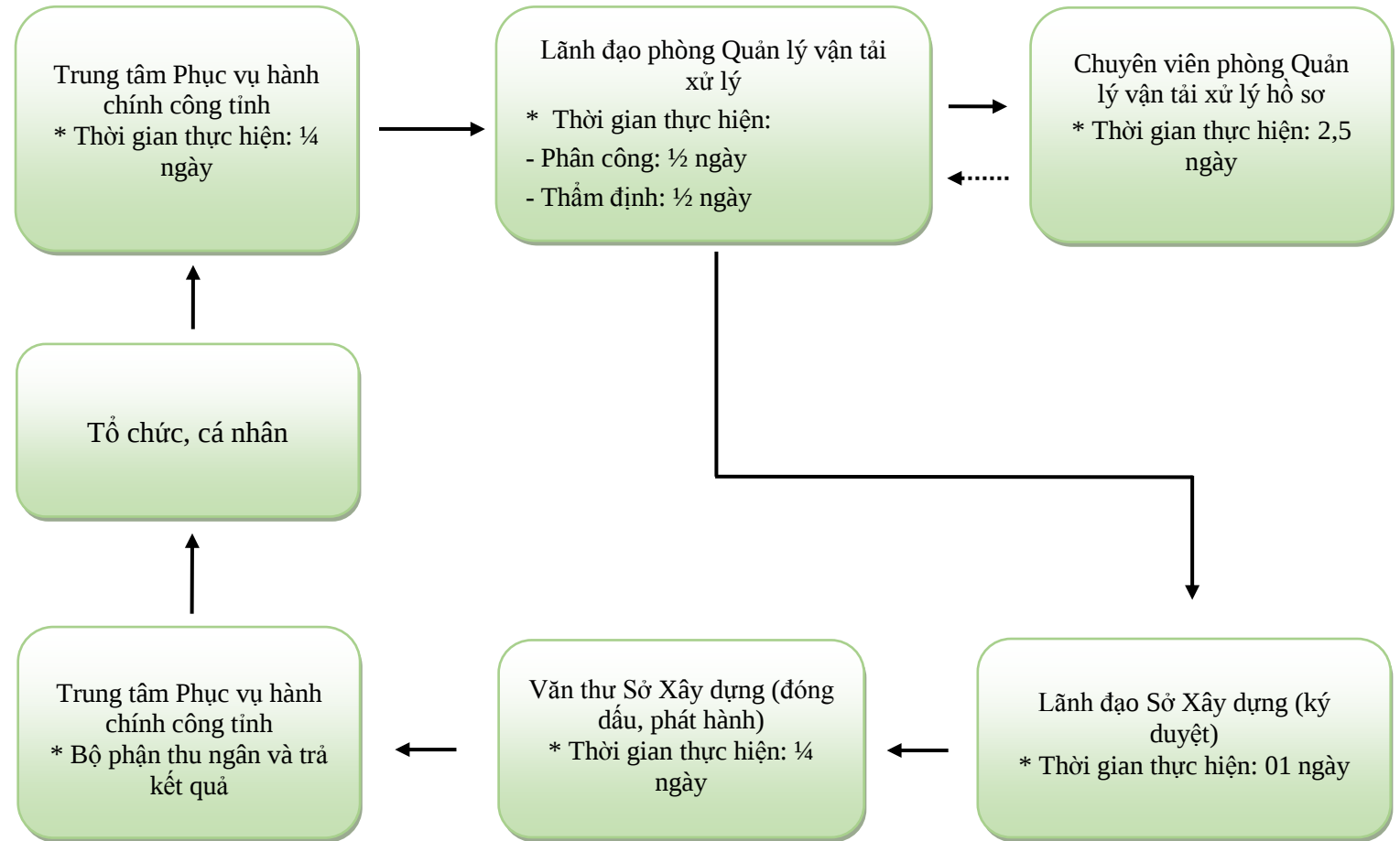


25

Công bố hoạt động khu neo đậu
(1.009449.000.00.00.H35)

- **Thời gian giải quyết:**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

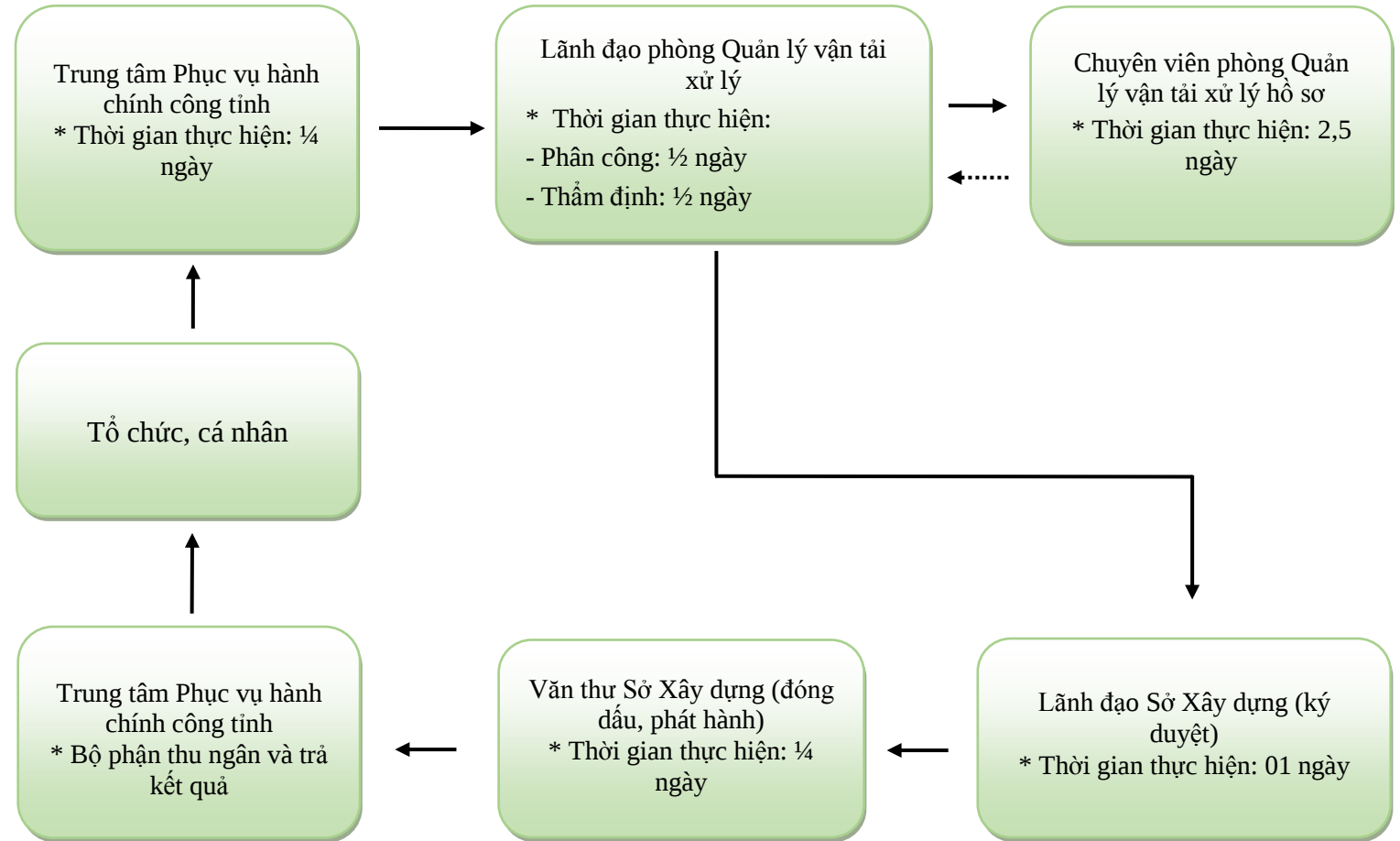


26

Công bố đóng khu neo đậu
(1.009450.000.00.00.H35)

- **Thời gian giải quyết:**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định



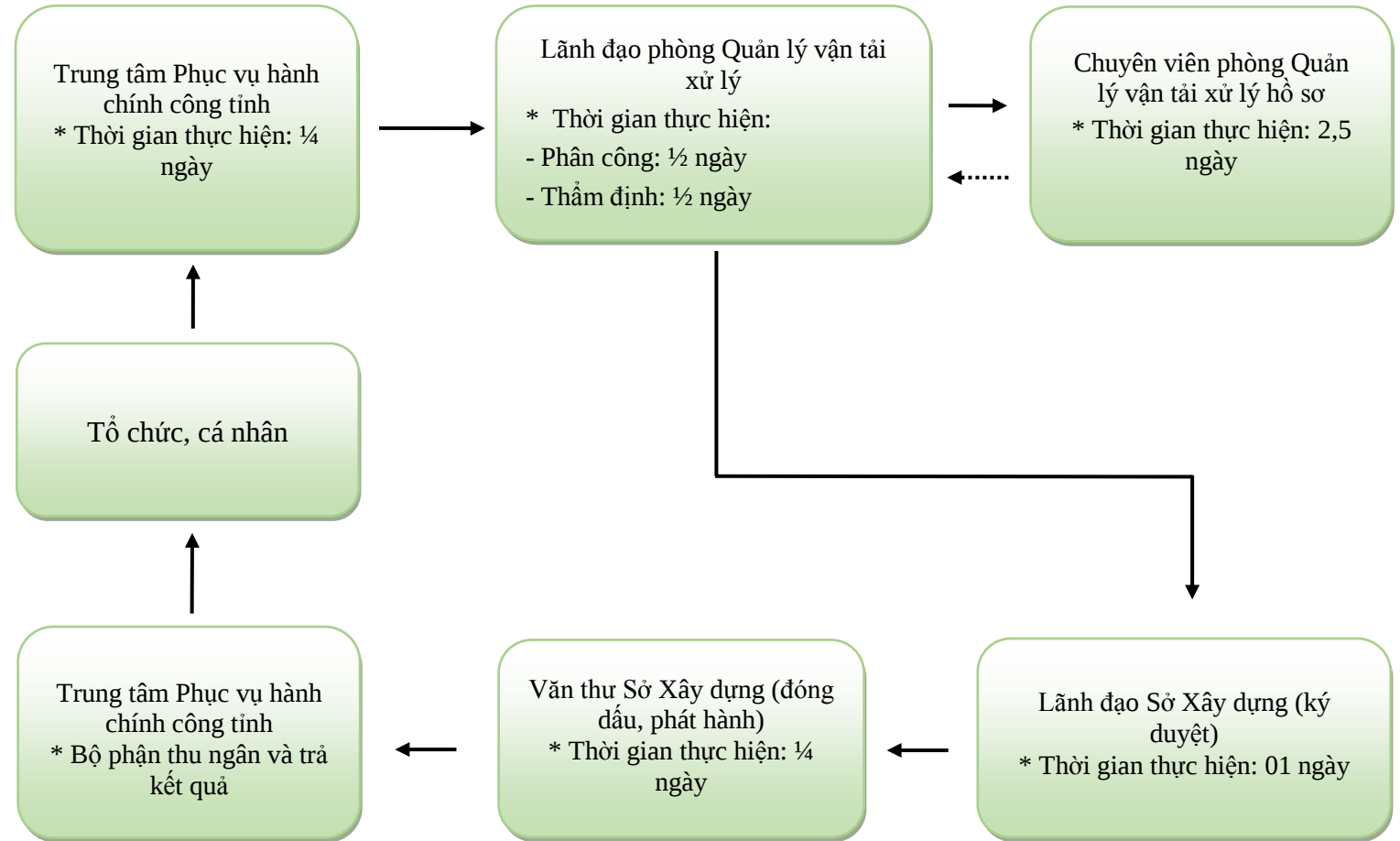
27

Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

(1.009458.000.00.00.H35)

- **Thời gian giải quyết:**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định



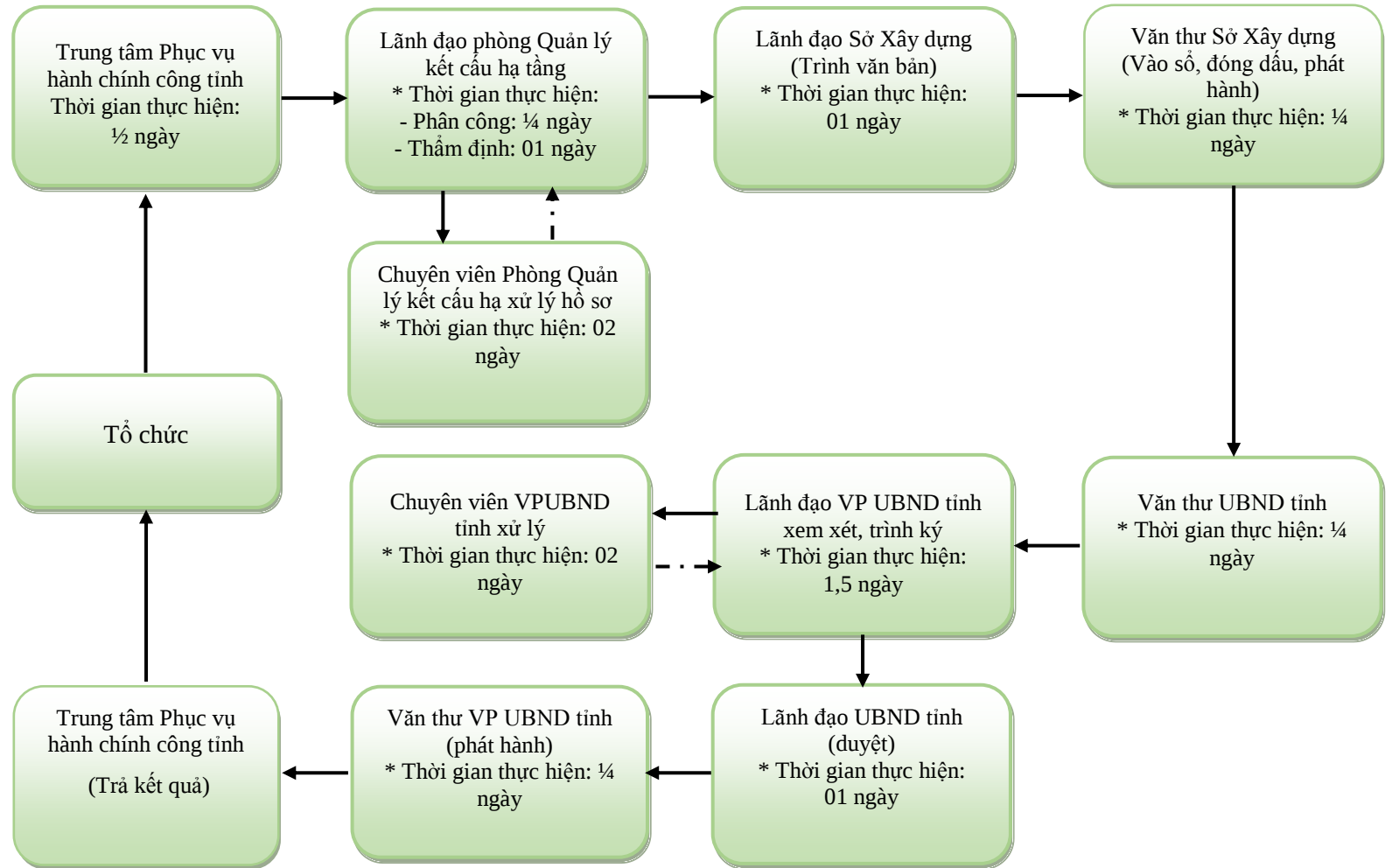
28

Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương

(1.009459.000.00.00.H35)

- Thời gian giải quyết:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

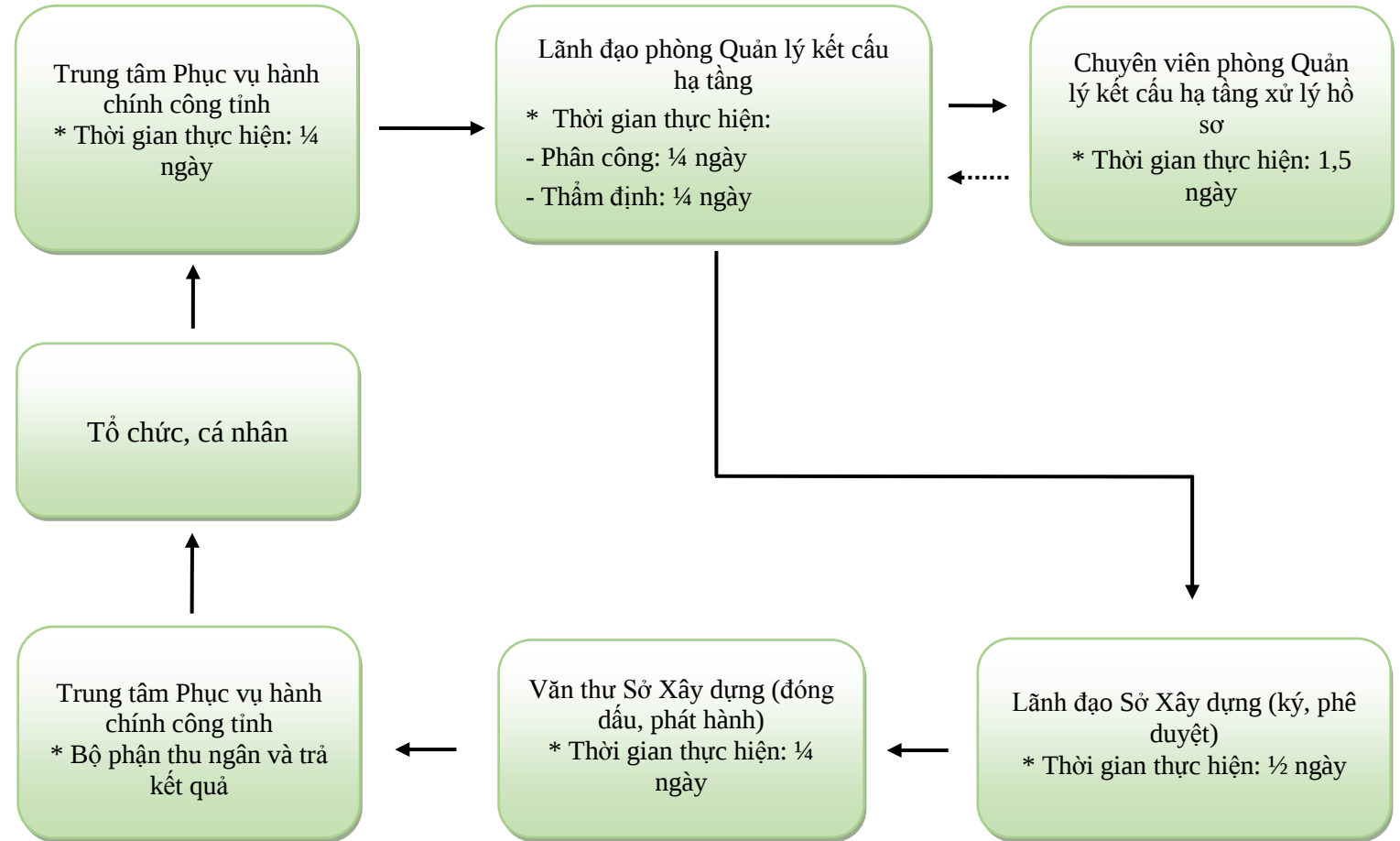


29

Thông báo luồng đường
thủy nội địa chuyên dùng
(1.0009461.000.00.00.H35)

- **Thời gian giải quyết:**

Trong thời hạn 03 ngày làm
việc, kể từ ngày nhận đủ hồ
sơ theo quy định



30

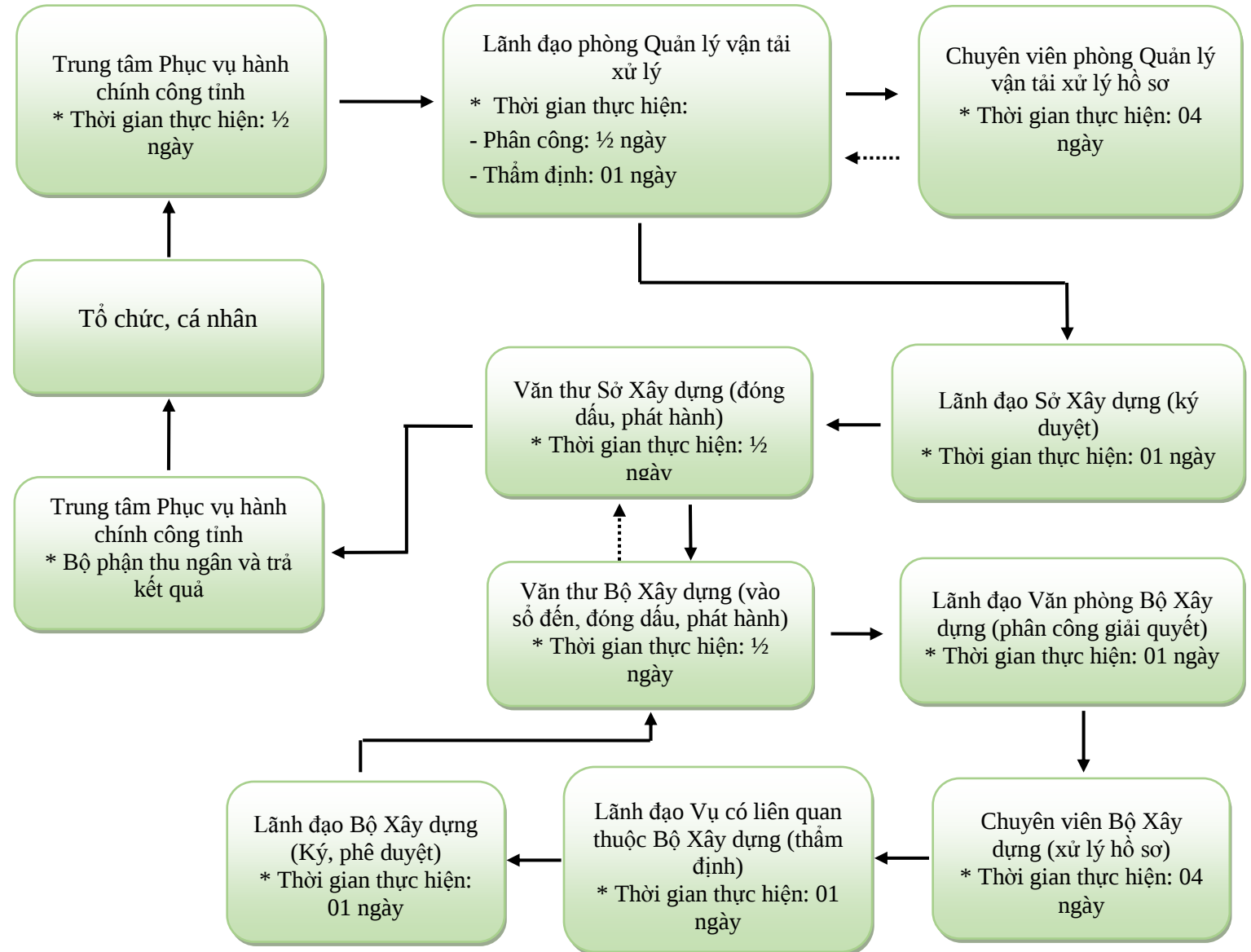
Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa
(1.009462.000.00.00.H35)

- Thời gian giải quyết:

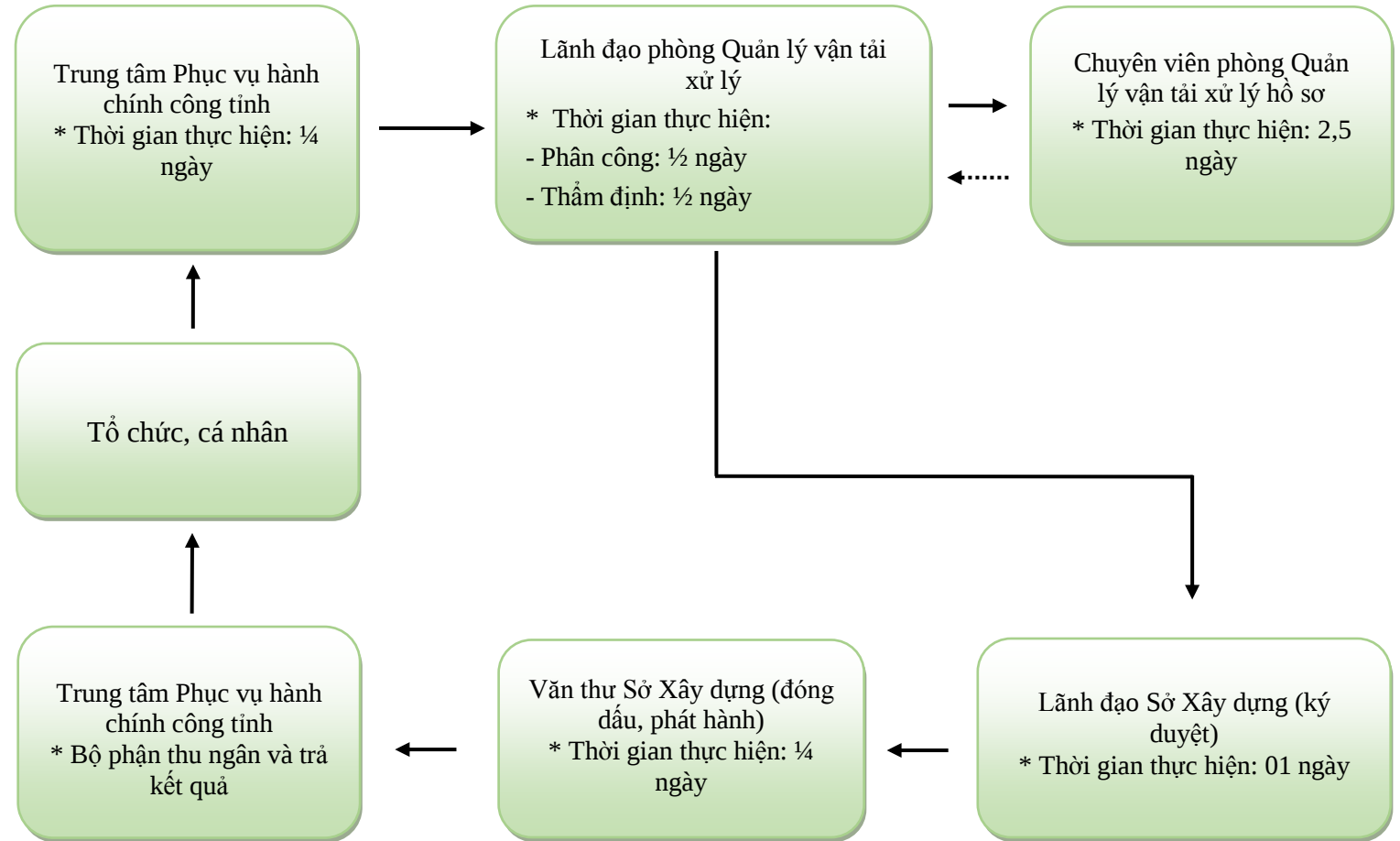
+ Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

+ Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

* Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài



* Đối với Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

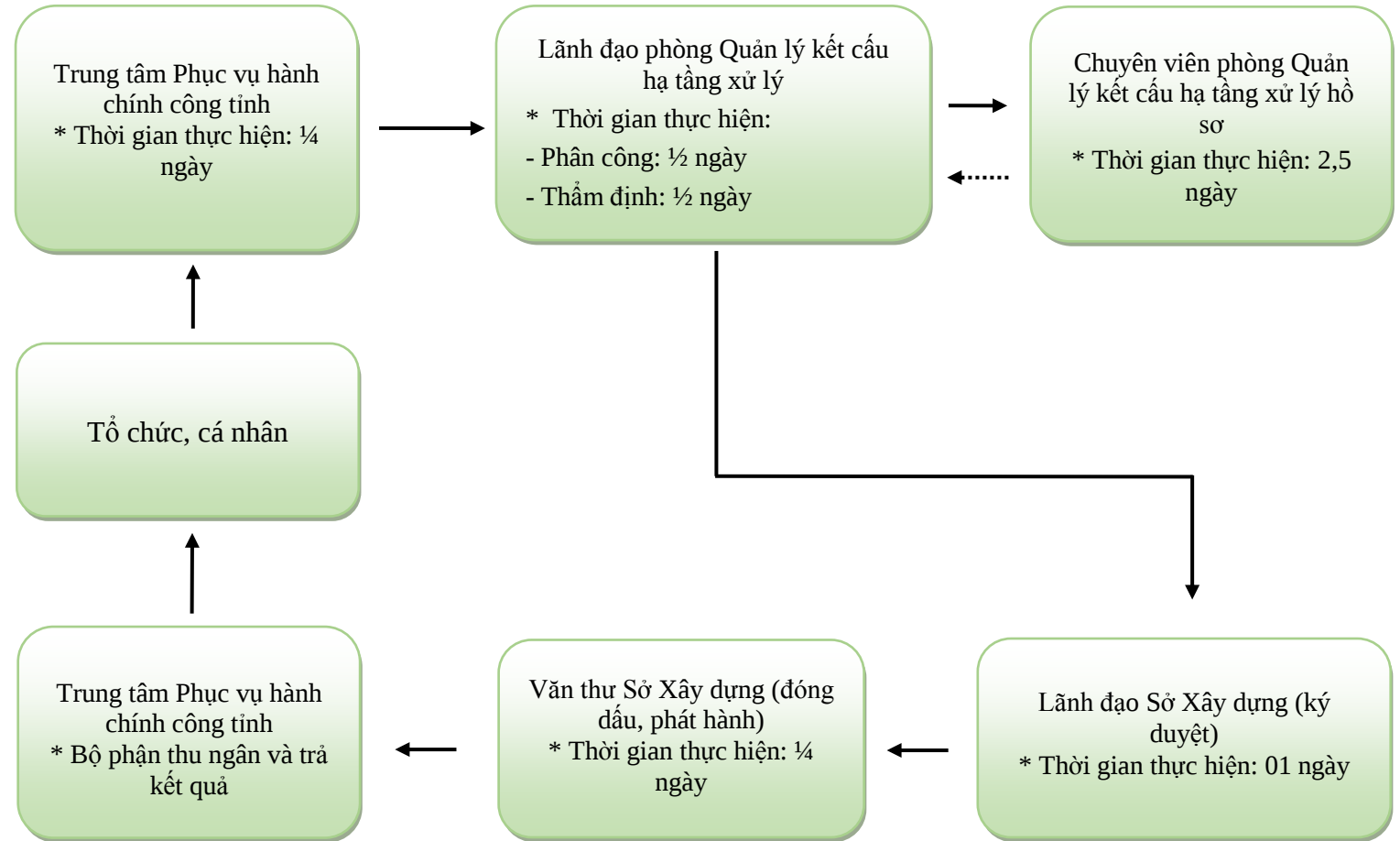


31

Công bố hạn chế giao thông
đường thủy nội địa
(1.009464.000.00.00.H35)

- **Thời gian giải quyết:**

Trong thời hạn 05 ngày làm
việc, kể từ ngày nhận đủ hồ
sơ theo quy định

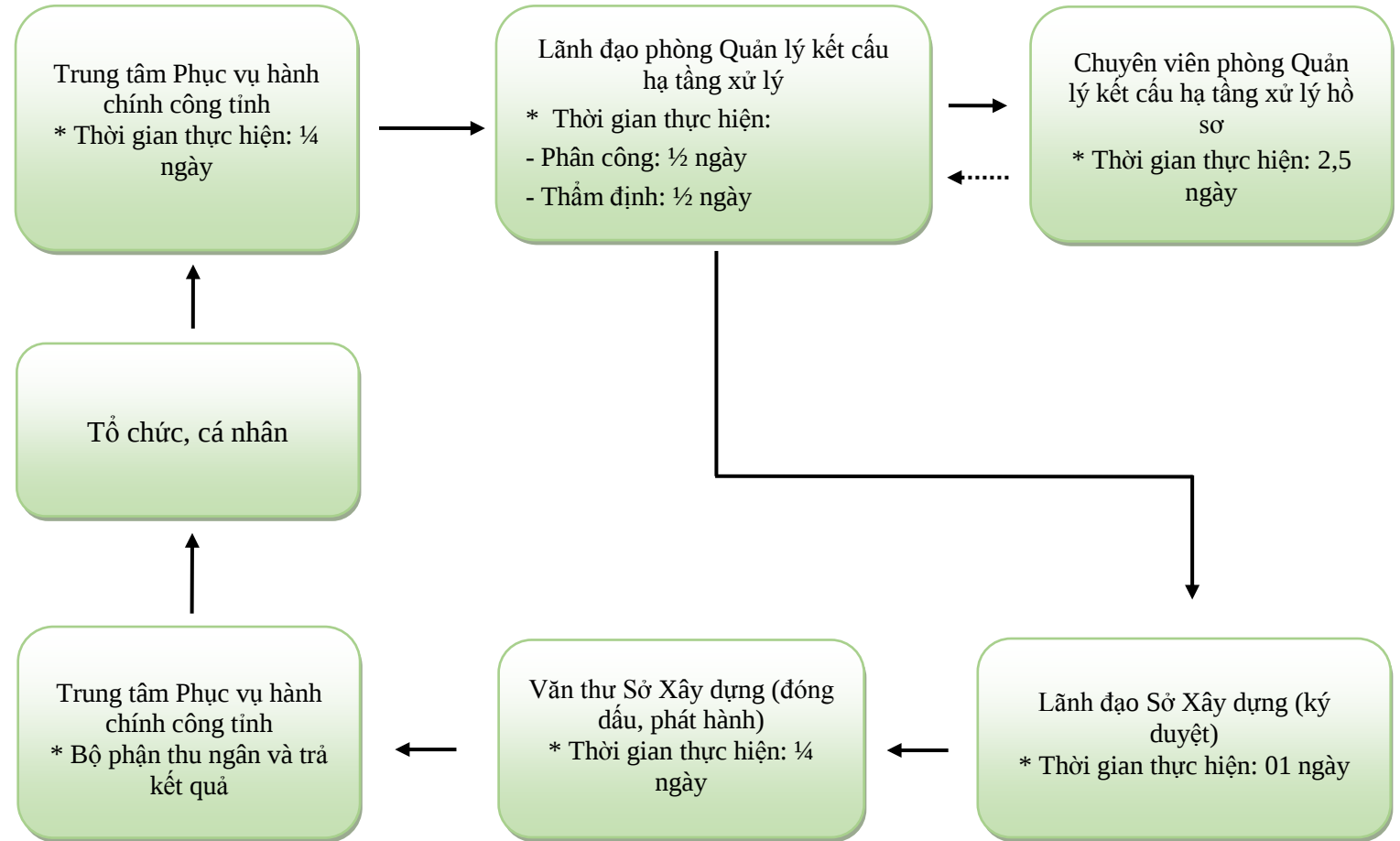


32

Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông
(1.009465.000.00.00.H35)

- **Thời gian giải quyết:**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định



33

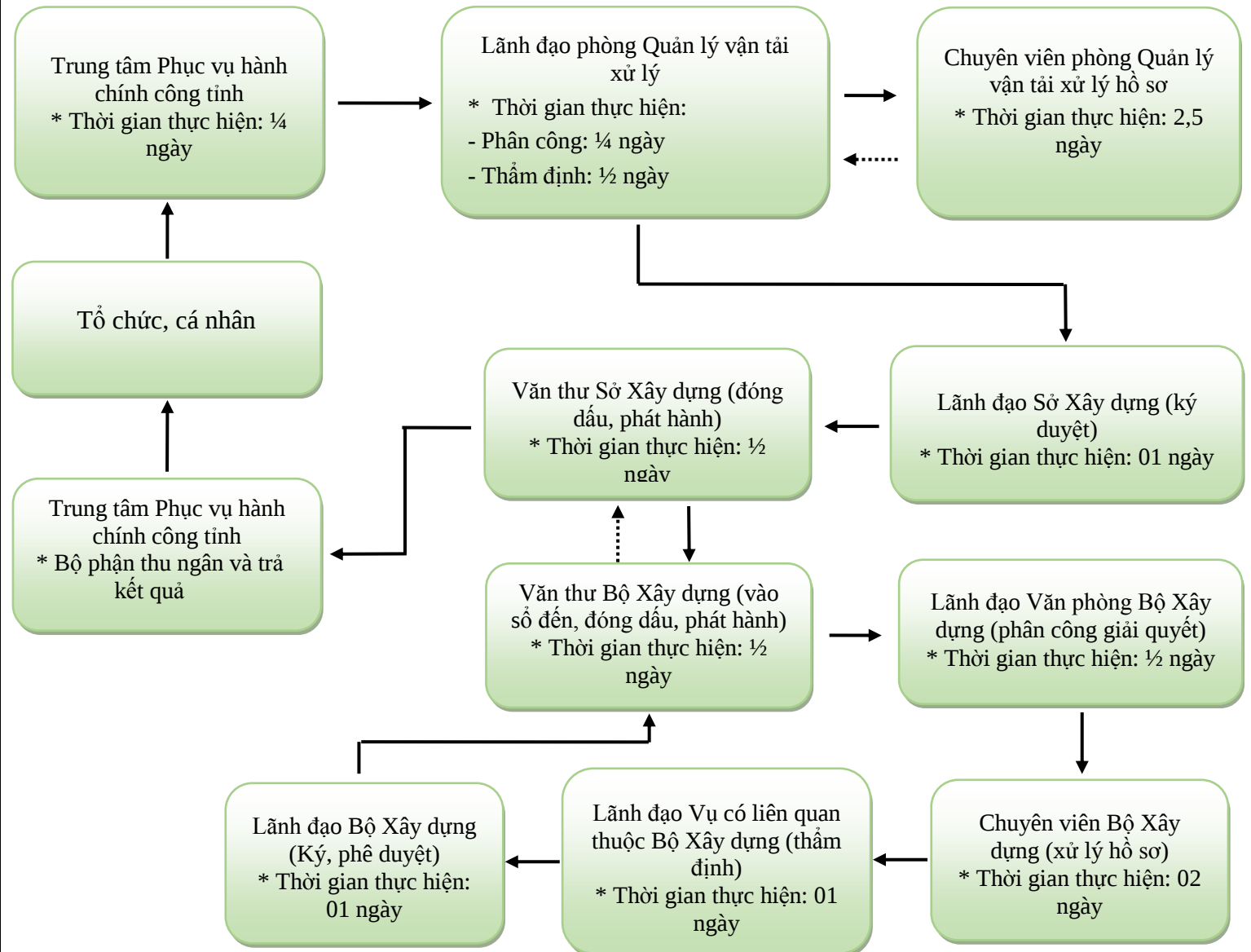
Công bố hoạt động cảng thủy nội địa
(1.009456.000.00.00.H35)

- Thời gian giải quyết:

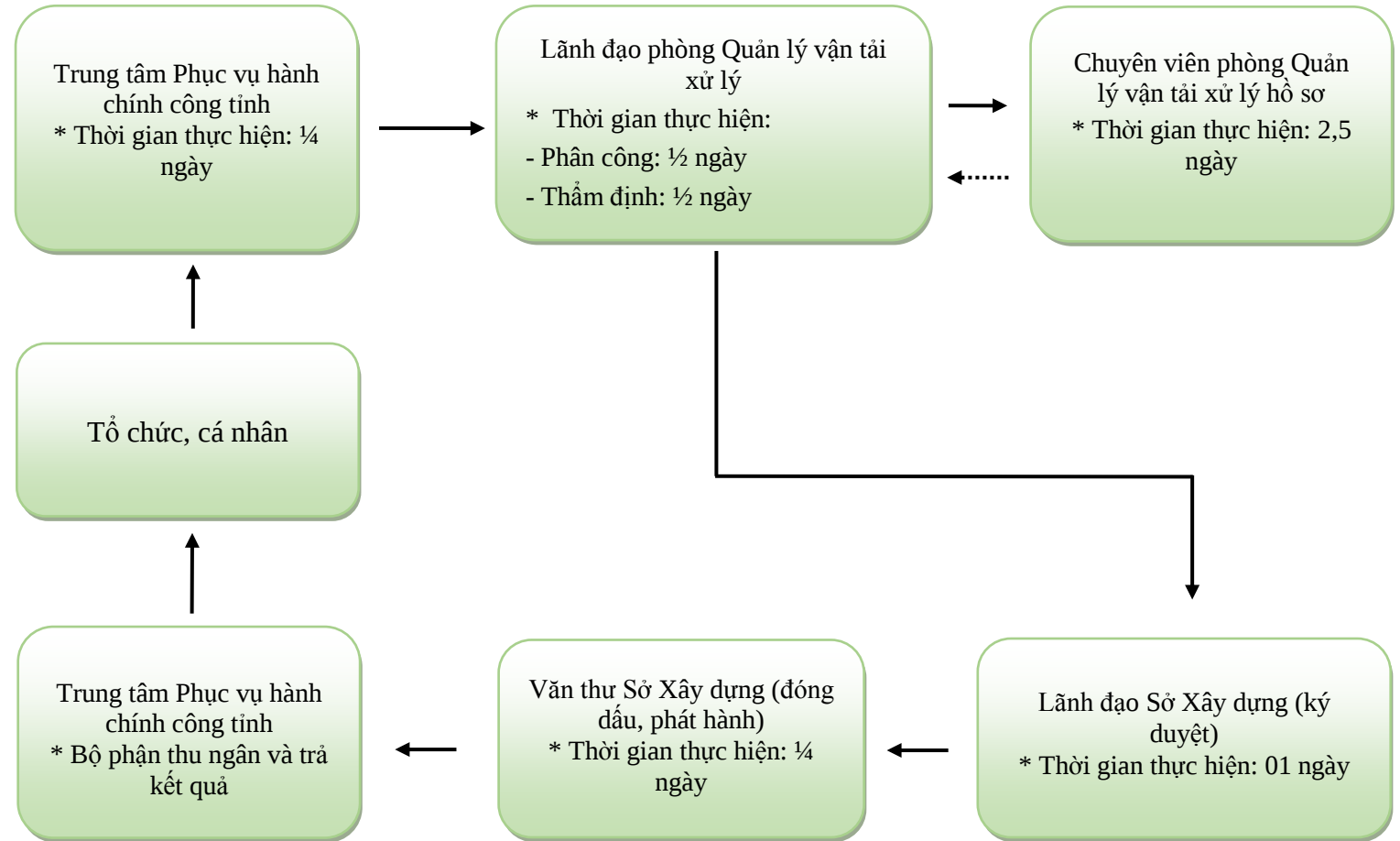
+ Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định..

+ Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

* Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài



* Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

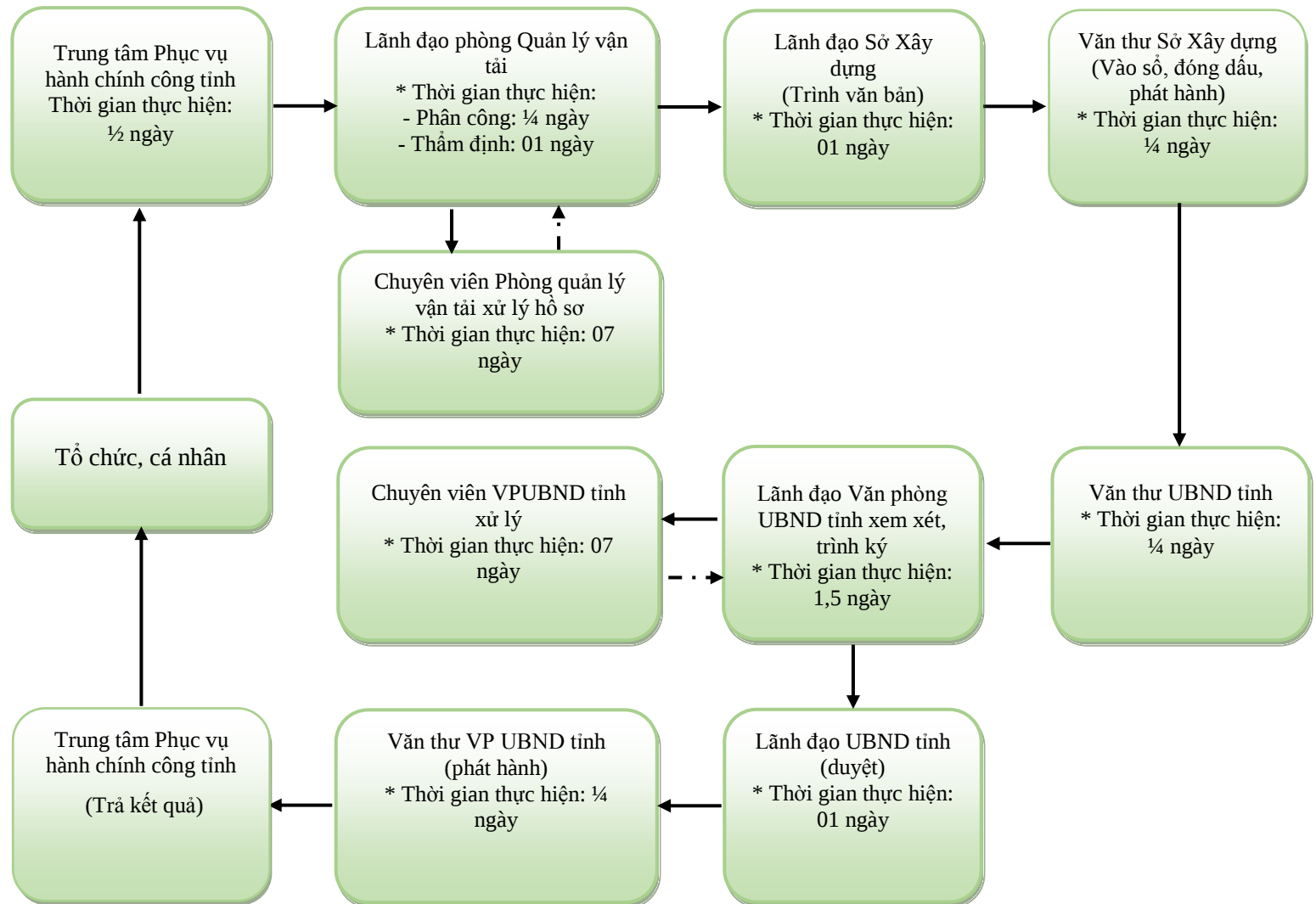


34

Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng (1.009460.000.00.00.H35)

- **Thời gian giải quyết:**

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định



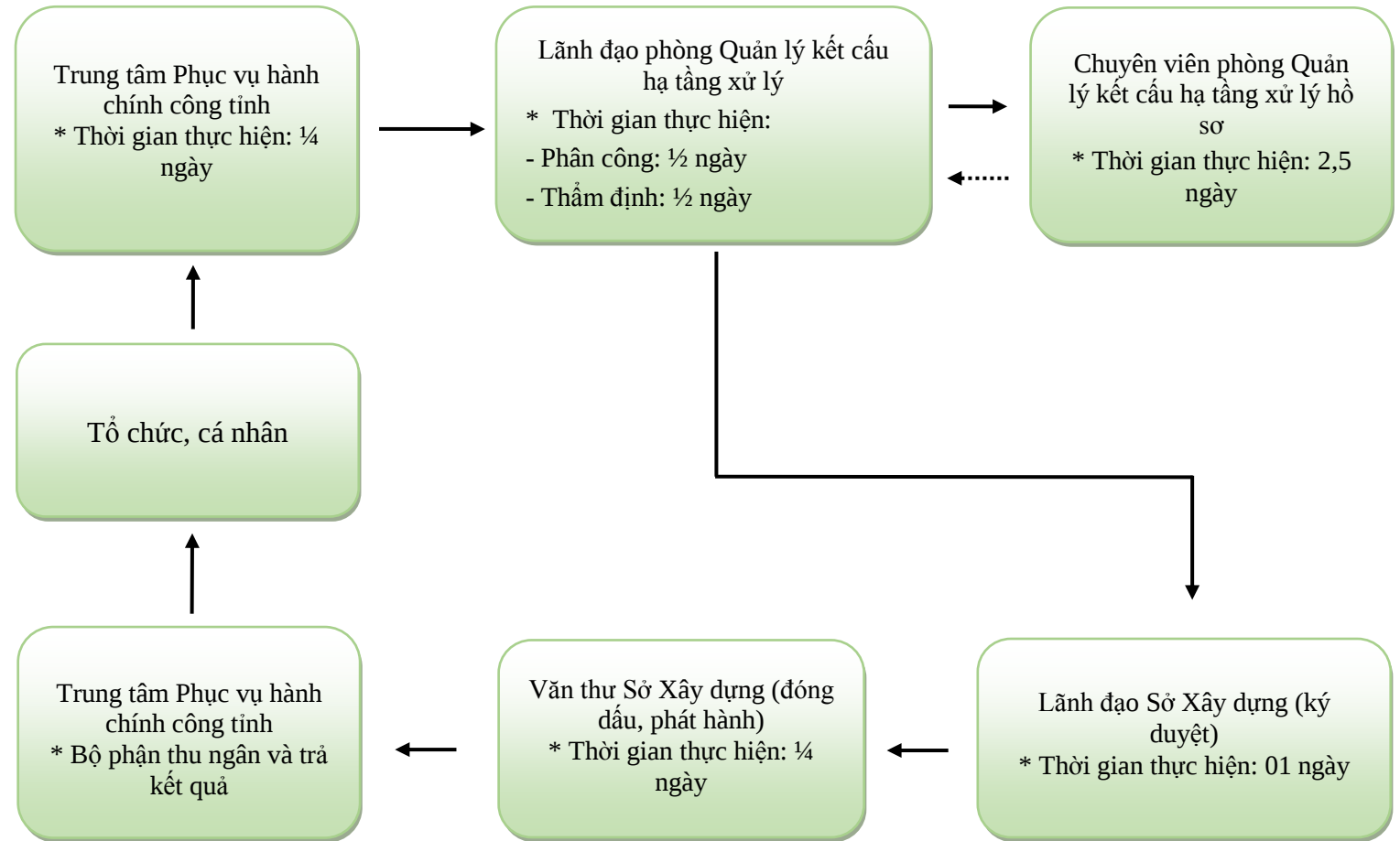
35

Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa

(1.009463.000.00.00.H35)

- **Thời gian giải quyết:**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.



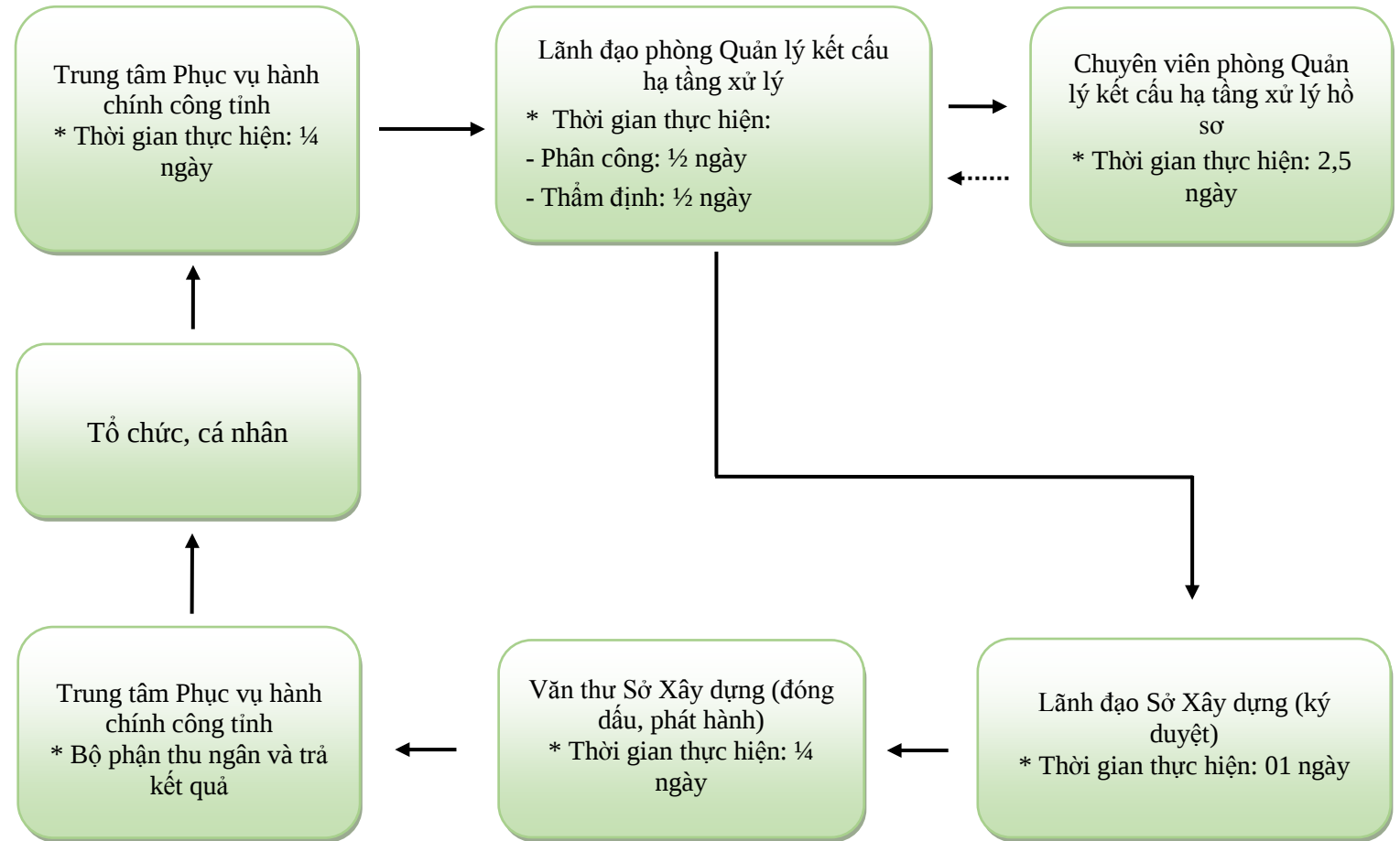
36

Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa

(1.009451.000.00.00.H35)

- **Thời gian giải quyết:**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.



37

Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải

(2.001219.000.00.00.H35)

- **Thời gian giải quyết:**

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

